

Viết & Đọc



Đặc San 2007

Viết & Đọc
Đặc San 2007



www.vietdoc.no

Thực hiện

Đinh Ngọc Cần, Dương Kim,
Thanh Hiệp, Đặng Bản,
Phạm Gia Lộc, Mai Thảo.

góp bài

Hoài Mỹ, Tâm Thanh, Khánh Hà,
Cổ Ngự, Đặng Trình, Cung Vĩnh
Viễn, Dương Kim, Mạch Nha,
Đoàn Mai Tâm, Thi Hạnh,
Phạm Tín An Ninh, Lê Nguyên,
Nguyễn Văn Thà, Phạm Đông
Ngạc, Nguyễn Phạm Thi Hào, Võ
Thanh, Thiếu Nguyệt, MQ, Trần
Thụy Minh, Nguyễn Thủy Nam.

Bìa: Xuân Quê Hương
Huỳnh Trọng Kim

liên lạc
post@vietdoc.no
konto: 0539.5049463

hoặc
Đinh Ngọc Cần
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Đặc San Viết & Đọc không phải là tiếng nói
của đoàn thể hay bất kỳ tổ chức nào. Mọi
chi phí ấn loát do sự đóng góp của các
thân hữu và bạn đọc.

mục lục

Ngò	Ban thực hiện	3
Văn chương dân gian nói về...heo	Hoài Mỹ	4
Xuân lạnh	Cổ Ngự	5
Những đàn chim thiên di	Phạm Tín An Ninh	6
Chiều mưa	Nguyễn Phạm Thi Hào	9
Niềm vui trên đường	Dương Kim (dịch)	10
Đêm trường đồ rượu -Về thăm chốn đợi	Cung Vĩnh Viễn	12
Mai sau kiếp khác	Tâm Thanh	13
Xem tuổi của bạn	Lê Nguyên (Sưu tầm)	19
Ý nghĩa 12 con giáp theo đông phương	Lê Nguyên (Sưu tầm)	20
Tết xưa	Phạm Đông Ngạc	22
Ngày sắp qua	Nguyễn Phạm Thi Hào	23
Về một bến sông. Xuân vẫn còn	Khánh Hà	24
Chỗ	Mạch Nha	25
Học tiếng Na-uy bằng thơ	Thi Hạnh	26
Côi riêng	Đoàn Mai Tâm	28
Chiều, tranh Lê Văn Tài và mưa	Nguyễn Thủy Nam	30
Đông Tây gặp nhau trong khoa học		
huyền bí	Lê Nguyên (Sưu tầm)	31
Cái chết oan khuất của nhạc sĩ Minh Kỳ	Phạm Tín An Ninh	32
Vết tích bạo tàn	Đặng Trình	35
Tim Nhịp	Mạch Nha	37
Kjære bønn/Kinh thân mến	Gunnar Wærness	
	Vô Thanh (dịch)	38
Hột cơm trên chiếu	MQ	40
Cám ơn đời	Thiếu Nguyệt	45
Có một dòng sông	Nguyễn Thủy Nam	46
Những câu hỏi mùa mưa	Cổ Ngự	50
Sài Gòn, đêm hoà loạn	Cổ Ngự	57
Người con gái của quốc- mẫu	Nguyễn Văn Thà	62
Giới thiệu sách	Ban thực hiện	70
Lá thư Na-uy	Lê Nguyên	74
Cánh tuyết	Thơ Thi Hạnh/ Nhạc Trần Thụy Minh	82

Ngỏ

Bạn thân mến

Gần chục năm qua, Viết&Độc đã đều đặn làm công việc góp nhặt những sáng tác rải rác trong năm của người Việt hiện đang sống ở Na-uy để gửi đến quý bạn đọc, những người nghiền tiếng Mẹ có tiếng Mẹ để đọc, có hình ảnh quê hương để ấp ủ trong những ngày đầu năm mới.

Cho đến nay, Viết&Độc được bạn đọc đón nhận như một người bạn thân thiết, thủy chung; người Việt nghiệp dư đang tập tành tiếng Mẹ không cảm thấy ngại ngùng; người viết chuyên nghiệp thì bao giờ cũng dành những bài viết đặc sắc nhất cho Viết&Độc, ưu tiên dành cho bạn đọc chung miền định cư với mình trước khi chuyển cho các báo ở bên ngoài.

Cùng với những dấu hiệu đầy lạc quan đó, Ban Thực Hiện sẽ cho mở lại trang nhà tại địa chỉ www.vietdoc.no. Ở đó, quý bạn sẽ tìm được không chỉ những bài vừa cập nhật mà còn các số Tuyển Tập của các năm trước cùng các bài đã đăng trên trang nhà Viết&Độc từ 1998 cho đến nay. Hân hạnh mời quý bạn ghé thăm cùng gửi sáng tác của mình cho mọi người cùng thưởng thức.

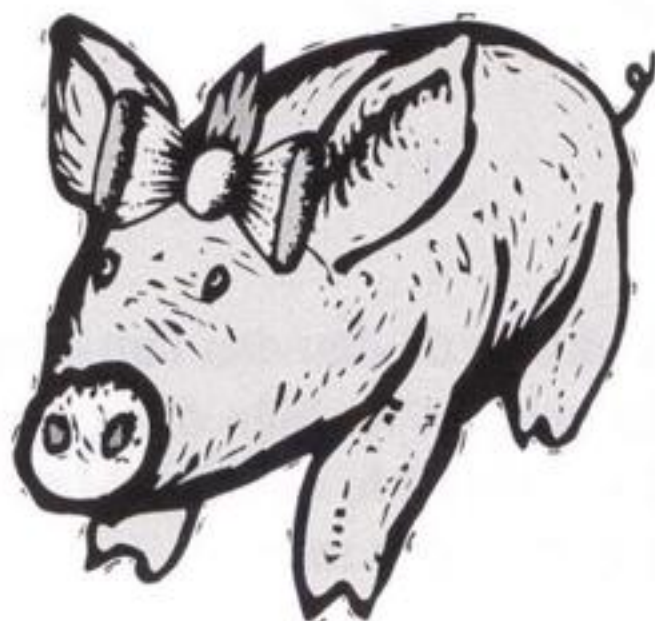
Riêng Đặc San Viết&Độc Xuân Đinh Hợi đang trên tay bạn bao gồm: những bài viết rất là Tết như *Văn chương dân gian nói về heo* của Hoài Mỹ, *Tết xưa* của Phạm Đông Ngạc, *Xuân lạnh* của Cổ Ngư....; triền miên cô độc như *Đêm trường đổ rượu* của Cung Vĩnh Viễn; nổi đau trên những dấu vết của tội ác như *Vết tích bạo tàn* của Đăng Trình... Trong mục giới thiệu các tác phẩm vừa phát hành trong năm của các tác giả hiện đang ở Na-uy có thi tập *Hạnh phúc đơn sơ* của Thi Hạnh, và bản Việt Ngữ kịch thơ *Per Gynt* của Henrik Ibsen do Tâm Thanh & Khánh Hà chuyển ngữ và chú thích rất công phu nhân kỷ niệm 175 năm ngày sinh của tác giả. Đặc San còn nhiều bài khác nữa xin để lại đó cho sự khám phá của riêng bạn.

Trước khi vào Đặc San, nơi gặp gỡ chung, chúng tôi xin chân thành cảm ơn quý bạn Viết, bạn Đọc cùng các văn thi sĩ xa gần đã ủng hộ cả tinh thần lẫn vật chất cho chúng tôi cơ hội duy trì Viết&Độc.

Mến chúc các bạn Mùa Xuân Đinh Hợi 2007 an khang, thịnh vượng.

Ban Thực Hiện

Văn chương dân gian nói về... heo



Hoài Mỹ

Cứ vào mỗi dịp cuối năm, đức Phật thường cho gọi cả 12 con giáp lại để giảng dạy. Ngài khuyên nhủ chúng tới lượt con nào cai quản trần thế thì hãy cố gắng sao để thiên hạ được hòa bình, nhân gian hạnh phúc. Bao giờ cũng vậy, khi nhanh nhẹn nhất, nhảy tót lên ngồi trên lòng đức Phật; chớ nằm dưới chân, rông bay lượn làm hào quang trên đầu Ngài... Một lần kia, sau khi đảo mắt nhìn từ nhìn các con vật ấy, đức Phật chợt hỏi:

"Đường như các con hiện diện không đầy đủ?" Trong khi các con giáp khác ngơ ngác ngó nhau thì chú khi lộ vẻ ngượng ngập; mặt và đít cùng đỏ lên như thể... xấu hổ lắm. Phút sau khi ta đành thú nhận:

"Thưa Ngài, heo nó... hôi và bản kinh khủng... Con sợ nó làm dơ áo Ngài nên con..."

Đức Phật lắc đầu, nghiêm giọng:

"Giá trị của chúng sinh không phải ở hình thức bên ngoài mà tại Tâm. Các con há chưa nghe câu "dục tu kỳ thân, tiên chánh kỳ tâm" sao? - Muốn tu thân thì mỗi cá nhân phải sửa Tâm mình cho chân chính... Heo đâu, lại đây, con!" Heo đang nấp sau một gốc cây, nghe tiếng đức Phật, vội vàng vừa chạy vào vừa ừn ừ ra chiều cảm động. Và cũng từ ngày ấy khi mới chịu kết bạn với heo. Tuy nhiên vì bản tính nghịch ngợm láu cá, thỉnh thoảng khi vẫn chọc phá heo. Ngược lại, vốn tâm lý dễ dãi, heo chỉ... học học, cười xòa. Đọc truyện Tàu nhiều kỳ Tây Du ký, thấy những gì diễn ra giữa Tôn Ngộ Không và Chư Bát Giới, người ta ắt hiểu nguyên nhân.

Danh tính: Người miền Nam mình thường kêu là heo, trong khi miền Bắc hay gọi là lợn. Cả hai danh từ này đều chỉ giống gia cầm nuôi

để ăn thịt, mõm dài, tai lớn, bụng to, lấm mỡ, móng chẻ, nhiều vú và đẻ sai. Tuy nhiên nếu muốn điệu nghệ, tỏ ra sành nghề thì phải dùng tên sao cho đúng danh chính ngôn thuận mà chỉ con heo, con lợn này đang ở vào thời kỳ nào của cuộc đời nó. Chẳng hạn: "Heo con" hay "heo sữa" là heo con còn bú. "Heo choai" hay "heo lú" là heo mới dứt sữa. "Heo dái" hay "heo hạch" là heo đực tơ chưa thiến (hoạn). "Heo nọc" là heo đực nuôi lấy giống, đối nghịch với "heo thiến", đến gần thời kỳ động cõn thì (bị) cắt bỏ bộ phận sinh dục rồi nuôi cho mập ú để bán. "Heo nái" hay "lợn sề" là heo cái đã đẻ con nhiều lần... Nhưng nếu nghe gọi "heo gạo", ta nên hiểu đó là loại heo bệnh, có ổ sán trong thịt như hột gạo. Danh từ này còn có nghĩa bóng: "Giấy bạc giả". Và, "Heo lăn chai", loại heo rừng, nanh dài, dám cự với cọp. Tiếng lóng của từ ngữ này ám chỉ cầu thủ can đảm, chơi hết mình, chiến đấu hết lòng. Còn như "lợn lòi" tức "heo rừng", thứ đầu to, mõm dài, chân cao, đít thon, rậm lông, sống trên rừng, ngoài vòng "gia đạo" nhưng lại hay mò về phá hoại hoa màu của nông dân. V.v... Khi tới phiên heo trở lại ngự trị trần gian, người ta không dùng tên cúng cơm của nó để gọi, nhưng dùng một danh từ mới: Hợi - mang vẻ văn hoa và thanh tao. Để ghi nhớ con cái mình sinh nhằm năm nào, người Việt có thói quen lấy tên của con giáp ấy để đặt tên cho con mình. Nào cụ Sửu, bà Thìn, ông Mão, chị Tí, nào anh Tuất, cô Tị, chú Ngọ, thím Dậu, nào cậu Dần, mợ Mùi, o Hợi... Đặc biệt tên của bất cứ con giáp nào cũng thích hợp cho cả nam lẫn nữ, như Dần, con cọp, vậy mà không thiếu cô/bà mang tên Dần. Người nghe lại rồi rít khen là "mỹ danh"! Mão chỉ con mèo yếu điệu, yếu ớt nhưng cũng lấm đấng mày râu được bố mẹ khai

sinh là Mèo. Vẫn oai như thường! Heo thuộc loại tạp thực, nghĩa là ăn bất cứ rau cỏ gì, tuy nhiên "thực đơn" hàng ngày của heo thường gồm bèo nấu với cá; đôi khi được bữa bã rượu (hèm) kể như thứ "cao lương mỹ vị", heo đớp thùng bát tri thình. Bởi vậy thấy ai ăn uống nguồm ngoàm, thiên hạ thường mỉa mai là "ăn như heo". Heo có thể sống thờ thờ hân hoan ở những nơi hoàn toàn thiếu vệ sinh, cả ngày lăn lộn trên phân hay trằm mình dưới bùn. Do đó người nào ở dơ thường bị chê là "bẩn như heo!". Phải chăng vì đặc điểm sống dơ dáy của heo mà người Việt văn minh sau này đã gọi loại phim porno là "phim con heo"? Nhưng xét về khía cạnh khả năng dâm dật thì heo cũng "thường thường bậc trung" thôi nếu so sánh với các con vật khác. Ấy như tổ chức Play Boy đã chẳng tôn vinh loài thỏ là "Idol" của mình là gì! Tuy nhiên, "dù ai nói ngả nói nghiêng", nhưng thử hỏi đã có sinh vật nào được vinh hạnh người bình dân Việt Nam lấy phân của nó mà đặt tên cho một loài hoa chưa? Thưa không, chỉ duy nhất có heo mà thôi: Hoa Cứt lợn - loài hoa không hương, kém sắc nhưng vẫn mặn mà như thể... giai nhân. Sau nữa, theo niềm tin dân gian, những ai sinh năm Hợi vẫn được đánh giá là có số phần sung sướng, nhàn hạ... mặc dầu không thuộc loại giàu nứt vách đổ tường, không sang trọng, quý phái, nhưng luôn được cơm bưng nước rót tới tận miệng. Người tuổi Hợi thường có tính tình xuề xòa, vui vẻ, dễ kết thân, dễ sống, sao cũng được, gần như ba phải: "Mười rằm cũng ư - mười tư cũng gật". Ấy vậy:

"Mặc người tuổi Ngọ, tuổi Thìn...
 Chồng em tuổi Hợi, thoát nhìn... đã thương!"
 Hay:

"Người ta tuổi Hợi, tuổi Mùi,
 Còn em thì chịu bụi ngùi tuổi Thân!"..

Ngoài ra văn chương dân gian còn truyền tụng lối đoán mộng của người xưa những khi chiêm bao thấy heo. Theo đó, người nào đêm nằm mơ thấy lợn kêu, ắt hôm sau sẽ có khách tới biếu đồ ăn, thức uống hoặc mời dự tiệc - và nếu đêm sau lại mơ thấy lợn kêu nữa, chắc chắn sáng ra sẽ có người đến nhà tặng không vài vốc thì cũng áo quần - nhưng đêm thứ ba mà vẫn mơ lợn kêu thì hãy coi chừng, hôm sau chớ đi đâu kẻo bị kẻ khác gây sự, đánh đập... Rồi cổ nhân giải thích luôn: Khi nghe lợn kêu, chủ nhân nghĩ rằng nó đói, phải cho nó ăn; đã đầy bụng rồi, nó còn kêu, nghĩ nó rét, thì cho nó ấm. Ăn đã no, ở đã ấm mà lợn ấy vẫn kêu, người chủ hẳn cho là nó quấy rầy mình, tất phải đập, phải đánh cho nó chừa kêu đi. Ấy, lý giải đơn giản vậy mà chí lý thay!

(tiếp theo trang 51)

Xuân Lạnh

Gửi MN & mn

Giao thừa,
 Băng băng xe,
 Đường dài vàng vố,
 Tuyết mù,
 Cánh đồng làng trơ gốc rạ,
 Đá trơ mặt đường,
 Tôi trơ hồn.

Bóc chiếc bánh chưng,
 Tưởng bay loang mùa xuân lá mạ tằm mùi
 nếp mới,
 Cõi hương cũ thom lung linh.

Lũ chim di về đâu trốn lạnh?
 Giấc mơ cũng đành xếp cánh,
 Đêm khép mắt,
 Năm đánh rơi khoảnh khắc cuối cùng.

Pháo nổ ùng trong kỷ ức!

Cổ Ngự



Những đàn chim thiên di

phạmtínanninh



Cả hai tuần nay, mấy quan chức sở "bảo vệ súc vật" thành phố thường xuyên đến thăm gia đình tôi, để tìm hiểu lý do vì sao, trước mùa đông năm nay những đàn chim trane không còn trở về vùng này nữa. Họ đã cho người dọn dẹp lại khu bờ sông, chăm sóc cánh đồng cỏ và trồng thêm mấy hàng thông phía bên kia để đón những đàn chim, nhưng chờ mãi mà chẳng thấy bóng dáng một con trane nào trở lại.

Trane là một loài chim sống thành đàn, màu nâu đen, có dáng như con hạc ở quê nhà. Là một giống chim không chịu lạnh, nên hàng năm, cứ trời sắp sang đông là tụ tập từng đàn ở một nơi nào đó rồi chia nhau bay tìm những xứ nóng phương nam. Ở Bắc Âu có nhiều loài chim trốn lạnh, nhưng loại trane này nhiều nhất, có tổ chức khá qui củ, và khi bay đi chúng bay thành từng nhóm theo hình những mũi tên, có khoảng cách đều nhau, rất đẹp.

Định cư ở Na-uy hơn ba năm. Lúc kinh tế gia đình và việc học hành của mấy đứa con tạm ổn định, cũng là lúc vợ chồng tôi bắt đầu có thời gian để hồi tưởng về quá khứ, và nhớ quê hương. Chúng tôi quyết định mua một ngôi nhà, dưới thung lũng nhỏ, bên bờ sông Nitelva yên tĩnh, bên kia là cánh đồng cỏ mênh mông tiếp giáp với núi rừng. Cái khung cảnh có mang một chút hình dáng và màu sắc quê nhà giúp tâm hồn tôi yên ả hơn mỗi khi thấy lòng trần trở, nhưng nhớ một điều gì.

Những lúc buồn, tôi ngồi hăng giờ trong bao lơn nhìn ra phía cánh đồng và rừng núi phía xa xa, để ngỡ là quê hương mình như đang ở phía bên kia triền núi đó. Không những vợ chồng tôi mà mấy đứa con đều thích thú ngôi nhà này, vì nó khá rộng rãi đủ để mỗi đứa có một phòng riêng, trang trí, sắp xếp theo sở thích của mình. Trong thung lũng nhỏ này, ngoài chúng tôi, chỉ có ba gia đình láng giềng, một đến từ Thụy Điển, một đến từ Tây Đức, chỉ có một gia đình là dân bản xứ chính tông. Có lẽ sống trong một khu "hợp chủng quốc" bé nhỏ nhất trên lục địa này, nên chúng tôi sớm gần gũi, thân tình.

Dọn đến cuối mùa xuân, nên suốt hè năm ấy, chúng tôi lần lượt là khách mời của mấy người bạn láng giềng. Ông bà người Thụy Điển có chiếc du thuyền lớn với đầy đủ tiện nghi. Cả nhà chúng tôi được cùng họ xuôi ngược cả một tuần trên con sông Nitelva chảy dài qua những rừng thông, đồng cỏ và một vài vùng quê, yên tĩnh và lãng mạn. Những ngày còn lại, cùng với gia đình ông bà người Đức vào rừng cắm trại, đi săn, rồi cùng với gia đình ông bà Na-uy đi cắm lều bên kia bờ sông, vừa câu cá vừa ngắm những cặp thiên nga tung tăng bơi lội.

Khi những chiếc lá vàng cuối cùng rơi xuống, trời đột nhiên trở lạnh, báo hiệu sắp chấm dứt mùa thu Bắc Âu thơ mộng, cũng là lúc chúng tôi bắt đầu chuẩn bị mọi thứ cho một mùa đông băng giá kéo dài cả năm, sáu tháng.

Một buổi tối, khi ngồi ở phòng khách đọc mấy tờ báo, tôi nghe tiếng chim kêu, mỗi lúc một nhiều, vang động cả một vùng xưa nay tĩnh mịch. Tiếng chim có cái âm sắc như đang tìm nhau, gọi nhau, mừng rỡ. Hôm sau, hỏi ông láng giềng người Đức, tôi mới biết là chính ngã ba sông ngay trước nhà tôi, từ bao nhiêu năm nay, là nơi nhiều đàn chim trane di xứ chọn làm địa điểm tập trung để bay về phương nam trước khi mùa đông đến.

Cả mấy đêm liền sau đó, cứ vào khoảng chín giờ tối, những đàn chim từ mọi nơi bắt đầu kéo về tụ tập ở bờ sông và cánh đồng cỏ bên kia, kêu gọi nhau cả đêm. Đến mờ sáng, chia nhau từng nhóm chừng hai mươi con, nối tiếp bay đi, theo hình những mũi tên, vể lên nền trời mờ hơi sương một bức tranh tuyệt đẹp.

Nhiều đêm, tôi lặng lẽ ra bờ sông, ngồi cả mấy tiếng đồng hồ, nhìn chim từng đàn bay tới, cả trăm, rồi hàng vạn con. Chúng đón nhau gọi nhau líu lo mừng rỡ. Tiếc là loài người đã không hiểu được ngôn ngữ của loài chim, để nghe nó chào nhau, nói với nhau những lời tình tự, và bàn nhau phân công, tổ chức, sắp xếp từng đàn lần lượt bay đi trong trật tự. Tôi miên man hồi tưởng thời gian hơn mười năm trong lính. Rồi bất ngờ nảy ra một ý tưởng so sánh lạ kỳ: Những “đội quân” chim trane này có tinh thần kỷ luật và tình đồng đội. Các “vị chỉ huy” của nó còn tài giỏi hơn nhiều ông quan chỉ huy của bọn tôi ngày trước. Con chim dẫn đầu trong một đội hình mũi tên chắc chắn phải là con chim chỉ huy cấp nhỏ nhất, nhóm trưởng. Con chim “tổng tư lệnh” phải là con chim bay lên ở nhóm cuối cùng. Phải như thế mới có được một cuộc “hành quân triệt thoái” diễn ra trong trật tự và đẹp đẽ như tôi vừa chứng kiến.. Cái may mắn là chúng có cả một không gian yên bình để sắp xếp những chuyển ra đi, khác với những người lính chúng tôi vào những ngày cuối tháng tư, với bom đạn xe pháo dày đặc của cả một khối liên minh đối phương kéo từ phương Bắc. Trong lúc chúng tôi bị người bạn đồng minh bội phản, và điều đáng buồn hơn, đã có nhiều cấp chỉ huy hèn mạt, xa chạy cao bay trong khi chúng tôi vẫn còn

kiên cường chiến đấu.

Những năm sau đó, năm nào cũng thế, khi trời chỉ mới vào thu là tôi đã bắt đầu ngóng chờ những con chim trane trở lại. Tôi chờ chúng như đã từng chờ những chiến hữu của mình. Tôi thấy như mình trẻ lại, lòng rộn rã niềm vui. Cho dù cứ mỗi lần đàn chim tụ tập về đây là tôi có nhiều đêm mất ngủ, trăn trở nghĩ suy về quê hương và số phận của mình cùng những bạn bè xưa.

Hầu hết bạn bè tôi, nếu còn sống sót sau cuộc chiến tang thương đó, kẻ đã phải ra đi trong loạn lạc, ly tan, người thì được ông bạn đồng minh phản bội năm xưa, can thiệp với kẻ cựu thù cho “ra đi trong vòng trật tự” sau nhiều năm bị đày đọa ngục tù, vợ con neho nhóc, để giờ này mỗi người trôi giạt một phương, mang theo những vết thương không lành được trong lòng. Biết đến khi nào chúng tôi mới được như những con chim trane đang tụ tập ca hát líu lo ngoài kia, trước giờ bay xuống phương nam ?

Có một lần, dường như vào mùa đông thứ năm, khác với mọi năm, khi trời đã sáng hẳn rồi mà đàn chim cuối cùng vẫn chưa rời khỏi địa điểm tập trung, kêu lên những tiếng kêu lạ, buồn và khắc khoải. Tôi tò mò chạy ra xem. Lúc ấy những con chim vội vàng tung cánh bay lên rồi lần lượt xếp lại thành đội hình mũi tên, nhưng vẫn bay vòng lại mấy lần và tiếp tục những tiếng kêu buồn không dứt. Tôi đứng nhìn theo, lòng lắng xuống như muốn nhấn gỏi theo từng cánh chim một ít nỗi niềm. Nghe có tiếng sột soạt trong một hốc đá, tôi chạy lại tìm. Một chú chim, chẳng hiểu vì sao bị gãy đôi chân, nằm sâu trong đó, bên cạnh có khá nhiều hạt lúa mì, thức ăn dành cho nó. Tôi bế con chim vào nhà. Nó nhìn tôi như van lơn, đôi mắt của nó ướt nhe. Tôi có cảm tưởng là nó đang khóc. Tôi lại chợt nhớ tới những đồng đội bất hạnh, bị trọng thương trong những ngày cuối cuộc chiến, đau đớn, cô đơn, rồi lang thang sau khi bị đuổi ra khỏi các quân y viện. Mắt tôi bỗng nhòe đi khi nghĩ đến mấy vị tướng oai hùng, cùng ở lại sống chết với anh em rồi tuần tiết trước giờ thứ hai mươi lăm.

Từ ngày có con chim trane thương tích, nhà tôi lại vui hơn, nhất là hai cô con gái nhỏ của tôi, tha hồ nâng niu, chăm sóc và kể cả tâm tình với nó. Cô bé thích sau này làm nghề y tá, thì mang nó ra phòng bác sĩ thú y khám, mua thuốc băng bó cho nó. Riêng tôi, mỗi lần chăm lo cho nó, tôi có cảm giác như đang lo cho một đồng đội bị thương tích của mình. Hơn hai tháng sau, khi đôi chân của nó lành hẳn, cũng là lúc tuyết đang rơi trắng cả khung trời. Được thả ra khỏi lồng, nhưng nó chỉ quanh quẩn trong nhà. Suốt gần một năm nó là một thành viên đặc biệt trong gia đình tôi và là bạn thân của hai cô con gái nhỏ.

Khi mùa thu trở lại, tôi bàn bạc, khuyên mấy đứa con chuẩn bị trả nó lại với đàn, khi những con chim thiên di đầu tiên trở lại. Giải thích và năn nỉ mãi mấy cô mới chịu. Hôm trả nó lại sum họp với đàn, hai cô con gái nâng niu, âu yếm tâm tình rồi chia tay nó. Không khí cảm động không thua gì những cuộc chia ly trên thế gian này.

Một điều làm cả nhà tôi ngạc nhiên và xúc động. Cuối mùa thu năm sau, khi những đàn chim bắt đầu trở lại, một buổi tối khi sửa soạn đi ngủ, mấy cô con gái của tôi bất ngờ thấy con chim trane đậu ngoài cửa sổ. Khi cửa sổ vừa mở, nó bay vào trong phòng, kêu lên rộn rã. Nhờ vết thương cũ còn in dấu trên đôi chân của nó, mấy cô con gái mới biết chắc, nó chính là con chim năm trước. Từ đó, có thể tôi còn biết về loài chim trane này nhiều hơn những nhà nghiên cứu chim muông: trung thành và có trí nhớ.

Không ngờ, những con chim trane lại là những niềm vui, nỗi nhớ cho gia đình tôi trong những ngày lưu lạc ở một vùng Bắc Âu xa lạ.

Bây giờ mấy cô con gái của tôi đã thành người lớn. Tất cả đã đi học bên Mỹ, bên Anh rồi ở lại làm việc luôn bên ấy, nhưng cứ gần tới cuối mùa thu đều gọi về nhà hỏi thăm đàn chim trane có còn tụ tập trước nhà, và con chim bị thương ngày trước có còn bay về đậu trên khung cửa sổ.

Suốt mùa thu vừa rồi, tôi trông chờ nhưng

đàn chim không trở lại. Tôi thấy nhớ tiếc những đêm nghe tiếng chim kêu, và những buổi sáng tinh mơ nhìn từng nhóm lặng lẽ bay theo hình những mũi tên hướng về phương nam, hùng vĩ như một binh đoàn vượt tuyến xuất phát, bắt đầu một cuộc hành quân qui mô dài hạn. Nhiều lúc tôi đã từng ước mơ có thêm đôi cánh, để cùng được bay lên với chúng.

Cơ quan bảo vệ súc vật và sở y tế & vệ sinh thành phố, cũng đã đến đây từ đầu mùa thu, xịt thuốc sát trùng và dọn dẹp bờ sông, đồng cỏ, để đón những đàn chim trane trở lại. Năm nay, họ làm việc nhiều hơn, chuẩn bị mọi điều chu đáo hơn, vì có tin bệnh "cúm gia cầm" ở một vài xứ nóng phía nam. Họ lo lắng những con chim trane bị lây nhiễm vi khuẩn H5N1. Loại vi khuẩn mà cả thế giới đang bàn tán về nguy cơ một cơn đại dịch. Hội Đồng thành phố họp liên miên, bàn bạc về khả năng những con chim trane, có thể sẽ bị giết chết trên một xứ nóng nào đó, để ngăn ngừa mang bệnh vào. Họ liên lạc với cơ quan y tế Liên Hiệp Quốc, gửi thư cho chính phủ của một số nước nhiệt đới phía nam, nhằm bảo vệ cho những đàn chim trane bay sang trôn lạnh. Họ chuẩn bị, lo lắng để đón những đàn chim của họ quay về.

Trời đã vào đông, ngoài kia, bầu trời đã đổi sang màu trắng đục, trên dòng sông Nitelva dày đặc sương mù, báo hiệu những hạt tuyết đầu mùa sắp rơi. Bà Anne-Marie, trưởng Sở bảo vệ súc vật thành phố, cùng một số nhân viên đến nhà tôi từ chiều nay. Họ kiên nhẫn ngồi chờ để hy vọng được đón những đàn chim trane có thể trở lại muộn màng. Họ cùng vợ chồng tôi uống hết mấy bình trà, rồi chia tay lúc nửa đêm. Tuyết bắt đầu rơi. Chắc chắn giờ này những con chim trane không còn đến nữa. Khi đứng lên chia tay, nhìn họ thoáng buồn nhưng không tuyệt vọng. Mỗi người đều nắm chặt tay tôi và nói lời cầu nguyện bằng an cho những con chim trane di xứ, dù nó đang trôi dạt ở nơi đâu cũng mong cuối mùa thu năm sau sẽ kéo nhau trở lại nơi này.

Suốt cả đêm tôi không hề chợp mắt. Không phải tôi nghĩ đến những con chim trane, mà nghĩ đến thân phận của chính mình và

những người đồng hương đang lưu lạc khắp năm châu. Ngược lại với loài chim trane thiên di, bay về nam tìm nắng ấm, chúng tôi đã phải bỏ quê hương bốn mùa nắng ấm để đi tìm tự do và tình người ở những vùng băng tuyết xa xăm. Những mùa đông kéo dài, trong cái lạnh lẽo. mới thấy thấm thía tận cùng nỗi cô đơn xa xứ.

Tự dung, tôi nghĩ đến một điều: Biết đến khi nào chính quyền ở quê nhà không còn nói những lời dối trá, mà thật lòng xem những người ra đi là "khúc ruột ngàn dặm", là "một bộ phận không thể tách rời", để biết yêu thương lo lắng và mong ước đón tiếp họ trở về, như chính quyền của cái thành phố nhỏ ở xứ Bắc Âu xa xôi này - nơi từng cư mang gia đình tôi - đã lo lắng mong chờ những con chim trane di xứ? Điều đặc biệt hơn, là những người Việt tha phương sẽ mang về cho quê hương biết bao nhiêu tài năng, trí tuệ và bạc tiền, còn những con chim trane kia có thể sẽ mang về cho họ những con vi khuẩn chết người.

Tôi đắp kín chăn nhưng vẫn thấy lạnh toát, mơ hồ như tuyết đang phủ đầy người. Vết thương cũ trong lòng dường như vừa mới nhói đau trở lại.

phạmtínanninh
Bắc Âu, cuối thu 2006



Chiều mưa

Buổi chiều sau giờ tan sở
Ra về cùng những hạt mưa.
Bánh xe lăn đều trên sỏi
Không gian lặng ngắt như tờ.

Tiếng nhạc reo vui rộn rã
Của chiếc xe vừa chạy qua.
Sợi nước lăn tăn trên kính
Mọi vật chìm trong mưa nhòa.

Con đường trải dài, sông sướt
Nghe bầy chim sẻ ngây ngô
Trốn trong lùm cây riu rít.
Mưa đã ngừng rơi bao giờ

Những cánh hoa hồng dầm ướt
Lặng lẽ rụng đầy trên sân.
Và kìa! Những chùm cúc tím
Tung bùng hoa nở đầy cành.

Mùa thu đã về rồi đó !
Cây phong mất đỏ buồn thiu.
Những chiếc lá vàng óng ả
Thần thờ đón ngọn gió chiều.

Một ngày qua đi rất vội
Trên con phố nhỏ dịu hui.
Quanh ta phủ đầy bóng tối!
Bỗng nghe mát mát ít nhiều.

Nguyễn Phạm Thi Hảo
Norøy mùa thu 2005.

Niềm vui trên đường

Jubelen Over Å Være Underveis

Nguyên bản: Sissel Lie
Bản Việt ngữ: Dương Kim

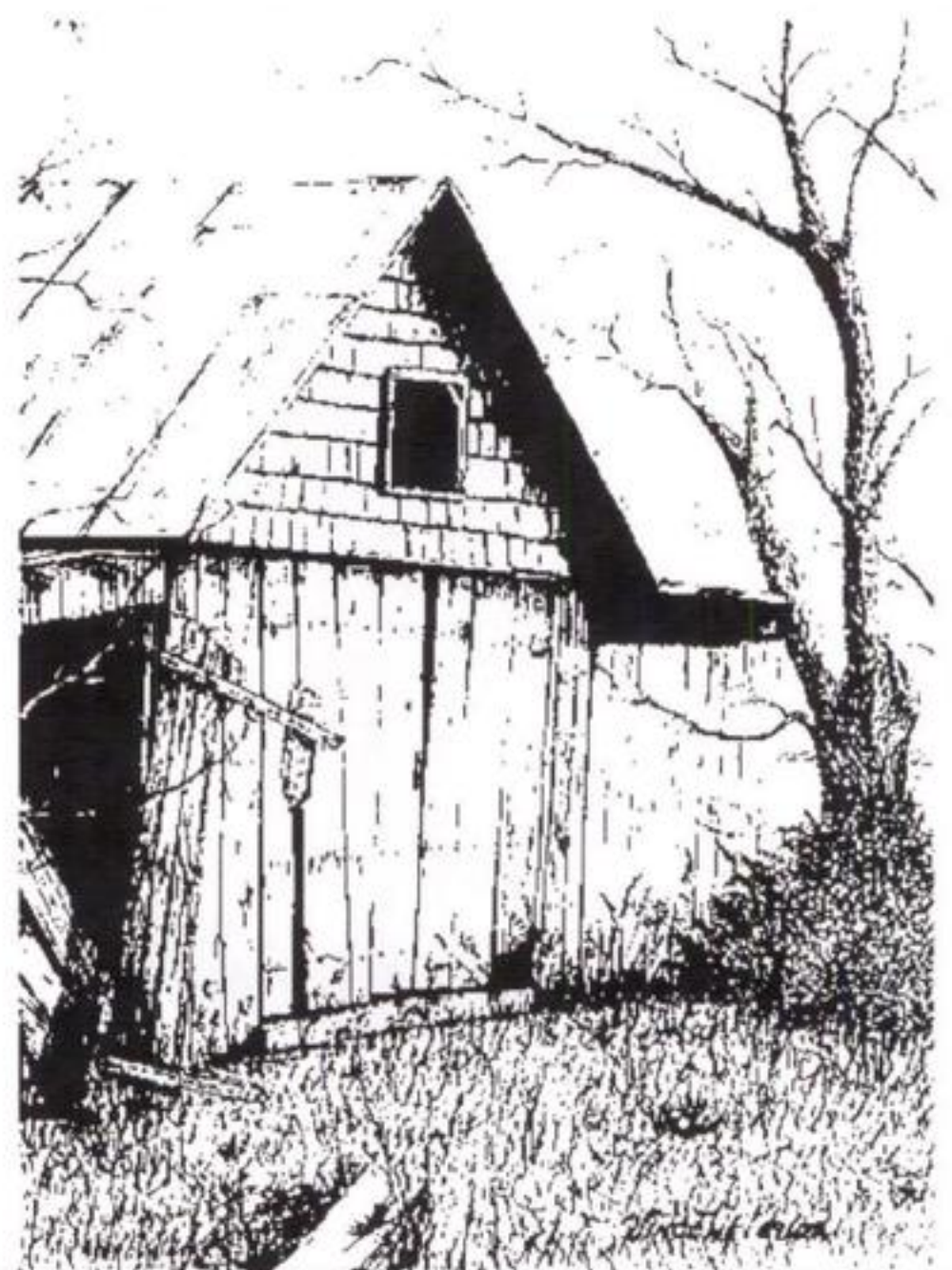
Mấy sợi gai chạy dài từ gò qua khung dệt được sáng chế một cách chính xác, qua cái thoi, dệt trong sợi vải đang được dệt, vài hoa với mấy bông hồng láng bạch trên nền trắng đục, một loại hình biến đổi khi có ánh sáng chiếu vào khung cửi. Từ một góc cạnh đặc biệt, mấy bông hoa ấy trở thành khuôn mặt có những hố mắt lớn, tựa như mặt nạ, vài dệt xong tới đâu, được cuộn lên trục cuộn tới đấy, vẫn tạo ra nhiều bộ mặt giữa những bông hồng.

Lúc tôi còn nhỏ, vào mùa hè, chúng tôi ở nông trại của ông chú Kristoffer, người chú của má tôi. Vài lần tôi được vào phòng khách để nhìn con búp bê ngồi trong góc phòng. Phía trên búp bê, treo tấm hình đám cưới của ông chú Kristoffer với bà thím, ông chú, cái đầu gượng gạo không quen trên cổ áo sơ mi, bà thím thì trong bộ đồ đen tựa như chưa chi bà đã ưu sầu rồi. Khung hình bầu dục láng màu nâu, thường quyến rũ tôi đưa tay sờ quanh, nhưng tôi không sờ, bà thím và cô con gái bà đã chết vì bệnh lao, tất cả đồ đạc trong góc phòng bên con búp bê mặc áo đen này có thể bị lây bệnh. Con búp bê ngồi trên một chiếc ghế đu đưa màu đen và ai cũng nghĩ không nên sờ vào. Con búp bê nhìn tôi chăm chặp bằng đôi mắt thủy tinh nâu, miệng hé mở với mấy chiếc răng nhỏ và tóc thiết dài xuống lưng, mái tóc đó tôi nhìn qua tấm kiếng sau chiếc ghế đu đưa, tấm kiếng ấy cũng phản chiếu hình tôi. Tôi mong được sờ con búp bê ấy, tay nó bằng sành, hoàn toàn bất động, nó xanh xao quá. Đôi ủng có dây thắt, hơi lộ ra dưới chiếc váy. Tôi không bao giờ biết được búp bê có gì phía dưới, họ còn sống nữa đâu mà kể cho tôi biết được cơ chứ.

Theo thói quen, tôi cứ đứng đấy cho đến khi có người từ trong bếp gọi tôi, vì muốn biết tôi đang làm gì. Còn nhiều búp bê ở trên tủ và trong góc ghế sofa nhưng không phải dành cho con nít, có vài con còn nằm trong giấy kiếng xen-luy-lô, gởi từ Mỹ, nhưng con búp bê ngồi trong ghế đu đưa, đã từng là của cô gái chơi búp bê, nay không ai được đụng vào. Cô đã mất hết mọi thứ. Góc trên cùng sát mái nhà cũng có đồ dính bệnh dễ lây, nơi đó tôi không được vào, nhưng má tôi không cản tôi vào coi con búp bê, ông chú Kristoffer cũng lấy làm lạ. Tôi muốn ôm con búp bê, nhưng chưa bao giờ tôi đụng tới nó.

Lúc nào tôi cũng thích mấy cái nghĩa địa, nơi đó yên tĩnh, bày ra cảnh chết chóc dưới ánh mặt trời chan hòa. Nghĩa địa nằm trên một con dốc hướng về hồ nước, trên vài ngôi mộ có dâu đại mọc. Đây là một nghĩa địa với những hình vẽ trên mấy tấm bia, bồ câu, thiên thần và Chúa. Trên mấy tấm bia ấy, người ta có thể đọc được tiểu sử của nhiều người, khi nào họ sanh ra, bao nhiêu đứa con còn sống, bao nhiêu đứa con đã nằm xuống đất với họ. Một thiên thần lớn bằng đá cẩm thạch đang rải ra mấy bông hồng bạch trên tấm bia của mình, và trong chốc lát tôi tự hỏi sao chẳng có ai cho tôi hoa hồng?

Một lần, trong buổi tầm liệm trong phòng khách có con búp bê áo đen. Có lẽ bà quản gia chết, bà ta chẳng bao giờ thích con nít, tôi không thương



nhớ bà. Nhưng thật là mắc cỡ khi nhìn thấy mấy người lớn chẳng ai buồn, sau khi chiếc hòm đã đặt xuống huyết. Tôi ngồi cùng với một con chó Bắc Kinh, để ý nhìn mấy chiếc giấy bóng và buồn vì những tiếng cười đang rống lên ở phía bên kia con búp bê. Thật đáng xấu hổ.

Một chiếc mặt nạ như một tiếng hét vô hại, một tiếng hét với những hố mắt trong khung cửi. Từ một góc cạnh đặc biệt, những bông hoa ấy trở thành khuôn mặt bình thản. Ngồi dưới gốc cây một mình, tự do và ngủ dưới tuyết trong rừng tối. Có thể lâu lắm, vào một ngày nào đó, người ta sẽ tìm thấy mình dưới mộ, bên trên có trái những bông hồng trắng. Và những bông hồng cắm thạch được thiên thần rắc ra với nụ cười dễ thương, mặc dù người chết lúc ấy thật sự không phải là tôi.

Mỗi thứ Năm, tôi được ngồi xe theo ông chú của má đến nghĩa địa. Trong cầu tiêu có treo tấm da gấu và một tấm da đắp, chúng tôi không bao giờ dùng da gấu, nhưng khi trời mưa lất phất, chúng tôi đặt tấm da đắp nặng lên đùi, tạo ra một thứ nhà nhỏ mà chúng tôi có thể ngồi vào trong. Gặp ngày mưa nhiều, tôi không được đi đâu cả, phải đợi cả tuần mới tới kỳ sau.

Con ngựa già màu nâu đỏ, tôi biết rõ con ngựa này lắm. Khi chúng tôi chờ cỏ khô, thỉnh thoảng tôi được ngồi trên lưng ngựa. Tôi biết, bằng chính hơi thở hồi hộp của mình, con ngựa lên những triền dốc nặng nề, khi gặp đường thẳng, ngựa chạy, gió lướt hơi thở ra khỏi miệng tôi. Tôi muốn kêu lên, nhưng dĩ nhiên là không được, đây là một cuộc du hành đến với những người chết. Thật là vô nghĩa khi phải đào đất trồng hoa trên những mộ người mất đã lâu, từ trước khi tôi ra đời, nhưng cuộc du hành đến nghĩa địa, đầy những ý nghĩ, mùi cỏ khô, mùi da nứt nẻ, xe xóc qua những hòn đá trên đường.

Phòng kho dưới ánh đèn nê-ông. Không ai ở đây, phòng mát mẻ, yên tĩnh. Nằm trên giường trắng có bánh xe. Mới đầu nhìn thấy một nửa khung cửa, rồi nguyên cả khung cửa. Cánh cửa xám, lu mờ. Cửa đã đóng. Ý hệt tôi đã chết rồi.

Ở nghĩa địa, chân tôi thường bị ướt vì sương trên cỏ. Hay mưa bụi làm cỏ có đầy những giọt nước? Khi tôi đi trên đá sạn giữa các ngôi mộ, để lại dấu chân, nên ông chú Kristoffer phải cầm cái cào theo tôi. Đây là một nghĩa trang yên tĩnh, thoải mái và thành thoi, nằm về hướng biển. Có lẽ thỉnh thoảng cây hoa hồng tỏa hương thơm, thả những cánh hồng trắng trên những ngôi mộ cạnh đây. Một thiên thần bằng

đá hoa, đang mỉm cười, rắc những bông hoa trên ngôi mộ của mình, và tôi thường đi đến đây. Đào đất, trồng cây mất thời giờ không thể tả được, tôi đi bước ngắn, nhẹ và thờ dãi, lại một lần nữa tôi đi đến với các thiên thần, nhưng không bao giờ dám phàn nàn, vì e lúc đó tôi sẽ không được đi theo nữa.

Hai người đi đến một nơi thật xa. Một người mặc áo lông chim đỏ, dài, có mặt nạ trắng với hai hố mắt to màu đen, miệng há ra. Người kia mặc bộ đồ đen, mặt nạ đen, nhắm hướng họ sẽ tới. Họ ngoái lại. Sau những mặt nạ đó, họ có thể kinh hãi những gì họ bỏ lại phía sau, hoặc một niềm vui bí ẩn, trên đường họ đang đi tới.

Tôi không nhớ chúng tôi đã nói chuyện với nhau, tôi cũng tỏ ra nghiêm chỉnh như ông chú, để không phá rối những ý nghĩ quá khác thường của ông vào những ngày thứ Năm. Còn những ngày khác, ông chú cứ chọc ghẹo, dọa nhận nước con mèo mun nhỏ của tôi. Ông giơ con mèo lên trên thùng nước lớn, dưới vòi nước, rồi cười ngạo trước những lời phản đối của tôi. Hay ông giải thích về sự quan trọng việc trồng hạt cà rốt đúng đường cách, để cây cà rốt xanh hướng về mặt trời ra sao. Nhưng vào những ngày thứ Năm, lại không thể, lúc đó ông im lặng, nghiêm khắc, nghĩ đến nỗi đau khổ và sự chết.

Rồi tôi đánh xe ngựa xả hết tốc lực tới nghĩa địa, cố gắng giấu đi niềm vui trên đường.

(1) go: đồ dùng hình cái lược trong khung cửi để luôn sợi dọc. (2) thoi: vật dùng để đưa sợi ngang qua sợi dọc khi dệt, phình giữa, thon ở hai đầu, giữa rộng và cắm một cái suốt có quần chì. (3) sofa = ghế bành dài, sô-pha, trường kỷ -

"Jubelen over å være underveis" của Sissel Lie lấy từ Tigersmil. Trang 137-141. Gyldendal Norsk Forlag . Oslo 1986 1. utgave 1986 2. utgave 1990



Thơ Cung Vĩnh Viễn

Đêm trường đổ rượu

*Run tay ta rót trào ly rượu
mà ngỡ trường giang dậy sóng tràn
bao năm trôi dạt con thuyền mộng
sao vẫn chưa về với bến tâm?*

*Mà giam thân mãi đời lưu xứ
rót chén hoài hương luống ngậm ngùi
rót ly tao ngộ bèo phiêu bạt
rót chén tương phùng mây nổi trôi.*

*Rót đau một chén mừng thân thể
đã rộ trên đầu tóc bạc phơ
rót tiêu hào khí vào hưng phế
cầm bằng quên hết chuyện hơn thua.*

*Đêm rộng lòng không cả bốn bề
rót vào chén mộng lỡ làng kia
bao nhiêu hờn tủi bao thương nhớ
thẹn với Thân Bằng hổ với Quê.*



Về thăm chốn đợi

*Anh về thăm chỗ đợi xưa
cây cột đèn cũ hình như nhớ liền
chỉ cho anh dấu khắc tên
buổi chiều hôm ấy nhớ điên nhớ cuồng
cột đèn cũng động lòng thương
để cho anh gạch những đường đón đau
kể từ dạo ấy về sau
người ta chắc ít đợi nhau đầu đường
không ai đứng dựa cột đèn
cho nên vết khắc tên em rõ ràng
ngôi nhà có cội mai vàng
người ta đã đón mở hàng cà phê
phải chi quán mở từ xưa
để anh trốn nắng tránh mưa ngôi chờ
nhưng mà ai đón ai đưa
mà thương mái tóc gió đùa nhẹ bay...*

*Anh về thăm chốn đợi này
tự dưng đôi mắt cay cay ngậm ngùi.*

Mai sau kiếp khác (*)

(*) Tựa đề mượn từ một bài thơ của Trần Văn Lệ, không cùng nội dung



Tâm Thanh

Tôi đeo găng tay, nhón từng cái quần, cái áo của Khâm, bỏ vào máy giặt. Mặc dù rất ghê tởm quần áo của chồng, tôi không dám đeo khẩu trang khi làm công việc này. Dù sao, tôi cũng còn sợ làm chồng đau lòng. Nhưng tôi nín thở để dồn cho nhanh mẻ giặt, vặn nhiệt độ 90°, và bấm nút cho máy chạy. Tôi gỡ găng tay bỏ vào thùng rác, rửa tay bằng xà-bông và còn khử trùng trước khi làm gói ăn trưa cho các con. Hai đứa con gái đang uể oải xúc cốm trộn sữa nhưng mắt vẫn theo dõi cử động của mẹ.

“Tại sao má phải đeo găng?” Phụng, con em năm tuổi hỏi.

“Má sợ vi trùng của ba,” con chị bảy tuổi rưỡi, trả lời thay.

“Đừng nói bậy, Phụng!” tôi nói nhỏ. Đúng lúc đó, có tiếng ho của ba chúng trong phòng. Tôi nói to “Tụi con uống dầu cá chưa, Phụng Phụng?”

“Dạ rồi!” chị em Phụng, Phụng mau mắn trả lời.

Thấy hai tô sữa cốm đã vơi hơn phân nửa, tôi cho là hai con đã ăn sáng tạm đủ, tôi tuôn hết phần còn lại vào bụng mình, rồi giờ hai cái tô nhẵn lên.

“Để ẹch mà tụi con nhời nửa giờ chưa xong!” tôi nói.

“Má giỏi!” con Phụng nói.

“Má chưa uống dầu cá!” con Phụng nhắc.

Tôi viết trên miếng giấy con màu vàng ‘Anh phơi quần áo trong tủ sấy’. Tôi uống thìa dầu cá, hớp một ngụm nước cam trước con mắt thanh tra của hai đứa trẻ. Xong, tôi mở sẵn cửa nhà, nói:

“Chúng ta đi!”

“Thưa ba con đi vườn trê,” Phụng nói.

“Thưa ba con đi học,” Phụng nói.

Khâm không đáp lại, nhưng chắc có nghe. Tôi khép cửa nhà, đẩy hai con vào thang máy. Con Phụng nhấn nút xuống ga-ra. Tôi bỗng nuối tiếc buổi sáng hôm ấy cả nhà ồn ào một mình một cũi thang máy, con Phụng kiểm soát xem ba nó có kéo phéc-ma-tuya quần không, con Phụng nao nức với trận tuyết đầu mùa, vợ chồng ‘mi lén’ nhau trên đầu hai đứa trẻ... vô tội. Chính giờ mặt trời mới mọc, nhưng tôi cảm thấy lòng chan hòa ánh sáng. Còn nhớ cảm giác hôm đó về một gia đình bền vững, con tôi sẽ lớn khôn, xinh đẹp, chồng tôi sẽ tiếp tục mi tôi trong thang máy.

Trận tuyết đầu mùa năm nay, trong thang máy chỉ có ba người. May mà tôi lo xa, tuần trước mới thấy sương đóng trắng cảnh sồi, đã mang xe ra cây xăng cho người ta thay bánh định. Việc này mọi năm Khâm làm lấy cả. Cũng còn nhớ lời anh thường khoe “Hai mươi hai phút, đúng.” Và tôi thường ‘tưởng tượng’ anh một tách cà-phê nóng. Bây giờ anh lúi nhúi như con nhím, chờ vợ con đi, mới ra khỏi phòng, đi kiểm đồ ăn. Anh sẽ lau mặt bằng cái khăn riêng – nếu anh biết điều giữ gìn cho vợ con.

“Má!” Phụng gọi.

“Gì con?”

“Tại sao má mang găng lúc giặt đồ cho ba?”

“Để... để xà-bông không ăn tay.”

“Tại sao má rửa tay bằng... bằng cái gì...”

“Còn sát trùng,” Phụng nhắc em.

“Tại sao má rửa tay bằng... vì trùng trước khi làm *matpakke*⁽¹⁾ cho con?”

“Sát trùng...” Phụng sửa. Tôi chờ cho con

chị giảng giải thêm để tôi khỏi phải trả lời con em. Nhưng Phụng không nói gì thêm nữa. Nhìn vào gương chiếu hậu, tôi thấy nó, ngược lại, cũng đang chờ đợi câu trả lời của tôi. Tuyệt bùng to bay loạn trong ánh đèn.

“Để những con vi trùng trong tay má không dính vào gói ăn của tụi con,” tôi đáp.

“Vi trùng của ba, hả má?” con Phụng không chịu tha.

“Ồ đâu cũng có thể có vi trùng...Thôi, xuống đi, con!” tôi dừng xe trước cổng vườn trẻ, tháo dây an toàn cho Phụng, dắt nó xuống. Một cô giáo đang xúc tuyết trên lối vào, dừng tay, đón con Phụng:

“Hi Vivi!” Vivi là tên thật của con Phụng.

“Hi Nina!” con Phụng chào cô giáo, rồi quay lại vẫy tay, “*Ha det mamma! Ha det chi Phụng!*”⁽²⁾

Phụng quay đi, tôi vẫn đứng tần ngần nhìn những hoa tuyết rơi trên người con bé bước đi dùng dưng. Tôi có cảm giác sợ nó tan theo những cơn tuyết. Gần bước lên tam cấp, nó quay lại, thấy tôi còn đứng ở cổng, nó chạy ra, giang tay cho tôi ôm hôn. Cử chỉ bịn rịn khác thường của con khiến tôi bồn chồn trong lòng.

Tôi lùi xe, xuýt quệt phải mẹ con một bà vừa xuống xe.

“Má!” Phụng gọi.

“Gì con?”

“Má cho con ngồi ghế trước, đi má!”

“Con nít phải ngồi ghế sau.”

“Con 151 cm rồi! Được phép ngồi ghế trước, má.”

“Con học luật lệ đó ở đâu vậy?”

“Dạ, trong trường,” nó trả lời. Tôi thấy ở xã hội này ‘ăn hiếp’ con nít không phải chuyện dễ. Tôi trả lời:

“Con coi tuyết như thế kia, chui ra chui vô mắt công lắm. Khi khác má cho con ngồi ghế trước. Mà con 151 cm thật à? Con coi đằng sau có người không!”

“Không, má, nhưng có cái xe đang lùi ra.”

“À, con đo hồi nào?”

“Ngày nào con cũng đo.”

“Chỉ vậy?”

“Con muốn lớn mau để *flytte ut*. ”⁽³⁾

Tôi điếng người. Không biết nói gì với con. Ngay trẻ con Na-uy cũng phải mười bốn mười lăm mới nghĩ tới chuyện ‘ra riêng’ và chờ tròn 18 mới dọn ra thật. Đàng này con tôi mới bảy tuổi rưỡi... Dù nó nói theo trào lưu hay nó là... thần đồng, tôi cũng vẫn rất đau lòng. Gần tới trường học của con, tôi mới lên tiếng được:

“À, con vừa nói con thích mau ra ở riêng. Con không thích ở với ba má sao?”

“Con thích ở với má. Nhưng ba không thích

con...” Phụng nói.

“Tại sao con nói vậy?”

“Ba về Việt Nam kiếm con trai.”

Thì ra cũng là chuyện này. Tôi ngừng xe trước cổng trường, ghì con vào lòng, hôn túi bụi trên mặt nó.

“Con là tất cả của má. Má không cần kiếm cái gì khác,” tôi nói.

“Con thương má,” nó nói.

Nó đi lẫn vào đám trẻ trong sân trường rồi, tôi mới quay xe ra, miệng lầm bầm:

“Khâm ơi! Anh đáng tởm hơn nữa vì đã xúc phạm tới các con.”

Tôi muốn bám vằm anh ra cho hả giận. Đi tìm vui thú riêng mà lấy cớ nổi dỗi tông đường! Chính cái cớ đó đã lạc hậu, mà một người đàn ông ở thế kỷ 21, sinh trưởng ở Na-uy, lại có thể đưa ra làm chiêu bài được. Thật là hôn mê ám chướng. Giá anh cứ tiếp tục con đường mê muội đó thì tôi có thể coi anh là một lãng tử vô lương tâm; đàng này anh vác cái thầy bệnh hoạn về nhà, tôi chỉ có thể gọi anh là vô liêm sỉ.

Tới một khúc quanh cái xe, như con ngựa bất kham, xăm xăm lao thẳng xuống hố, bất kể tôi bẻ lái tay phải hay tay trái. Tôi hoảng hốt đạp thắng, tôi thấy trời đất xoay vòng vòng. Tôi chờ chết. Tôi hình dung hai đứa con ôm xác tôi khóc thảm thiết dưới trời tuyết. Sau đó, ai sẽ nuôi chúng? Nhất định người cha vô tích sự không có khả năng, không có tư cách gìn giữ hai kho tàng vô giá của tôi. Tôi chờ đợi một đụng chạm kinh hồn, tách linh hồn tôi ra khỏi xác... Tại sao tôi ra nông nổi này! Phụng ơi! Phụng ơi! Các con cứu má! Chúa ơi! Xin hãy ra tay cứu con!

Tôi tỉnh dậy trong bệnh viện, ngơ ngác. Tôi lấy tay phải sờ tay trái, rồi sờ hai chân – còn nguyên. Tôi hít vào thật sâu – tim phổi chưa vắng ra ngoài. Tôi sờ đầu – không băng bó chi cả. Tôi còn lành lặn.

Người đầu tiên tới thăm tôi là mẹ chồng, người sau cùng tôi chờ đợi. Người đã phản đối cuộc hôn nhân của chúng tôi, viện cớ tôi không chịu theo Đạo (hiểu là Công giáo). Người đã ngầm tán đồng việc đưa con trai Công giáo của bà về Việt Nam lấy vợ bé. Dù vậy, tôi đang mừng vì thoát chết, nên không ngoảnh mặt đi. Tôi nói, giọng thân thiện:

“Sao má biết con nằm đây?”

“Thằng Khâm báo,” bà nói, trao cho tôi bó hoa. “Giê-su, Chúa đã cứu con đấy!”

“Cám ơn má, má cứ để đó giùm con.”

“Để má đi tìm cái bình,” bà nói và ra ngoài. Tôi nghe tiếng Na-uy nhất gừng của bà oang oang ngoài hành lang, chắc bà nói với các cô ý tá, rồi thấy bà mang vào một cái bình hoa bằng

thiếu, xum xoe cắm hoa. Cô y tá mở cửa nhìn tôi, mỉm cười, nháy mắt một cái rồi khép cửa lại. Nhìn những ngón tay móng tím rím của bà mẹ chồng và những bông hoa cắm chường đỏ, loài hoa tôi ít có thiện cảm nhất, tôi tự hỏi không hiểu bà đang ‘muru đồ’ gì.

“Má đi đón các cháu giùm con, được không?” tôi nói khi bà cắm hoa xong.

“Được chứ. Nhưng bây giờ còn sớm, chưa tan học.”

Tôi nhìn đồng hồ – một giờ hơn. Tai nạn xảy ra cách đây gần bốn tiếng. Không đầy bốn tiếng đồng hồ, xuyết nữa tôi đã thành người thiên cổ.

“Con nói trước như vậy, để má dễ thu xếp.”

“Con cứ yên tâm tĩnh dưỡng. Má sẽ lo cho xấp nhỏ,” bà nói rất ngọt, khiến tôi phát lo hơn là yên tâm.

Bà biết việc tốt nhất bà có thể làm cho tôi bây giờ là gì không? Đó là bà rước người con trai yêu quý của bà về nhà, hai mẹ con hủ hỉ với nhau, để tôi một mình. Tôi đang rất cần ở một mình yên tĩnh, cần ghê gớm, như một người bị chụp thuốc mê buồn ngủ. Tôi thăm nghĩ, và nhắm mắt lại, thờ dài. Bà biết tôi cần nghỉ ngơi, lặng lẽ bỏ ra. Tôi nghe tiếng oang oang của bà ngoài hành lang. Khi tiếng bà nhỏ dần, tôi mở mắt ra, như tuồng thuốc mê hết tác dụng. Tuyệt vẫn lặng lẽ rơi ngoài cửa sổ, từ đêm qua tới giờ không ngớt. Lặng lẽ và dai dẳng. Tuyệt dịu dàng phủ kín mặt đất và nhà cửa. Có khi nào đang bắt đầu một cơn hồng thủy trắng nhận chìm thế gian một cách êm ái chẳng? Giả như có một cơn hồng thủy mới, tôi là người đầu tiên bình thản đón nhận. Cái cảm giác hốt hoảng khi xe tôi sắp lao xuống hố, rất ngắn ngủi; sau đó và bây giờ là tâm trạng phó mặc. Tôi thả hồn tôi rơi trong chân không giải thoát. Giải thoát khỏi cuộc đời vô vị này. Vâng, giải thoát khỏi cuộc đời không mặn không nhạt, không chua không ngọt này, không gì cả, trừ một chút vô tình... Giải thoát khỏi thế giới không màu sắc ấy, phải là một cơn hồng thủy trắng. Tôi nhắm mắt lại.

“Cô có thể về nhà rồi,” cô y tá nói khi tôi thức giấc. “Cô muốn gọi người nhà đón, hay tôi kêu taxi?”

“Cô làm ơn kêu taxi giùm tôi, cảm ơn.”

Thấy hai đứa bé đứng ở trạm xe buýt, tôi nói ông tài xế chạy vào trạm. Quả là con Phụng con Phụng. Hai đứa nhảy lên xe, ngồi hai bên. Tôi phì cười nhìn những bông tuyết trên người hai đứa.

“Tụi con tính đi thăm má,” con Phụng nói.

Tôi hôn hai con, lắc vai con Phụng, nói:

“Tụi con thật là liều, dám đi một mình!”

“Đâu có một mình, má! Con đi với chị Phụng, má,” Phụng nói.

“Thì má nói là hai đứa con còn quá nhỏ để đi

trên đường lạ!” tôi nói. “Lần sau phải có người lớn dẫn, nghe không?”

“Dạ... Má có đau không, má?” Phụng hỏi.

“Má không sao cả, nên bác sĩ mới cho về ngay.”

“Con không thích má về ngay,” Phụng nói.

“Ừa, sao lạ vậy?”

“Con muốn vào bệnh viện thăm má.”

“Con cũng vậy,” Phụng nói.

“Rồi đưa má về,” Phụng tiếp, “vậy mới sang.”

“Vậy để lần sau,” tôi cười nói “má đau nữa, nhé?”

Đã tới nhà.

“Sao má không trả tiền taxi?” Phụng hỏi khi thấy tôi chỉ đưa cho ông tài xế một tờ giấy.

“Bệnh viện cho giấy trưng dụng,” tôi đáp.

“Giấy trưng dụng là gì?”

“Là *rekvisisjon*, là tờ giấy bệnh viện nhờ taxi chở má về nhà, ông taxi chở xong thì nộp tờ giấy cho nhà nước lấy tiền.”

“Cám ơn ông,” tôi nói với ông tài xế, và xuống xe. Phụng vẫn còn thắc mắc về vụ trưng dụng, hỏi ông tài xế:

“Ông ơi! Nếu ba chở má, ba có được tiền không?”

Ông tài xế cười, giọng ngoại quốc:

“Hm, má cháu trả ba cháu bằng cái khác, hề hề...”

Mới có tám tiếng đồng hồ mà quang cảnh khu chung cư xa lạ như đi xa rất lâu về nhà. Tuyệt trên lối vào đã được ủa thành hai bức tường ngang hông người; một lớp mới trắng bong đã trải lên. Những cái băng chúng tôi ngồi phơi nắng mùa hè trở thành những con gấu tuyết nằm phủ phục bất động.

Vẫn người tôi ít chờ đợi nhất trên thế gian đang lù lù hiện diện trong nhà tôi. Lúc tôi mở cửa vào, bà đang ngồi trong phòng khách, tay còn cầm cái bấm tivi. Nhà tôi không có đài Việt Nam, nên bà miễn cưỡng coi phim Hàn. Chắc anh con trai trốn vào phòng khi nghe tiếng mở cửa.

“Má tưởng con còn ở trong nhà thương lâu, má về coi mấy nhỏ,” bà nói.

“Cám ơn má... May bây giờ con đã về rồi. Con tự coi chúng nó được mà.”

Bà không hiểu, hay làm bộ không hiểu rằng mình không được hoan nghênh, vui vẻ nói:

“Coi sao xuê! Con mới xuất viện, người coi vậy chứ không khỏe đâu, chưa khỏe hẳn.”

Tôi cúi xuống hỏi các con, vẫn đang nắm chặt tay tôi:

“Tụi con ăn uống gì chưa?”

“Dạ chưa,” hai đứa cùng nói.

“Hồi nãy bà nội bảo ăn cái gì rồi hẵng đi, cứ

nặng nặc đòi đi ngay,” bà nói. “Để tao đi nấu cơm.”

“Không cần đâu, má,” tôi nói. “Tụi con đi làm bài đi. Làm bài xong thì có cơm ăn.”

Con Phụng dạ một tiếng, đi vào phòng. Con Phụng nói:

“Con tiếp má làm bếp.”

Khâm ra hỏi:

“Em không sao chứ?”

“Không sao,” tôi đáp, không nhìn lên.

Anh ta rút vào phòng.

Bà mẹ nói:

“Má làm gì tiếp con được?”

“Má cứ lên con phim, bao giờ cơm xong, cháu lên mời,” tôi trả lời.

“Phim Hàn chán chết...” bà thờ dãi. “Con còn giận má à?”

“Con có giận ai hồi nào đâu?”

“Má xin lỗi con.”

“Chết! Việc gì má phải xin lỗi con vậy?”

Tôi đổ rau vào chảo nóng. Xèo!

“Chuyện gì, con biết đấy,” bà nói.

“Dạ không, con không biết.”

“Con biết.”

“Không, con không biết. Má cứ nói thẳng ra đi!” tôi nói. Tôi nghĩ nếu bà biết tự nói ra một lời, may ra tôi có thể tha thứ cho. Nhưng bà lại nói:

“Má sẽ trả lại công đạo cho con.”

Tôi xuyết bật cười thành tiếng. Tôi đổ chảo rau xào vào cái đĩa to, trong đầu nghĩ nên ăn trong bếp hay ngoài phòng ăn. Không biết hôm nay anh ta có ra ăn cơm với mẹ anh ta không?

Bà nói tiếp:

“Má muốn về đây ở.”

“Thêm một cửa nợ?!” Tôi nghĩ và buông đĩa rau xào xuống sàn.

Đêm. Nhìn đèn đường tôi biết tuyết đã ngừng rơi. Con hồng thủy trắng dâng nửa vời rồi ngưng lại, vừa ngập cái vạch đỏ trên những cây cọc mà mùa đông thị xã cho cắm dọc đường. Chắc Thượng Đế còn nghĩ lại, dung tình cho loài người. Loài người chưa đáng chết. Hay không đáng vui trong tuyết trắng. Nhưng tôi uất ức. Mẹ con họ tưởng tôi là cái gì? – Một con giun để dày xéo? Một con khùng để lừa gạt? Tôi muốn nổi cơn thịnh nộ, tổng cổ người đàn bà ra khỏi nhà tôi, nếu cần dùng lực thì tôi còn trẻ và khỏe hơn bà, nếu cần dùng lý thì tôi là chủ căn nhà này, nếu dùng tình thì chính bà từ đầu đã khước từ tình cảm của tôi, chính bà đã tìm mọi cách ngăn cản không cho con trai bà cưới tôi, đến khi tôi có hai mặt con rồi, bà vẫn gieo rắc bao nhiêu lời độc địa... Tôi có thể nhắc điện thoại kêu cảnh sát... Khâm sẽ can thiệp? Bằng cách nào? Anh sẽ đem cái mạng cùi ra đọ với

tôi? Điều này cũng đáng sợ thật, nhưng tôi có thể dùng cây lau nhà, à! có cả cái bình chữa lửa nữa, xịt một cái là anh co rúm người lại, như cái kén trong nồi nước sôi. Tôi sẽ dồn anh vào con đường cùng phải lựa chọn – một là vào bệnh nằm để nhà cửa được sạch sẽ, hai là ra khỏi nhà này như con chó ghê... Tóm lại tôi là kẻ chiến thắng, mọi mặt. Tâm trí tôi bay phóng tung trong một bầu trời đen, trẻ con, nhỏ mọn. Tôi biết đó là nhỏ mọn, nhưng để bù lại gần mười năm trời nhẫn nhục, tưởng không có gì là quá đáng. Họ luôn luôn là hai kẻ đáng khinh hơn đáng thương.

Có lúc tôi cảm thấy bị vây hãm bởi sự lì lợm của mẹ con họ. Khâm bỏ vợ con theo gái, tới thân tàn ma dại mà dám vác mặt về; bà mẹ nhân danh một thứ tôn giáo công bằng bác ái phủ nhận tôi, con trai làm điều vô luân, không nửa lời ngăn cản, bây giờ lại đòi về ở chung. Thật là không biết ngượng.

Từ trong bóng đêm, một khuôn mặt thân quen hiện đến bên giường. Nụ cười ba phần trách móc bảy phần thương hại. Quang! Quang, ngồi xuống bên giường vuốt tóc tôi. Anh nói:

“Em ơi, mình bắt đầu lại vẫn chưa muộn...”

Mẹ chồng, thức dậy từ sớm, chiêm trúng gà, pha cà-phê thơm lừng trong bếp, thấy tôi từ nhà tắm đi ra, đon đả:

“Con ăn sáng để chuẩn bị đi làm. Để cho chúng nó ngủ thêm mười phút nữa hẵng đánh thức...”

Giấc mơ trong đêm khiến tôi có mặc cảm tội lỗi. Tôi bốt căng thẳng với mẹ chồng. Với Khâm, tôi sanh chút thương hại.

“Má không cần mất công như vậy,” tôi nói và ngồi xuống, uống một hớp nước cam tươi.

“Con!”

“Dạ, má nói chi?”

“Con... xử lý vụ việc của má hôm qua thế nào?”

Từ ngày chạy được hồ sơ hưu tàn phế, bà không làm việc gì khác ngoài coi VTV4. Đã nhập tâm.

Tôi hỏi lại:

“Về việc má về ở đây, phải không ạ?”

“Đúng vậy. Con thấy sao?”

Thật ra, nhà vẫn còn một phòng trống, chỗ ở không thành vấn đề, nhưng tôi cảm thấy bất an khi sống chung với một người đàn bà như bà có đạo mà thiếu đức. Tôi nói:

“Má đang ở trên đó thành thoi một mình một nhà. Má không thấy xuống đây chật chội sao?”

“Thì tạm thời trong tuần lễ con không có ô-tô, chủ yếu là má đưa đón hai đứa đi học...”

Tôi quên không nghĩ tới điều này. Tôi gạt đầu:

“Dạ, cũng được, trong tuần này...” Ý tôi là chỉ chấp thuận cho bà ‘tạm trú’ một tuần thôi; có gia hạn hay không thì hậu xét. Ít nhất tôi được một tuần lễ không phải hầu hạ cơm nước và đụng chạm tới quần áo dơ của Khâm.

Sissel, trưởng dự án và bạn thân nhất của tôi trong sở, khuyên tôi nên đi bác sĩ tâm thần. Trong cuộc họp nhóm, nó không giao công tác mới cho tôi, bảo coi lại việc cũ. Ai cũng thông cảm tôi đang gặp chuyện buồn trong gia đình, đụng xe chỉ là một hậu quả trông thấy. Họp xong, Sissel vào văn phòng tôi, nói tiếp:

“Bị áp lực như vậy sẽ thành bệnh,” nó nói.

“Tao chịu đựng được,” tôi nhìn nó biết ơn, nhưng nói cứng. Thực ra, trong lòng, tôi không biết tôi chịu đựng được bao lâu. Nhìn mặt Sissel và mấy đứa con gái làm chung, tôi biết chúng đang chê tôi khờ dại, phải như chúng nó, chúng nó đã đá đít thằng chồng mắc toi ra ngoài cửa. Còn tôi chỉ biết... chịu đựng.

“Chịu đựng!,” nó cười khẩy, “Có phải đó là truyền thống của người đàn bà Việt Nam không?”

“Tao mấy phần là Việt Nam, mấy phần Na-uy, mày biết. Tao chịu đựng, không phải vì tao là đàn bà Việt Nam, nhiều đàn bà Việt Nam đốt chồng, cắt cu, chớ không phải giỡn, nhưng tao chưa biết nên làm thế nào để không phải hối hận, để không ảnh hưởng tới các con tao.”

“Nếu vậy, mày có thể đi gặp cố vấn gia đình. Họ có những lời khuyên chuyên môn, thế nào là tốt nhất cho các con, cái gì làm mà không phải hối hận...”

“Để tao coi.”

“Nói chuyện với mày như nước đổ đầu vịt. Thôi, tao về phòng tao đây. Tuần này mày muốn đến giờ nào thì đến, về giờ nào thì về. Nhưng mỗi ngày phải tới sở trình diện tao. Không được... tự tử.”

Sissel nói đùa. Nhưng biết đâu tự tử chẳng là một giải pháp hay...

Hình như châm ngôn Trung Hoa có câu đại khái nói một vạn bước phải có một bước đầu. Cái bước đầu đơn giản nhất để tôi mở cửa cho Khâm là anh đi khám bệnh và chữa bệnh. Nhưng anh cứ trốn chui trốn nhủi trong phòng như con gián. Không biết anh bệnh gì, nguy hiểm tới đâu? Thái độ của anh có nghĩa là gì? Đầu hàng bệnh tật và cuộc đời? Hở thẹn với vợ con và xã hội? Ân hận? Tuyệt vọng? Ăn vạ? Muốn cho tôi có thể ứng xử thỏa đáng, ít ra anh phải mở đường cho tôi. Đàng này, anh không hề nói trong trường hợp nào bị bệnh, đã khám bệnh ở Việt Nam chưa, bác sĩ hay ông lang, thầy pháp ở bên đó nói gì. Anh chưa mở miệng long

trọng xin lỗi. Anh chưa minh nhiên nói xin được trở về. Anh là người đọc Kinh Thánh, ít nhất anh phải biết ‘*Người con hoang đàng*’ nói gì khi quay về – ‘*Thưa Cha, con đã phạm tội đối với Cha và đối với Thượng Đế. Con không xứng đáng làm con của Cha nữa*’. Mẹ anh coi vậy mà khá hơn, có lẽ kinh nghiệm đời giúp bà một thái độ, khi cần, có thể khiến người ta dễ tha thứ cho hơn.

Tôi đi làm về, trễ hai tiếng, thấy con cái đã ăn uống đàng hoàng, con Phụng đã làm xong bài, đang ngồi bên con Phụng chờ chương trình tivi trẻ em. Tôi về trễ vì ngồi trên xe điện hầm Sognsvann, đi qua nhà Quang, tới trạm chót, nơi chúng tôi năm xưa thường xuống để vào rừng chơi. Hôm nay tôi đi một mình bằng đôi chân buồn bã, vô hồn, không tà ý. Đầu óc tôi trống rỗng, tai chỉ nghe tiếng sắt lăn rền, thỉnh thoảng rít lên ở một khúc quanh, đau đớn. Có lúc tôi chảy nước mắt mà cứ tưởng tuyết từ khe cửa sổ tạt vào.

“Đi xe buýt vất vả thế đó. Bao giờ cái xe xong, con?” mẹ chồng ngồi ghế bên bàn ăn hỏi.

“Dạ, họ nói một tuần... Má lấy gạo ở cái bao nào vậy – bao nhiêu hay bao ít?”

“Không nhiều, không ít. Má mua gạo mới, gạo mới năm nay. Con thấy ăn được không?”

“Con thấy không ngon nên mới hỏi.”

“Vậy mai má sẽ đem đổi.”

“Không cần, má, để ăn cũng được.”

Tôi không biết bà bê bao gạo 45 pounds từ phố về bằng cách nào, tôi thương hại, nhưng không hỏi. Tự cảm thấy mình hơi ác. Tôi đánh rớt một chiếc đĩa, bà lấy chiếc khác cho tôi. Trước đây khi thấy tôi làm như thế, bà đã chê bai là tôi sạch rơm, bắt chước Tây.

Bà bắt lại câu chuyện xe cộ:

“Con bảo hành mấy chiều?”

“Dạ hai chiều.”

“Vậy lẽ ra họ phải cho con mượn ô-tô miễn phí.”

“Con biết, nhưng con muốn đi xe buýt cho thành thói.”

“Một người như con, cái gì cũng xoay xở được trên đời,” bà ôm bằng hai tay bàn tay tôi đang đặt trên đùi. “Nhưng thằng Khâm, nếu con không thương tình, nó không sống được. Còn má, nếu nó chết, má cũng không thiết sống nữa.”

“Con thương anh ấy cũng vô ích, nếu chính anh không biết thương mình. Má khuyên anh ấy phải đi khám bệnh. Đó là điều tiên quyết để giải quyết việc này.”

“Nhưng sau đó, con không bỏ nó chớ?”

Tôi im lặng đứng lên, xếp chén đĩa vào máy. Chính tôi không biết nếu Khâm khỏi bệnh, tôi

sẽ phải làm gì tiếp theo.

Các bậc khôn ngoan dạy tôi phải sống giây phút hiện tại. Nhưng phen này tôi bị kẹt cứng, tôi không thể cắt ngày hôm qua ra khỏi hôm nay, hôm nay ra khỏi ngày mai. Quá khứ, hiện tại, tương lai là một chuỗi liên tục không tách lìa nhau. Cái hôm qua đơn độc sẽ chỉ có một Khâm nồng nàn đến bỏng cháy. Cái hôm kia riêng rẽ sẽ chỉ có một Quang thơ mộng đến đại khờ. Không có Khâm, đâu có cái hiện tại quặn quại này! Không có Quang làm đối trọng, tôi đâu có cân nhắc và nghiêng cán cân về Khâm! Kết quả là hai đứa con, mà nếu không có ngày mai của chúng, ngay bây giờ tôi có thể tống vào mồm trọn chai thuốc ngủ với một ly nước lạnh. Không gì đơn giản hơn một hiện tại riêng rẽ.

Tôi trần trọc mãi tới khi một người đàn ông có mùi nhựa thông của rừng Sognsvann hiện đến nhìn tôi bằng đôi mắt đẹp ba phần trách móc, bảy phần xót thương. Khuôn mặt như mây ngàn năm hạ đỉnh non.

“Em phải sống. Mình sẽ chấp nói lại tình xưa,” Quang nói trong mơ.

Ba rưỡi chiều, trời đã tối. Tôi cầm mobil trên tay lâu lắm, phân vân có nên gọi cho Quang không, tất nhiên chỉ để nói chuyện cho khuây khỏa thôi. Cái máy reng, tôi giật mình như kẻ trộm bị người bảo vệ đứng sau vồ vai.

“Thằng Khâm chết rồi!” tiếng mẹ chồng, và tiếng nấc.

Khâm đã chờ lúc mẹ xuống phố đổi gạo, vào phòng tôi lấy chai thuốc ngủ.

Vì cái chết bất bình thường, bệnh viện phải giải nghiệm. Họ xác nhận Khâm tự vẫn bằng thuốc ngủ. Tờ trình, ngoài ra, cũng cho biết anh bị bệnh ‘psoriasis’, hình như tiếng Việt gọi là bệnh vẩy nến, một bệnh có thể di truyền, nhưng không lây nhiễm. Bệnh đó xuất hiện ở Bắc Âu và Mỹ nhiều hơn Việt Nam, có nghĩa là chưa chắc anh lây bệnh từ cô gái kia. Nhưng chắc chắn ‘mối tình chat’ đã hủy hoại tinh thần lẫn thể xác anh tới cùng cực. Cuộc đi hoang đã để lại trong tâm hồn anh những vết thương chết chóc, đâm rẽ vào thể xác sẵn hao mòn. Anh chui rúc trong bóng tối vì hổ thẹn với tôi và các con. Anh còn biết đau đớn, tủi nhục, chung qui cũng vì anh còn lương tâm. Nghĩ đến điều này tôi bật khóc. Tôi ân hận vì những ý nghĩ ác độc trong đầu mình. May mà chưa bao giờ tôi thoát ra. Nhưng sự lạnh nhạt, tránh sao anh không thấy.

Mẹ chồng lấy khăn cho tôi chặm nước mắt, những giọt nước mắt mà tôi biết đang làm bà nhẹ lòng và biết ơn.

Khâm tính toán rất khéo, gởi một điện thư

vào hộp thư của tôi vào 11 giờ đêm thứ sáu, trước ngày mai táng.

Thư viết:

“Em yêu,

Đã đến lúc chính anh không còn chịu đựng được mình nữa...Cuộc lần tránh đã tới đường cùng. Anh không còn mặt mũi nhìn em, nhìn các con.

Cám ơn Em về mười năm yêu thương, mà khi anh biết trần quý cũng là lúc vĩnh viễn mất đi. Cám ơn Em vì đã chứa chấp anh, chịu đựng trong hơn một tháng trời qua. Nợ tình còn đó, kiếp sau anh xin đền trả. Nếu không có kiếp sau, mà chỉ có địa ngục đang chờ anh, anh vẫn yêu Em trong địa ngục. Anh biết cái chết anh tự chọn chỉ chấm dứt được cảm giác đau đớn và lòng ân hận, không mong rửa sạch tội lỗi. Anh van xin Em và các con lòng tha thứ, như một ân huệ cuối cùng. Anh biết Em bản tính nhân hậu sẽ tha thứ cho anh. Nhưng cũng chính vì biết Em nhân hậu mà anh càng khó tự tha thứ cho mình. Anh viết những giòng này mà mười ngón tay run rẩy vì sợ hãi.

Xin Má tha thứ cho đứa con bất hiếu.

Tất cả chỉ vì một phút lỡ lầm.

Nhắn với những bạn bè quen biết: đừng bao giờ tìm bắt ảo ảnh!

Vĩnh biệt mọi người.

Khâm”

Tôi cố giữ vẻ u sầu kín đáo trước mặt mọi người. Nhưng khi mọi người ra về, tôi ở lại đứng bên huyệt mộ, đất nâu trộn với tuyết trắng.

“Em đã sẵn sàng tha thứ cho anh từ lâu rồi. Sao anh ngờ lời trẻ như vậy?”

Nói được hai câu ấy xong tôi bật khóc. Tôi càng khóc càng đau đớn. Nỗi thương xót anh thì chắc anh đang chứng giám, hai con đứng đằng sau với bà nội đang nhìn vai tôi rung, nhưng chất cay đắng trong nước mắt chỉ mình tôi nếm được – cay đắng của oán hận. Anh đã phá hoại tình yêu của chúng ta, lại không đủ khiêm tốn trở dậy, không đủ can đảm xây dựng lại. Anh là vậy, tình yêu thừa đam mê mà thiếu sâu xa, anh chưa hiểu lòng một người đàn bà như tôi. Một giòng thương xót với một giòng đắng cay cứ thi nhau tuôn ra, một thân tôi khôn cầm.

Tâm Thanh

Chú thích

1. matpakke: gói ăn trưa
2. ha det bra: tạm biệt
3. flytte ut: ra ở riêng

Xem tuổi của bạn

Nhân dịp năm Canh Tuất sắp tàn, bước vào năm Đinh Hợi chúng tôi mời các bạn sinh vào các năm này xem tuổi của mình.

Tuổi Tuất (con Chó)

Có phải con chó là bạn trung thành nhất của con người chăng? Có thể lắm.

Trung thành, trung tín, trung trực.

Tuổi Chó có một đức hạnh vững vàng trong cách sống và đáng được trông cậy trong những lúc khó khăn.

Ngoài ra tuổi này rất kín miệng, nghe chuyện người không bao giờ để lộ.

Tuổi Chó tinh ý nhận ra điều sai điều phải và giữ vững trách nhiệm, làm trọn bổn phận cho tới cùng.

Tuổi này có một triết lý để sống: Sống phải đạo, giúp đỡ người cô thế và chống lại bất công bằng mọi cách.

Nhớ rằng tuổi Chó một khi quyết định chuyện chi là quan trọng cho họ. Tuổi này theo đuổi chuyện đó tới cùng.

Tuổi này không thích truyện trò ruồi bu, chỉ chú tâm vào mấu chốt của sự việc mà thôi.

Tuổi này cũng vui buồn bất chợt không lường trước được, ví như một con chó phóng ra gặp bạn không biết chắc là nó sẽ liếm chân mừng hoặc cắn bứt giò bạn.

Tuổi Chó cũng có lúc làm việc liều mạng khi cảm thấy lo âu bồn chồn vô cớ. Cần có thời gian gần gũi để tìm hiểu, Tuổi này mới từ từ tin tưởng người đối diện được.

Thiếu sự tin cậy này, tuổi Chó đâm ra xét đoán phiến diện, chỉ trích và thô lỗ với người khác. Hơn thế nữa, Tuổi này có chút đỉnh bất thường về phương diện tình ái, lúc thương lúc ghét khó lường, mà khi đã không thích ai rồi thì có thể ghét người ấy tận mạng.

Tuổi Chó có điểm hay là làm thương mại giỏi, lượm đồ vụn vặt cũng làm nên tài sản bạc triệu như chơi. Nói về đường tình duyên thì ôi sao lận đận, tìm hoài cũng chẳng thấy ý trung nhân. Tuổi này có tánh độc tài về mặt tình cảm, thương yêu ai thì yêu cho bằng được và cũng bắt buộc người tình đáp lại tối đa!

Điều khuyên cho tuổi Chó là hãy dẹp bỏ những nỗi lo âu vô lý và những đòi hỏi xa vời thiếu thực tế, chỉ làm cho người mình thương tránh né một cách đáng tiếc.

Tam Hợp:

Tuổi Chó hợp với tuổi Dần (con Cọp) và tuổi Ngọ (con Ngựa).

Tứ Xung:

Tuổi Chó khắc/ky tuổi Sửu (con Trâu), tuổi Thìn (con Rồng) và tuổi Mùi (con Dê).

Tuổi Hợi (con Heo)

Chắc chắn là người tuổi con Heo sống trong màu hồng!

Sang và trọng. Tuổi này dễ thứ tha và có cung cách hoàn chỉnh và tài thường ngoạn có một không hai.

Tuổi Heo hoàn chỉnh cho đến nỗi người khác nhìn vào tường họ là kẻ tự phụ. Những người đó đã lầm to. Tuổi Heo vị tha và không hề nghĩ mình là trên trước người khác. Tuổi này đùm bọc bạn bè và gia tộc, và chịu khổ nhọc để cho người khác được hạnh phúc.

Giúp người là hạnh phúc thực sự của tuổi Heo, nhìn thấy người ta vui thì tuổi này mới vui. Nhưng thực tế phũ phàng cho tuổi Heo là không ai biết đến và tán thưởng việc này.

Tuổi Heo quá tử tế và rộng lượng như một vị thánh hiền nên dễ bị kẻ xấu làm hại hoặc lợi dụng!

Tuổi Heo biết trọng người nên làm bạn với Tuổi này là hưởng trọn đức tính nổi bật đó của tuổi Heo.

Mặc dù vui vẻ như đã nói, tuổi Heo cũng có lúc cau có nếu có ai bảo là họ đang có một điều gì đó trật.

Nhưng cũng là đúng cho Tuổi này thôi!

Tuổi Heo không ưa mấy kẻ làm tài lan dạy khôn mình mà chỉ thích làm những gì mình thấy phải làm.

Nếu bạn giữ sao cho đừng chỉ trích tuổi Heo, Tuổi này phải phải là những người bạn chân tình và trung thành nhất trong thế gian.

Đã có tiếng tăm, tuổi Heo lại thông minh cực độ. Tuổi này vừa học vừa chơi, vừa tìm tòi để bổ sung kiến thức.

Tuổi này cũng mê ăn mê uống khiến cho người ta trêu là Tuổi mê ăn trong mười hai con giáp! Thức ăn thức uống phải là thượng hạng.
Vì có tấm lòng vàng, Tuổi này là người bạn đời tuyệt vời của bạn. Tuy vậy, tuổi Heo có tính phân biệt trong đối xử, ai thích họ thì họ đáp ứng lại vô vàn , người không thích họ thì họ giả lơ không nói tới!
Điều khuyên cho tuổi Heo là nên mở rộng cuộc sống hoạt động ra hơn nữa. Càng đem bản thân mình hội nhập vào dòng người muôn dạng thì tuổi Heo lại càng nổi hơn.

Tam Hợp:
Tuổi Heo hợp với tuổi Mão (con Mèo) và tuổi Mùi (con Dê).
Tứ Xung:
Tuổi Heo khắc/kỵ tuổi Dần (con Cọp), tuổi Thân (con Khỉ) và tuổi Tỵ (con Rắn).

Lê Nguyên sưu tầm

Ý NGHĨA 12 CON GIÁP THEO ĐÔNG PHƯƠNG

Tại Việt Nam, lịch được lập theo các chu kỳ thay đổi đều đặn của mặt trăng. Vì sử dụng theo lịch âm nên các ngày chính xác của một năm mới luôn thay đổi theo từng năm. Mỗi năm đều được "hộ trì" bởi một trong số mười hai con vật.

Theo cung Hoàng đạo của người Việt, con đầu tiên là chuột (Tí), sau đó là trâu (Sửu) và tiếp đến theo thứ tự là hổ (Dần), mèo (Mão), rồng (Thìn), rắn (Tỵ), ngựa (Ngọ), dê (Mùi), khỉ (Thân), gà (Dậu), chó (Tuất) và cuối cùng là lợn (Hợi). Trong số các con giáp này thì Thìn (con rồng) là con vật thần thoại và Tí, Dần, Tỵ và Thân là những con vật sống hoang dã và thường tránh gặp con người. Bảy con còn lại là những vật nuôi trong nhà. Cứ mỗi chu kỳ 12 năm thì lại mang tên con vật cũ.

Ngoài ra, người Việt còn tính theo chu kỳ 60 năm. Chu kỳ này được lập theo sự kết hợp của mười hai con vật là các biểu tượng cụ thể theo cung hoàng đạo của người Việt và 10 dấu hiệu của bầu trời. Lịch của người châu Á được lập theo chu kỳ 60 năm tương đương với chu kỳ một thế kỷ 100 năm của người châu Âu. Mỗi năm ảnh hưởng đối với con người tùy theo những biểu tượng của họ là hội tụ hay phân kỳ. Sau đây là 12 con vật đại diện 2 giờ đồng hồ trong một ngày 24 tiếng.

 Năm Tí được cho là năm có nhiều hỗn loạn. Người mang tuổi này rất duyên dáng và hấp dẫn người khác phái. Tuy nhiên, họ rất sợ ánh sáng và tiếng động. Người mang tuổi này rất tích cực và năng động nhưng họ cũng thường gặp lắm chuyện vặt vãnh. Người mang tuổi Tí cũng có mặt mạnh vì nếu chuột xuất hiện có nghĩa là phải có lúa trong bồ. Vì chuột là con vật sống về đêm nên giờ Tí bắt đầu từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng

 Trâu tượng trưng cho sự siêng năng và lòng kiên nhẫn. Năm này có tiền triển vững vàng nhưng chậm và một sức mạnh bền bỉ. Người mang tuổi Sửu thường có tính cách thích hợp để trở thành một nhà khoa học. Trâu biểu tượng cho mùa xuân và nông nghiệp vì gắn liền với cái cày và thích đầm mình trong bùn. Người mang tuổi này thường điềm tĩnh và rất kiên định nhưng rất bướng bỉnh. Giờ Sửu bắt đầu từ 1 giờ đến 3 giờ sáng.

 Những người mang tuổi cạp thường rất dễ nổi giận, thiếu lập trường nhưng họ có thể rất mềm mỏng và xoay chuyển cá tính cho thích nghi với hoàn cảnh. Cạp là chúa tể rừng xanh, thường sống về đêm và gọi lên những hình ảnh về bóng đen và giông tố. Giờ Dần bắt đầu từ 3 giờ đến 5

giờ sáng khi cọp trở về hang sau khi đi rình mò trong đêm.



Mèo tượng trưng cho những người ăn nói nhẹ nhàng, nhiều tài năng, nhiều tham vọng và sẽ thành công trên con đường học vấn. Họ rất xung khắc với người tuổi Tí. Người tuổi Mão có tính thần mềm dẻo, tính kiên nhẫn và biết chờ thời cơ trước khi hành động. Giờ Mão bắt đầu từ 5 giờ đến 7 giờ sáng khi mèo bắt đầu đi kiếm ăn.



Con rồng trong huyền thoại của người phương Đông là tính Dương của vũ trụ, biểu tượng uy quyền hoàng gia. Theo đó, rồng hiện diện ở khắp mọi nơi, dưới nước, trên mặt đất và không trung. Rồng là biểu tượng của nước và là dấu hiệu thuận lợi cho nông nghiệp. Người tuổi Rồng rất trung thực, năng nổ nhưng rất nóng tính và bướng bỉnh. Họ là biểu tượng của quyền lực, sự giàu có, thịnh vượng và của hoàng tộc. Có một câu tục ngữ nói rằng "vào năm Thìn, mọi người phải dự trữ lương thực cho mình". Vì vào những năm Thìn nạn đói kém thường xảy ra. Giờ Thìn bắt đầu từ 7 giờ đến 9 giờ sáng.



Người tuổi rắn nói ít nhưng rất thông thái. Họ thích hợp với vùng đất ẩm ướt. Rắn tượng trưng cho sự tiến hóa vĩnh cửu của tuổi tác và sự kế vị, sự phân hủy và sự nối tiếp các thế hệ của nhân loại. Người tuổi rắn rất điềm tĩnh, hiền lành, sâu sắc và cảm thông nhưng thỉnh thoảng cũng hay nổi giận điên cuồng. Họ rất kiên quyết và cố chấp. Giờ Tỵ bắt đầu từ 9 giờ đến 11 giờ sáng.



Người tuổi Ngựa thường ăn nói dịu dàng, thoải mái và rộng lượng. Do đó, họ dễ được nhiều người mến chuộng nhưng họ ít khi nghe lời khuyên can. Người tuổi này thường có tính khí rất nóng nảy. Tốc độ chạy của ngựa làm người ta liên tưởng đến mặt trời rơi đến trái đất hàng ngày. Trong thần thoại, mặt trời được cho là liên quan đến những con ngựa đang nổi cơn cuồng nộ. Tuổi này thường được cho là có tính thanh sạch, cao quý và thông thái. Người tuổi này thường được quý trọng do thông minh, mạnh mẽ và đầy thân ái tình người. Giờ Ngọ bắt đầu lúc giữa trưa khi mặt trời lên cao nhất (từ 11 giờ trưa đến 1 giờ chiều).



Người mang tuổi Mùi thường rất điềm tĩnh nhưng nhút nhát, rất khiêm tốn và không có lập trường. Họ ăn nói rất vụng về, vì thế họ không thể là người bán hàng giỏi nhưng họ cảm thương người hoạn nạn và hay giúp đỡ mọi người. Họ thường có lợi thế vì tính tốt bụng và nhút nhát tự nhiên của họ. Giờ Mùi là từ 1 giờ đến 3 giờ chiều.



Người tuổi Thân thường là một nhân tài có tính cách thất thường. Họ rất tài ba và khéo léo trong các vụ giao dịch tiền bạc. Người tuổi này thường rất vui vẻ, khéo tay, tò mò và nhiều sáng kiến, nhưng họ lại nói quá nhiều nên dễ bị người khác xem thường và khinh ghét. Khuyết điểm của họ nằm trong tính khí thất thường và không nhất quán. Giờ Thân bắt đầu từ 3 giờ đến 5 giờ chiều.



Năm Dậu tượng trưng cho một giai đoạn hoạt động lao động cần cù siêng năng vì gà phải bận rộn từ sáng đến tối. Cái mào của nó là một dấu hiệu của sự cực kỳ thông minh và một trí tuệ bác học. Người sinh vào năm Dậu được xem là người có tư duy sâu sắc. Đồng thời, Gà được coi là sự bảo vệ chống lại lửa. Người sinh vào năm Dậu thường kiếm sống nhờ kinh doanh nhỏ, làm ăn cần cù như "một chú gà bươi đất tìm sâu". Giờ Dậu bắt đầu từ 5 giờ đến 7 giờ tối.



Năm Tuất cho biết một tương lai thịnh vượng. Trên khắp thế giới, chó được dùng để giữ nhà chống lại những kẻ xâm nhập. Những cặp chó đá thường được đặt hai bên cổng làng để bảo vệ. Năm Tuất được tin là năm rất an toàn. Giờ Tuất bắt đầu từ 7 giờ đến 9 giờ đêm, lúc này những người dân ở vùng nông thôn Việt Nam thường đi ngủ và giao nhà cửa lại cho những chú chó trông coi.



Lợn tượng trưng cho sự giàu có vì loài lợn rừng thường làm hang trong những khu rừng. Người tuổi Hợi rất hào hiệp, ga-lăng, tốt bụng và dũng cảm nhưng thường rất bướng bỉnh, nóng tính nhưng siêng năng và chịu lắng nghe. Giờ Hợi bắt đầu từ 9 giờ đến 11 giờ đêm.

Lê Nguyên sưu tầm

Tết Xưa



Phạm Đông Ngạc

Mỗi dịp tết đến, tôi thường nhớ về những ngày thơ ấu ở dinh điền Thị Tinh. Có một tết nọ, mẹ đi chợ quận Trị Tâm mua cho ba anh em, mỗi đứa một bộ quần áo mới để đi chúc tết quý thầy giáo. Hai anh tôi thì mẹ cho mặc sớm vì nhà thầy của hai anh ở xa, riêng tôi, mãi đến hai giờ chiều các bạn mới đến, chỉ khi ấy mẹ mới cho tôi mặc, có lẽ sợ tôi mặc sớm sẽ làm lắm chằng. Nhưng khi mặc quần, tôi thấy đã bị sút chỉ, mẹ đi kiểm kim và chỉ hồi lâu vẫn không thấy bèn nói các bạn tôi cứ đi trước, tôi cuống lên, bảo chúng đi chậm chờ tôi với... Rồi mẹ cũng tìm thấy kim và chỉ, bà ngồi chậm rãi khâu làm tôi nóng ruột quá, cứ chạy ra trước sân ngó chừng xem các bạn đã đi bao xa. Khi mẹ vừa khâu xong, tôi vội chộp lấy rồi chạy theo đám bạn, tôi chạy thật nhanh, vượt qua đám bạn một đôi mới đứng lại mặc quần.

Chúng tôi theo con đường đất hồi lâu mới đến nhà thầy giáo Kiệt, nhà thầy có ba gian, gian chính giữa khá rộng thầy dùng làm hai lớp học, chỉ có mỗi mình thầy dạy cả hai lớp, khi dạy thầy chỉ cầm một cây roi mây chứ không có sách vở gì ...đến công, chúng tôi đang ngần ngại, đứa nọ xô đứa kia vào trước thì thầy bước ra, rạng rỡ vui tươi chứ không nghiêm nghị như thường ngày, rồi ôn tồn nói :

Các em vào cả trong này đi... Chúng tôi chào thầy rồi vào lớp, hôm nay, các bàn học được sắp theo hình chữ U, trên có bánh mứt và kẹo gói bằng giấy kiếng ra dáng ngày tết lắm... Thằng Thiện làm gan đứng lên khoanh tay lại:

-Thưa thầy, hôm nay ngày tết chúng em đến mừng tuổi thầy, kính chúc thầy khỏe mạnh... nói được có chừng đó nhưng cũng đã khiến thầy cảm động, thầy nói:

-Cảm ơn các em, thầy cũng chúc các em năm mới học giỏi hơn năm cũ cho ba mẹ các em vui lòng, thôi các em ngồi xuống ăn kẹo, uống nước nhé, thầy vừa nói xong thì thằng Khanh em thầy khệ nệ khiêng ra một két nước ngọt con nai rồi lúi vào trong. Khanh học giỏi, thường đứng nhất lớp nhưng hay bị thầy đánh, nhiều khi thầy

đánh, nó đưa tay đỡ, thầy lại quất cả vào tay khiến tay nó bị nổi vằn. Chúng tôi thấy Khanh bị đánh đau như vậy cũng thấy xót xa mà sao thầy Kiệt dửng dưng quá, hay trong lòng thầy có những xáo trộn mà chính thầy không hề hãm được và chúng tôi thì còn bé quá chưa hiểu nổi?

Mặt trận giải phóng miền nam (MTGPMN) được thành hình mới mấy năm mà đã ảnh hưởng đến khu dinh điền, đường xá thường xuyên bị đắp ụ, giao thông bị cản trở, sinh hoạt bị xáo trộn. Một chiều năm mới, có mấy anh chị du kích đến nhà xin ba mẹ cho chúng tôi đi xem văn nghệ, ba mẹ chúng tôi bắt buộc dĩ phải nhận lời. Chúng tôi theo mấy anh chị đi từ chiều đến sẩm tối mới đến nơi. Đó là một cái rạp dựng khá công phu, đèn đuốc sáng choang dưới những tán cây rậm giữa rừng sâu, chung quanh được phát quang để khán giả có chỗ đứng. Sau phần chào cờ và vài bản nhạc thì đến vở kịch một anh lính Mỹ xâm lược bị quân dân bắt được, từ trong hậu trường, một dáng người cao lớn bị trói thúc ké đi ra giữa hai cô du kích, tôi giật thót mình, trời ơi, thầy Kiệt, không thể nào làm được, thầy giả làm người Mỹ, nhưng cố tập nói tiếng Việt, rằng thầy là tên lính xâm lược ác ôn, tội đáng chết, bây giờ xin nhân dân VN anh hùng khoan hồng, (đúng ra là khoan hồng, nhưng người Mỹ này chưa nói được dấu huyền), khán giả vỗ tay rần rần, rồi có một bác nông dân lên, đại diện cho toàn thể nhân dân VN tha tội cho anh lính xâm lược, thế là anh xin tình nguyện ở lại để chiến đấu với nhân dân VN...

Tháng 6-1975 tôi phải đi tập trung học tập một tháng ở trường Lương Văn Can, trong số cán bộ giảng dạy, tôi lại gặp thầy Kiệt, thầy tuy chưa già lắm nhưng tóc đã bạc nhiều, duy có đôi mắt lúc nào cũng sáng quắc, thầy giảng hăng lắm, nhiều khi đến giờ giải lao, phải có người nhắc, thầy mới ngưng

Tôi bỏ nước đi năm 1981, hơn 10 năm sau mới trở về, một ngày xuân theo người nhà đi ăn sáng ở chợ Thái Bình, tôi chú ý đến một tu sĩ cao lớn

mặc áo vàng, đứng lặng yên khát thực phía bên kia chợ, một điều gì trong lòng giục tôi đứng dậy và đi về phía vị tu sĩ đó, đến gần, tôi buột miệng: Trời ơi, thầy Kiệt, không thể làm được, tôi hỏi:

- Xin lỗi thầy, phải thầy là thầy Kiệt không ạ ?

Thầy ngừng lên nhìn tôi, khẽ gật đầu, rồi hỏi:

- Em là ai mà biết tôi ?

Tôi trả lời là học trò tiểu học của thầy ở Thị Tính, sau đó lại gặp thầy ở trường Lương Văn Can, nhưng không dám nhìn.

Thầy khẽ mỉm cười, gật gật đầu: Thầy nhớ rồi
Tôi mời thầy vào quán nhưng thầy cho địa chỉ và nói:

Hôm nào rảnh đến thầy vào buổi chiều, rồi thầy khoan thai ôm bình bát đi...

Ngôi chùa nhỏ nằm nép mình bên con hẻm khá sâu, một chú tiểu đang tưới cây trước sân, tôi vừa tắt máy xe định hỏi thăm thì thầy bước ra vui vẻ:

- A, em, vào đây... lòng tôi bỗng xao xuyến và buồn rầu nhớ tết năm nào ở nhà thầy

Tôi theo thầy vào trong, ngôi chùa đơn sơ quá, gian giữa nhìn lên là tượng Phật ngồi khép mắt, nét hiền từ bao dung khó tả

Chúng tôi cùng ngồi, thầy rót tách trà đầy về phía tôi rồi nói,

- Tết nhất mấy ông kia về quê hết, chùa còn có hai thầy trò, đúng là thầy trò mình có duyên nên lại gặp nhau

Tôi nói:

- Gặp thầy em vui quá, mà thầy thì thay đổi nhiều quá

Thầy gật đầu, cơ hồ hiểu ý tôi, trầm ngâm một chút rồi nói

- Thầy theo Mặt Trận Giải Phóng từ năm 1962, mấy năm sau vào bưng, có ra Bắc nhưng lại trở về, thầy sống lý tưởng, dù gian khổ nhiều khi quá sức chịu đựng, cho đến những năm làm cán bộ giảng dạy, thầy vẫn hăng say với lý tưởng, nhưng dần dà, những thần tượng, sống cũng như chết, sụp đổ trong lòng thầy, thì thầy quyết định bỏ lại sau lưng tất cả để xin làm một tu sĩ khát thực, ngày ăn một bữa...

Thầy nhấp một ngụm trà rồi nói tiếp:

Tâm con người thật là cao quý và độ lượng, thầy đã phung phí nó hơn 30 năm, bây giờ trở lại, nó vẫn mỉm cười với thầy, em có hiểu rằng thầy đang mãn nguyện biết chừng nào không?

Tôi nhìn những giọt nắng chiều vương vãi trên hàng cây trước sân, lòng ngậm ngùi thương vị thầy học cũ, mất những năm tháng tươi đẹp nhất của cuộc đời cho lý tưởng, mà lý tưởng cơ hồ không có thực, bây giờ nhìn nét mặt mãn nguyện của thầy, tôi thầm chúc thầy thực sự tìm được bến đỗ cho tâm hồn.



Ngày sắp qua

*Buổi chiều sang nhẹ nhẹ
Một ngày sắp qua đi !
Cất tiếng hát khe khẽ
Chợt nghe ước ao gì?*

*Một vùng trời xanh trong,
Mùi hoàng lan thơm nồng
Kéo ta vào cơn mộng
Hồn theo mây bẽnh bông.*

*Nghe như lòng xao xuyến!
Nghe com tim bồi hồi!
Quán cà phê vắng khách
Bên dòng sông mưa bay.*

*Không gian chao động quá!
Gió lướt thướt thổi qua.
Lung linh qua kẽ lá
Đường như trăng đang lên.*

*Ánh vàng đậu lên áo,
Ấu yếm vờn trên môi.
Cài lên bờ tóc rối
Giọt sương hờ hững rơi !*

Nguyễn Phạm Thy Hảo
Nøtterøy

Thơ Khánh Hà



Về một bến sông

Em giữ nhé một mình trong ký ức
Bởi không còn ai nữa để sẻ chia
Những vui buồn lâu lắm tự thời xưa
Nơi quê cũ chỉ còn trong tâm tưởng
Những chuyến bay chờ người đi trăm
hướng
Nhưng không về đến bến một dòng sông
Bãi bờ xa khi con nước đã ròng
Chiếc cầu nhủi dưới mé sông đã mục
Bóng dáng mẹ đã đời đời xa khuất
Bao nhiêu lần mẹ đứng đó nhìn theo
Chiếc dò khuya kéo kẹt tiếng mái chèo
Đò đi khuất mẹ vẫn còn đứng đó
Gió chao chao ngọn đèn chong mờ tỏ
Tiếng tù-và vọng lại giữa âm u
Nẻo về xưa, xa thăm thẳm biệt mù
Hồn cây cỏ có còn nguyên thuở trước
Cây dừa lão de mình ra mé nước
Những tàu dừa chải gió suốt đêm trăng
Buổi bình minh lũ chim chóc lảng xảng
Chùa vôi lú lo, cường kêu lạnh lốt
Cây trứng cá rợp tàn trên sân trước
Trao trao kéo về mở hội rộn ràng
Trưa vắng đưa tiếng gà gáy mơ màng
Lòng thơ đại bồng nghe buồn vô cớ
Bến sông xưa đã mấy lần bồi lở
Lòng người xa quê trần trở mấy lần
Cuối đường dài, ngoảnh lại băng khuâng
- Đã lâu lắm mà sao mình vẫn nhớ?

Xuân vẫn còn

Xuyên qua khung cửa hẹp
ứng một tia nắng vàng
gió khua bầu trời rộng
em ơi, xuân mới sang

Cảnh thông rủ áo tuyết
đứng xanh một góc vườn
còn màu xanh nguyên thủy
qua vạn mùa tuyết sương

Từ căn nhà cũ kỹ
bao lần nhìn mùa xuân
thời gian như gió thoảng
xuân đi, xuân vẫn còn

Cây đào già trước ngõ
nụ hoa đã nở chưa
trên cảnh xuân vừa hé
thoáng bóng hoa đào xưa



CHỖ

Ga chiều hiu hắt. Khách chờ tàu lặng lẽ như phỗng đá. Có những hôm như thế, tuyệt nhiên không một sự kiện. Khốc liệt và ngày càng gia tăng như nạn gieo mình xuống đường ray chết cho tan xương nát thịt mới hã: không có. Phiền toái như các vụ đình công của công nhân viên ngành hỏa xa: không có. Lạnh đến khô da nứt thịt: không. Nóng đến bốc hơi chảy mỡ: không. Tất cả đều tầm tầm. Tuyệt đối bình thường.

Chợt anh đến. Cách anh chọn chỗ ngồi làm nên sự kiện. Có chuyện rồi! Đời sống quan trọng ở chỗ đó. Phải có chuyện. Bất kể tính chất và khổ cỡ. Buồn cũng được, vui cũng được, dễ giận cũng được, dễ nể cũng được. Gì cũng được, miễn là có chuyện.

Ông Bê Rê tăng háng: Người đâu vô ý! Không biết ăn coi nồi, ngồi coi hướng! Đi đứng phải khiêm cung chứ! Có đâu lại thượng ngang giữa hàng như thế!

Anh Đầu Bím ngửa miệng: Ông nhầm! Đó là người thích hợp quần. Anh ta ngồi giữa,

chừa hai chỗ hai bên là có ý mời gọi người khác đến ngồi chung. Một hiệp sỹ.

Bà Váy Bó gục gặc : Anh ta hồn nhiên, phúc lớn đầy.

Chị Lắm Giò lắc đầu: Tôi mà như anh ta thì tôi ngồi ghế bìa. Mà bìa phải cơ. Nguyên tắc vẫn thế. Ở nơi công cộng phải giữ tuyến bên phải và chừa các khoảng không gian còn lại cho người khác.

Nháo nhào vài câu thế mà cũng giết gọn thời gian. Hùng hồn hùng hổ tưởng đến bóp cổ nhau được, lên tàu rồi ai nấy vô tư ngay. Người ngoẹo cổ ngủ khò, kẻ giờ báo đọc tin. Chả ai hơi đâu bận tâm chuyện vừa xào nấu. Anh, cái thìa khuấy tẽ cho quần chúng, chẳng hay biết gì. Nghe thấy những ình chéo qua lại ấy, anh dễ phì cười! Anh chọn chỗ giữa của băng ghế ba chỗ chẳng qua vì nhìn thấy dưới chân hai ghế bên những bãi nước bọt ai nhổ bậy còn tươi sánh ra đấy. Ghế giữa thì khô, sạch.

Mạch Nha

Mời bạn ghé vào thăm trang nhà mới của nhóm Viết&Đọc:

www.vietdoc.no

Học tiếng Na-uy bằng thơ

FLAT bằng, LAV thấp, HØY cao
HER đây, DER đó, nơi nào HVOR DA ?
PAPPA có nghĩa là cha
MAMMA là mẹ, DEPPA buồn rầu
SETNING có nghĩa là câu
LEKSER bài học, REGNBUE cầu vồng
MANN là tiếng gọi đàn ông
KONE là vợ, chúc mừng GRATULERER

Xin nữa KAN JEG FÅ MER
Cám ơn là TAKK, đi về GÅR HJEM
Áp má tiếng gọi KLEM
một EN, sáu SEKS, năm FEM, TI mười
LAT mang ý nghĩa là lười
GRÅTE khóc, LE cười, giận SUR
Lanh lẹ có thể dùng LUR
GULV là sàn gỗ, còn MUR vách tường
VANLIG ý nghĩa bình thường
HATE là hận, yêu thương ELSKE
FLAGG là cái lá cờ
Thông minh KLOK, khờ khờ là DUM
VERDENSROM cõi không trung
NYTT ÅR năm mới, chào mừng VELKOM-
MEN!

DRØM ý nghĩa mộng mơ
VERDEN thế giới, cái hồ INNSJØ
Tạm biệt dùng tiếng ADJØ
MORGEN buổi sáng, đêm về NATTEN
Trường học là SKOLEN
LÆRER thầy giáo, mới toanh HELT NY
STA ý nghĩa là lì
LYDDIG ngoan ngoãn, bánh mì BRØD
Màu đỏ ta dùng chữ RØD
LIVET sự sống, chết DØD, SJEL hồn
RYKTE ám chỉ tiếng đồn
KROPPEN thân thể, sinh tồn LEVE
SKITTEN ý nghĩa là dơ
SVART đen, REN sạch, bị ngờ MISTENKT
HUD da, HÅR tóc, TANN răng
ØYE con mắt, cái cằm HAKE
NYNNE là hát ầu ơ
SANG là bài hát, bao giờ NÅR DA ?
MENNESKER là người ta
DYR là muôn thú, gói quà GAVE
Có thể là chữ KANSKJE
Màu trắng là HVIT, xanh lè GRØNN
Thờ than là tiếng STØNN
BRØNN là cái giếng, dừng chân IKKE GÅ !
STOR ý nghĩa là to
LITEN là nhỏ, nằm co LIGGE ...

Nhà Bếp - KJØK- KEN

Cái muống ta gọi là SKJE
PINNE là đũa, ba chia GAFFEL
RIS là gạo, cũng là cơm
VANN là nước lã, còn đường SUKKER
SMØR ý nghĩa là bơ
Phô mai là OST, đồng hồ KLOKKE
BOLLE tiếng gọi cái tô
TALLERKEN đĩa, cái xô BØTTE
Kho, chiên đều gọi STEKE
GRILLE nướng, KOKE nấu, hầm
INGEFÆR là củ gừng
SITRONGRESS xả, thú rừng SKOGDYR
GRIS heo, FISK cá, ØL bia
Nước ngọt là BRUS, còn chia DELE
Quả táo ta gọi EPLE
LITCHI trái vải, OLJE là dầu
SOYASAUS là xì dầu
FISKESAUS nước mắm, cái đầu HODE
Gà già ta gọi HØNE
Nước lèo là KRAFT, KRYDRE là nêm
SPIS MER! là hãy ăn thêm
METT là no bụng, xem chừng PASS PÅ!
Cái gì sống gọi là RÅ
SULTEN đói bụng, con cua KRABBE
Cái nồi ta gọi GRYTE
Nấp, vung là LOKK, SÅPE xà phòng
HONNING tiếng gọi mật ong
Cám ơn là TAKK, hải lòng FORNØYD ...

Học Đường = SKO- LEGANG

Chữ NAVN ý nghĩa là tên
SKOLEN trường học, BLYANT viết chì
KONVULUTT nghĩa phong bì
KLINKEKULER những viên bi tròn tròn
VET DU HVA? biết gì không?
LÆRER thầy giáo, văn phòng KONTOR
DUMMING ý nghĩa đồ ngu
FENGSEL là chữ nhà tù, không sai
GENI là bậc kỳ tài
STREVSOM chăm chỉ, đường dài LANG VEI
Không thì ta phải nói NEI
SKRIVER viết, đọc bài LESER
Lịch sử HISTORIE
FRIMINUTT nghĩa là giờ ra chơi
SOVER ngủ, LAT là lười
EN một, SJU bảy, TI mười, năm FEM
Bạn bè ta gọi là VENN
LYS là ánh sáng, bóng đèn LYSPÆRER
DIKTER ta viết bài thơ
Kiểm tra là chữ PRØVER, đúng rồi
VANSKELIG khó quá ơi
LETT là rất dễ, bầu trời HIMMEL
EN STIL bài viết luận văn
FAG là môn học, mỗi năm HVERT ÅR
Tóc dài là chữ LANGT HÅR
JENTER con gái, GUTTER con trai
UNGDOM là tuổi choai choai
TØFF mang ý nghĩa là oai quá trời
LIVET là chữ cuộc đời
STOP là ngừng lại, hiện thời là NÅ
Hãy cho tôi, KAN JEG FÅ?
NAIV là chữ ngây ngô, dại khờ
PLUTSELIG rất tình cờ
BARN là con nít, học trò ELEV

Thi Hạnh



cõi riêng

Đoàn Mai Tâm



Các con lập gia đình lần lượt dọn ra riêng, trong nhà còn trơ ra hai vợ chồng già. Mới đầu hai vợ chồng cũng rất bận rộn vì phải lo cho hết đứa này rồi đến đứa khác ổn định nơi ăn chốn ở. Nhưng với thời gian họ lắng dần vào cái thế giới của riêng họ - ở trong đó có những gì chẳng ai biết. Cái thế giới êm đềm ấy một hôm bị xao động bởi một cơn bệnh ngặt nghèo của người vợ và chẳng bao lâu sau một cuộc chia tay vĩnh viễn với người chồng đã xảy đến.

Trước mắt các con, cái cõi riêng của bố mẹ mình thật nghèo nàn, chỉ với một cái radio bố dùng để nghe các giờ phát thanh tiếng Việt mà có lẽ tiếng rò rè còn to hơn cả tiếng người xướng ngôn. Và bên cạnh là sách báo đủ loại chồng chất từ năm nọ đến năm kia - hết số cũ rồi lại số mới. Vì thế, chúng bàn nhau đưa bố về nhà ở chung, nhưng ông nài đủ mọi lý do để

bám vào cái thế giới riêng tư của mình. Các con đành tạm thời nhượng bộ bố, nhưng chúng nhất quyết thay cái radio và chồng sách báo cũ bằng cái computer.

Cái computer vào loại khá đã được các con ráp và đặt vào chỗ thuận tiện nhất, nhưng bố vẫn cứ tiện tay mó vào cái radio và những tờ báo cũ. Các con liền chia phiên nhau kèm bố bằng cách cầm lấy bàn tay bố đề lên con chuột giống như thầy giáo cầm tay cậu học trò nhỏ tập viết. Nhờ vậy, bố đã vượt qua được cái giai đoạn khó khăn lúc ban đầu, làm quen được với cái phương tiện truyền thông tối tân hiện đại.

Thấy vậy, các con của ông tưởng rằng cái phương tiện tối tân này sẽ giúp bố nhìn thấy được nhiều nơi, tiếp xúc với nhiều nguồn thông tin nhanh chóng, mới lạ sẽ cho bố cuộc sống

tươi vui hơn. Nhưng chúng không thể ngờ được chính cái computer lại đồng lõa làm cho cái tật trầm ngâm im lìm của bố trở nên trầm trọng hơn, đến độ bố sống với đời sống ảo trong máy computer hơn với đời sống thật ở bên ngoài. Vì thế, các con của ông lại hợp khẩn cấp để tìm cách kéo bố ra khỏi cuộc sống ảo.

Biện pháp các con ông đưa ra là thường xuyên tìm cách đón bố đi chơi, và nếu ông không muốn đi, chúng sẽ vây quanh để bắt ông phải sống với cuộc sống thật - thậm chí còn có đưa đề nghị đưa bố đến bác sĩ tâm lý. Một hôm, vợ của mấy đứa con trai ông đang chuẩn bị cho bữa ăn cuối tuần ở trong bếp, ông ngồi canh giữ bảy cháu, thằng con trai lớn của ông vào sắp xếp và dọn rác trong đầu máy computer cho bố. Trong lúc xem qua các tài liệu trước khi sắp xếp theo loại hoặc xóa bỏ, anh đã tình cờ đọc được một vài đoạn văn rời của bố.

Trong đó có đoạn bố nhắc đến mẹ của mình - lúc hai người chưa cưới nhau - bằng danh xưng đại danh từ em viết hoa như thế này: "Chiều hai mươi ba tháng sáu bảy năm, một ngày trước khi vào trại tập trung, linh tính báo cho Em biết có chuyện chẳng lành trong cuộc chia tay hôm ấy. Em bảo tôi là hợp thức hóa trường hợp của Em với gia đình trước khi tôi đi để có chuyện gì Em dễ xoay xở trong lúc tôi vắng nhà."

Với bao nhiêu việc dồn dập trong một thời gian quá ngắn, tôi không kịp làm theo ý Em, mà thời gian tôi ở trong trại cứ kéo dài mãi ra không biết đến chừng nào chấm dứt. Thời gian đằng đẵng cùng với sự ly gián độc địa của kẻ chiến thắng đến nỗi tình nghĩa vợ chồng của bao gia đình với lễ giáo và phong tục nâng đỡ đã đi đến chỗ gãy đổ. Còn Em, Em vẫn chờ tôi! Trong những lúc gian nan nhất, tôi vẫn còn có Em."

Đoạn khác, bố nói đến ngày tết trong cảnh bị giam hãm: "Chiều giáp tết, cái tết đầu tiên sau ngày "giải phóng" và là cái tết đầu tiên trong trại tập trung K4. Tôi đứng nhìn xuyên qua nhiều vòng rào kẽm gai ra quốc lộ 1 để đếm từng chuyến xe chạy ngang qua. Những chuyến xe vội vàng, dường như họ sợ hết năm mà không về kịp đến nhà. Còn tôi, tôi cứ bị cột căng mãi ở đây không thể lết gần đến nhà được lấy một bước"

Và đây là hình ảnh một người bạn của bố trong lúc khốn khó: "Chiều nào cũng vậy, từ khu lao động về, Hải cũng đưa phần ăn của mình đến đầu dãy nhà ngồi đợi tôi đến cùng ăn. Phần ăn trong trại tập trung ít ỏi đến nỗi chẳng bao giờ

có được cái cảm giác no. Thế mà bữa nào Hải cũng sốt phần ăn của mình sang cho tôi.

Cuối tháng mười năm bảy năm, thành lệnh chúng tôi được lệnh tập trung. Hải thuộc về nhóm người được gọi tên đứng riêng ra một chỗ có công an vũ trang canh phòng cẩn mật. Khi nhóm của Hải được chuyển ra khỏi trại, những người còn lại như tôi mới được lệnh trở về trại. Về đến nơi, tôi thấy Hải để lại trên chỗ tôi nằm: thuốc trị bệnh, đồ ăn khô và một cái áo len.

Tôi cảm động quá đến bùi ngùi, vì thế tôi coi những đồ Hải để lại không chỉ là đồ ăn đồ dùng mà còn là kỷ vật quý báu. Và suốt những năm trong trại tập trung sau đó, tôi cứ mãi trăn trở, không biết Hải bị chuyển đi mãi đâu và tại sao Hải lo cho tôi hơn cả lo cho chính mình như vậy!

Năm năm sau, tôi được thả ra nhân ngày quốc khánh hai tháng chín năm tám mươi. Việc đầu tiên tôi đi tìm nhà gia đình Hải. Lần mò được đến nơi, tôi biết được một tin rất đau buồn là Hải đã chết rét trong trận rét hãi hùng chưa từng có mùa Giáng Sinh năm bảy mươi sáu tại trại Hà Nam Ninh trong lúc ở dưới ao vớt bèo cho heo.

Tại gia đình Hải, tôi được nhìn hình của Hải và bên cạnh có một bức hình nữa mà hỏi ra tôi mới biết đó là em của Hải. Người em này có nét rất giống tôi, làm cho tôi nhớ có lần Hải đã nói với tôi về người em này. Tôi lấy ngày từ trận trù đi ngày sinh được ghi dưới hình, người em này vừa bằng tuổi của tôi lúc ở trại chung với Hải.

Hơn ba mươi năm qua hình bóng của Hải lúc nào cũng rực sáng trong tâm hồn tôi. Lễ Giáng Sinh 2006 năm nay tôi kỷ niệm lần giỗ thứ ba mươi. "...

Anh ta cứ mãi mê đọc, đọc đi đọc lại những đoạn văn rời bố đang viết trong máy. Cho đến khi có tiếng vợ từ trong bếp gọi vào ăn cơm, anh mới nhớ là mình chưa sắp xếp dọn dẹp được tí nào cả.

Những ngày sau đó, anh ta cứ suy nghĩ mãi về các đoạn văn anh vừa tình cờ đọc được. Nó như những khe hở mà qua đó anh nhìn được vào cái cõi riêng của bố, cái cõi mà các em của anh có lúc cho rằng đó chỉ là một cuộc sống ảo!

Chiều, Tranh Lê oăn Tài và Mưa...

Ngót sáu mươi bức tranh
Nhỏ - to - dài - rộng
Ngót sáu mươi bức tranh chồm tới cùng một lần và hỏi:
Sao người đi một mình? Sao mà đi một mình?
Có những tiếng cười cú rúc –
Có những tia nhìn lạnh lẽo rạn vỡ thủy tinh...
Vậy mà tôi nghe tôi thờ dài trầm buồn nốt nhạc:
Ôi! Chiều cô đơn! Ôi! Mình cô đơn!

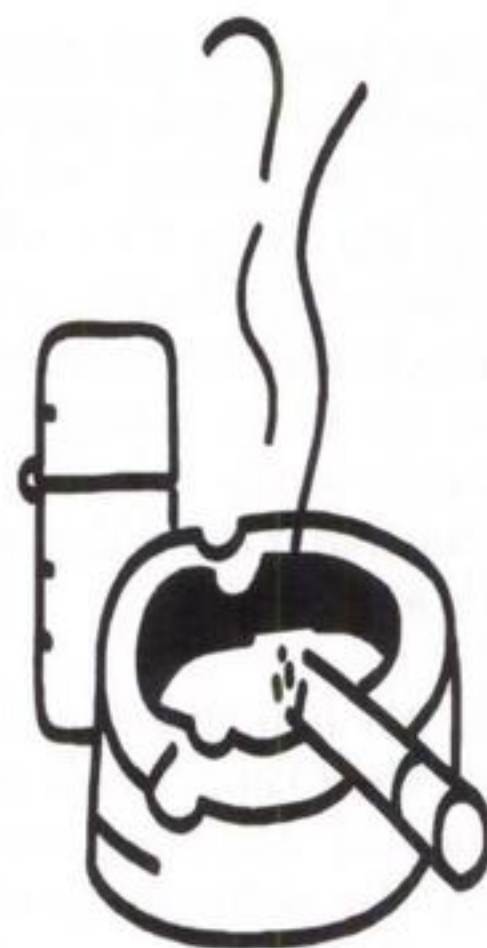
*

Tôi cỡi chiếc áo mưa - từng giọt nước thánh thót vỡ tan,
cũng buồn như một chút tình xưa đắm địa kỷ niệm.
Tôi đốt một điếu thuốc và nhìn bức tranh thứ nhất:
"Dung nhan buồn " :
Người đàn bà liêu trai mà ngôn ngữ chết cứng trên núi đồi thân thể,
bờ môi tím rướn cong như một cung đàn...
Phải chăng, từ đó tôi đã ra đi?
và cũng từ đó tôi sẽ trở về?
Chợt thấy hai bàn tay mình dư thừa –
đôi chân vô tri và nụ cười phản ứng...
Con tim từ lâu đã đập âm thầm như một thói quen
mà hồn đam mê chợt ngông cuồng chồm dậy :
"- Tôi còn sống đây - Tôi còn thờ đây! "
Bức tranh thứ mười - điếu thuốc trên tay đã tắt –
"Sự thỉnh lặng trên giấc ngủ"
Mái tóc hoang vu và mắt nhìn chan chứa một mùa đông –
mùa đông buồn tênh...
như người đàn bà khóa thân trong bức tranh cúi mặt buồn tênh!

*

"Những kiếp ngựa hoang "Bức tranh mười tám:
chợt xót thương ai: sai vó thên thang chờ đời du mục,
qua vùng đất Cain để nghe lời quyến rũ của mưa...
Nhớ chiều nào ta đã gặp ta xưa
cười thật buồn cùng níu tay nhau qua bờ mộng mị!
Bây giờ "Đông phương cúi đầu buồn": bức tranh hai mươi tám
Tôi bỗng tái tê - tôi còn thêm chóng mặt
thấy hồn mình như vỡ òa theo nước mắt –
những tượng đá nào ngồi ôm mặt nỉ non!
Những đôi mắt trong sáu mươi bức tranh mở to - chồm tới và hỏi:
Sao người cô đơn? Sao mà cô đơn?
Tôi cúi mặt sượng sùng chỉ biết lặng câm,
Chợt nhớ chợt quên về một vòng tay ấm
có nụ hôn mềm như nắng lụa chiều thu.
Cơn mưa sau cùng hình như nhỏ hạt
"Lời cứu rồi chối từ" vọng náo nề từ một bức tranh.
Tôi nghe sau lưng mình cánh cửa như vừa đóng lại
và rất mơ hồ tiếng búa đóng đinh vào gỗ,
tiếng chìa tra vào ổ khóa... và bây giờ là bóng tối mênh mông!
Hình như buổi chiều trời thật đã ngưng mưa?
Sao hồn tôi còn lạnh mãi giọt buồn?

*



Thánh kinh buồn - "The Sad Bible " - Ôi hỡi! Thánh kinh buồn:
Bước chân đi như trôi giạt ra ngoài, dòng đời khô héo.
Buổi chiều tái tê và cơn mưa lạnh lẽo –
Ưu tư Lê Văn Tài nằm đâu đó trong các bức tranh
và ở trong ai một nỗi niềm đau mắt!
Ngót sáu mươi bức tranh lặng lẽ cúi đầu chào –
Người đàn bà khóa thân từ bức tranh bước ra làm dấu vĩnh biệt!
nhưng tôi hiểu rằng: tình si bây giờ cho tôi suốt một đời cần thiết
như giòng sông kia êm đềm ru sóng mãi về xuôi...
Tôi bước đi giữa cơn mưa còn lạnh tím trời
Cánh cửa sau lưng bây giờ thật là đóng lại
nhốt những tiếng cười...
những tia nhìn ái ngại...
và những bức tranh thành một điệp khúc buồn...

*

Một điều thuốc đốt lên.
Giữa phố chiều nhạt nhòa như phù hơi sương,
Cơn mưa cứ thật êm đềm - mình bước thật êm đềm...
những giọt mưa bay bay xuống từ trên cao và trên cao lặng yên!...

Nguyễn Thủy Nam

Đông Tây Gặp Nhau

Trong Khoa Học Huyền Bí

Lê Nguyên sưu tầm

Môn khoa học huyền bí Tây phương gọi là *Thần Số* (Numerology) dựa theo nhân sinh quan của Thần Tam Giác (Divine Triangle). Nhờ Thần Số mà người ta đoán được nhân cách, tính tình, công việc, năng khiếu, tình duyên v.v... của một đời người. Môn khoa học huyền bí đã phát xuất 600 năm trước Thiên Chúa giáng sinh và do nhà toán học Pythagorax lập ra. Pythagorax dùng phương trình C2-A2-B2 của hình tam giác (pythagorean theorem) để giải đoán định mệnh nên các nhà siêu hình học Hy Lạp cho là "God geometrizes". Môn siêu hình học này gồm có tất cả 9 số.

Hãy dựa vào bảng sau để tính ra con số định mệnh của bạn:

1	2	3	4	5	6	7	8	9
A, J, S	B, K, T	C, L, U	D, M, V	E, N, W	F, O, X	G, P, Y	H, Q, Z	I, R

Ví dụ: Trần Văn Hải = 2+9+1+5+4+1+5+8+1+9 = 45 = 9 . Con số định mệnh của mình là số 9
Bạn hãy đối chiếu xem kết quả dưới đây :

Số 1

Tượng trưng cho sự hùng mạnh, sự độc lập, sự lãnh đạo. Lập trường vững chắc, ít thay đổi. Số 1 còn tiêu biểu cho sự thông minh, sáng tạo, một ý chí sắc bén, cứng, mạnh, tượng trưng cho nguyên lý căn bản của đời sống.

Số 1 tương đương với viên Phán Quan (The Magiaan) ở bài bói Tarot. Số 1 đồng hóa với Thái Dương Tinh, nguồn gốc của mọi năng lượng. George Washington, Karl Marx, và Napoleon Bonaparte thuộc loại người mang số 1.

(tiếp theo trang 69)

CÁI CHẾT OAN KHUẤT CỦA NHẠC SĨ MINH-KỲ

phạmtínanninh

“ Nha Trang là miền quê hương cát trắng
Có những đêm nghe vọng lại, âm âm tiếng sóng xa đưa
Nha Trang cánh đồng bao la bát ngát
Hương quê dâng lên ngào ngạt, hòa cùng sức sống yên vui”



Ai đã sinh ra và lớn lên ở Nha Trang, hoặc đã từng ghé lại đây đôi lần, đều không quên bài hát dễ thương này, mà cả một thời gian gần hai thập niên, đài phát thanh Nha Trang đã dùng làm nhạc hiệu mở đầu cho những buổi phát thanh.

Cuối tháng 3/75, Nha Trang bị nhận chìm trong làn sóng đỏ. Người Nha Trang đã cùng chịu chung số phận. Kẻ bị giết, người bị tù đầy, gia đình, bè bạn, thầy trò, chia ly tan tác. Số phận của nhạc sĩ Minh Kỳ, tác giả bài hát này (cùng nhiều bản nhạc về Nha Trang khác nữa) cũng đã gắn liền với định mệnh đau thương của thành phố mà ông đã được sinh ra, hết lòng yêu thương và đã gởi trọn lòng mình qua những dòng nhạc thiết tha triu mến đó. Ông đã bị giết. Cái chết thâm và oan khuất của ông có lẽ được ít người Nha Trang, - *những người dù còn ở lại trên quê nhà, hay tha phương khắp chốn, nhưng vẫn mang theo dư âm những bài hát Nha Trang của ông* - biết đến

Người viết bài này, có cái cơ duyên được ở chung cùng một trại tù với ông, và cũng đã được tâm sự cùng ông một vài ngày trước khi ông chết.

Đầu tháng 3/75, sau khi Ban Mê Thuật mất, những đơn vị từng sống chết với Cao Nguyên có lệnh triệt thoái. Tôi theo đơn vị, chỉ còn một phần tư quân số, lần lượt “di tản chiến thuật” vào Cam Ranh, rồi Vũng Tàu để tái tổ chức, trước khi tham dự những trận đánh cuối cùng “cô đơn và buồn tẻ” ở những địa danh xa lạ: Cần Giuộc, Bến Lức, thuộc tỉnh Long An, ngăn bước chân địch quân đang ồ ạt kéo về vây hãm Sài Gòn.

Ngày 28/4/75, tôi và cả vợ con cùng anh tài xế (vốn là người bạn cùng quê), theo lời hẹn của người bạn chí thân, là SQ Hải Quân giữ một chức vụ trong Bộ Tư Lệnh Hành Quân Biển, có mặt tại Bến Bạch Đằng. Nhưng đến giờ chót, trước sự ngỡ ngàng và tức giận của người bạn có lòng, tôi quyết định không cùng vợ chồng anh ấy xuống tàu di tản. Có lẽ anh không hiểu được là tôi cũng đã khổ tâm biết đường nào để có cái quyết định “sống chết” ấy, mặc dù tôi biết trước là với cái quyết định đó, ít nhiều gì rồi tôi cũng phải trả một cái giá, chắc không nhỏ. Lý do chính trong nhiều lý do để tôi ở lại: đó là Cha tôi, người cha đã làm gà trống nuôi

con từ lúc tôi mới lên ba tuổi, mà tôi được tin là ông đã bị bắt và đang bị giam giữ ở đâu đó ngoài Nha Trang, và tôi không đành bỏ ông trong hoàn cảnh khốn cùng này.

Điều đáng ân hận nhất là, dù ở lại để chấp nhận mọi điều, nhưng tôi cũng không bao giờ có cơ hội gặp lại cha tôi. Ông đã chết trong trại cải tạo Đá Bàn, cuối tháng 6/76, và đúng ngay vào cái đêm tôi bị chở bằng xe “bịt bùng” từ trại tù An Dưỡng Biên Hòa ra bến Tân Cảng để xuống tàu Sông Hương ra Bắc. Mãi gần năm năm sau tôi mới nhận được tin buồn.

Trại tù An Dưỡng Biên Hòa, cũng chính là nơi tôi đã gặp nhạc sĩ Minh Kỳ, và đã tâm tình cùng ông một ngày trước khi ông chết.

Tôi trình diện tại Trường Đại Học Kiến Trúc, được đưa lên nhốt tại trại tù binh Tam Hiệp. Một tháng sau được chuyển đến trại tù An Dưỡng Biên Hòa, nằm bên cạnh phi trường quân sự Biên Hòa. Trại An Dưỡng này, trước là một khu quân sự, về sau được chỉnh trang lại để tiếp nhận những quân nhân tù binh của ta được miền Bắc trao trả theo hiệp định Paris. Họ được nghỉ ngơi, bồi dưỡng cả sức khỏe lẫn tinh thần ở trại An Dưỡng này trước khi trở về đơn vị cũ và gia đình.

Đến trại này, tôi gặp một số anh em mới trình diện sau, hoặc được chuyển từ các trại khác tới. Gồm đủ các quân binh chủng, kể cả những sĩ quan biệt phái về các Bộ, và Cảnh Sát. Trong số này có nhạc sĩ Minh Kỳ. Tôi ở Nhà 1, còn anh Minh Kỳ ở Nhà 3, cách nhau khu nhà bếp (gọi là hậu cần).

Cũng như những người Nha Trang khác, lớn lên vào những năm giữa thập niên 50, đầu thập niên 60, tôi thuộc lòng những bài hát Nha Trang của nhạc sĩ Minh Kỳ, nhưng chưa hề biết tên thật và cũng chưa hề quen biết ông. Trong Nhà Tù 1, tôi nằm bên cạnh anh Tiêu Thọa Minh và Phạm Quang Nhiếp. Cả hai đều lớn tuổi hơn tôi. Anh Minh gốc Hoa và nguyên là trưởng ban phiên dịch Hoa ngữ của Trường Chi Huy Tham Mưu (hay Cao Đẳng Quốc Phòng?), anh Nhiếp làm ở Nha Quân Pháp, và theo lời anh kể, anh cũng là luật sư riêng cho ông “vua kềm gai” Hoàng Kim Qui.

Hai anh này rất tốt bụng, vui tính và có quen biết nhạc sĩ Minh Kỳ. Biết tôi là dân Nha Trang, nên có lần anh đã giới thiệu tôi với anh Minh Kỳ.

Nhạc sĩ Minh Kỳ lớn tuổi hơn tôi nhiều, nên tôi gọi ông bằng anh và xưng em. Có lẽ bản tính của anh vốn trầm lặng, ít nói, và đặc biệt trong hoàn cảnh như vừa trải qua cơn ác mộng, chưa biết ngày mai sẽ ra sao này, anh lại càng ít nói hơn. Gặp anh vài ba lần, tôi chỉ nói lên lòng hâm mộ của tôi về những bài hát Nha Trang mà

với tôi bây giờ nó lại là những kỷ niệm vô giá. Anh thường chỉ trả lời tôi bằng một nụ cười buồn.

Một đêm, cuối tháng 8/75 (31/08/75?), vào khoảng 2 giờ sáng, cả trại tù đang chìm trong bóng đêm với cả ngàn người tù chập chờn trong giấc ngủ, bởi tâm tư còn nặng trĩu lo âu, đang chờ đợi những điều bất trắc nào sẽ đến với số phận mình, bỗng một tiếng nổ long trời kèm theo những tiếng la thất thanh, và rồi tiếng còi báo động, tiếng chát chúa trên loa phóng thanh, lệnh cho tất cả “cải tạo viên” nằm yên tại vị trí, kẻ nào bước ra khỏi nhà sẽ bị bắn tại chỗ.

Khi đám tù chúng tôi chưa hết hoang mang, thì tiếng xích sắt xe tăng T 54 tràn vào trại rít lên từng chập, chia nhau bao vây từng căn nhà. Hàng loạt bộ đội, súng gắn lựu lê, mặt tên nào cũng đằng đằng sát khí tủa vào từng nhà, kéo cơ bằm lên đạn, quát tháo chúng tôi đứng dậy ngay tại chỗ, hai tay để trên đầu. Tôi có cảm giác là chúng tôi sắp bị xử tử..

Chúng tôi đứng bất động như vậy cho đến gần 12 giờ trưa. Nhìn qua khe cửa, tôi thấy mấy chiếc xe chở một số quan tài (màu gỗ trắng, chưa kịp sơn đỏ), bỏ xuống bên kia khu nhà bếp, trước Nhà 3.

Cả hai ngày sau, tất cả tù đều không được ra khỏi nhà, ngoại trừ đi ra cầu tiêu và ở đó cũng có đầy lính gác. Sau đó, tất cả chúng tôi được đưa lên hội trường. Ngồi chễm chệ trên dãy bàn trước mặt chúng tôi là những “thủ trưởng” không mang quân hàm, nên chúng tôi cũng chẳng biết họ là ai. Chúng tôi bị “nghiêm khắc” cảnh cáo là “có bọn phản động trong các anh đã giấu giếm vũ khí, mang lựu đạn Mỹ vào để nhằm phá hoại thành quả cách mạng”(!), Sau đó chúng tôi làm “*bản tự khai tội ác*” và bắt đầu bài học số 1, “*Đế Quốc Mỹ là kẻ thù của nhân dân ta*”.

Khi ấy chúng tôi mới biết tiếng nổ tối hôm ấy đã xảy ra tại Nhà 3, làm chết và bị thương khá nhiều, và toàn bộ tù binh còn sống sót trong nhà này cũng đã được “biên chế” sang các trại tù nào đó ngay trong đêm hôm ấy. Mọi dấu tích đã được thu dọn sạch sẽ, như chưa hề có việc gì xảy ra.

Có điều cái “sự cố” thảm khốc ấy không phải như lời “lên lớp” hù dọa của mấy ông thủ trưởng, bởi một điều rất dễ hiểu là ngay từ lúc vào trại cho đến bây giờ, đã qua hàng trăm lần kiểm soát, và lại hành trang mang theo của mỗi người tù đâu có cái gì, ngoài hai bộ áo quần, cái khăn lau mặt và bàn chải đánh răng. Tiền bạc và tư trang khác đã được “kách mạng” giữ hộ ngay sau khi nhập trại. Vậy thì một trái lựu đạn có phép màu nào lọt vào trong trại. Điều quan trọng hơn, là nếu người tù nào dám liều mạng

mang được lựu đạn vào trại thì cũng chỉ nhằm mục đích giết kẻ thù chứ sao lại giết chết bao nhiêu bè bạn của mình ?

Những câu hỏi đó đã có sự trả lời chính xác ngay sau đó : Một số bạn tù ở Nhà 2 và Nhà 4, nằm bên cạnh Nhà 3 (nơi xảy ra sự việc) thao thức chưa ngủ trong đêm hôm ấy, kể rõ các sự kiện nghe được sau đây :

Nhà 3 (chứa khoảng 80 tù nhân) nằm đối diện ngay trước Khu Trục Ban và Nhà Vệ Binh của Trại, chỉ cách nhau chừng 10 mét và một hàng rào kẽm gai. Trước khi phát ra tiếng nổ, vì trong đêm khuya thanh vắng, họ nghe rõ tiếng kích hòa từ khu nhà vệ binh này, và nghe cả tiếng đạn đi rồi chạm vào vách tôn phát nổ. Nhiều người trong ngành đạn được có kinh nghiệm về các loại đạn của VC cho biết tiếng nổ ấy là tiếng nổ của đạn B40 hay B41, chứ dứt khoát không phải là lựu đạn.

Và cũng sau ngày ấy, chúng tôi phải chịu một trò chơi trả thù ác độc từ phía những người chiến thắng. Mỗi ngày chia nhau đi gỡ các bãi mìn trong hàng rào phi trường quân sự Biên Hòa.

Họ đã bày ra cái trò giết người giấu tay ở Nhà 3, để rồi lại lấy đó làm lý do giết tiếp những người còn lại bằng cái trò chơi đẫm máu “gỡ mìn” này.

Những bãi mìn này do Công Binh của ta thiết lập chằng chịt dọc theo hệ thống phòng thủ phi trường. Bây giờ, không có sơ đồ những bãi mìn, chúng tôi lại là những người không chuyên môn về mìn bẫy, có nhiều anh em giữ các chức vụ tham mưu, hay được biết phái về các bộ khác, chưa hề thấy lại quả mìn sau ngày rời khỏi quân trường. Vậy mà bây giờ phải tham dự cái trò chơi bất nhân này. Ngày nào cũng có mìn phát nổ, vài người chết, vài người mất tay, mất chân, nhưng vẫn không làm dao động được tấm lòng của những người “sinh Bắc tử Nam”.

Và cũng chính nhờ được cắt cử đi đào huyết chôn những người bạn tù chết mìn, sớm trả “nợ máu” sau ngày miền Nam “giải phóng” này, đám chúng tôi mới phát hiện được tám ngôi mộ mới đã nằm sẵn tại “nghĩa trang” vô danh trong một cánh rừng hoang. Trước mỗi ngôi mộ được đắp đất sơ sài đó có cái bia làm bằng một mảnh gỗ nhỏ. Bọn chúng tôi lên đọc tên trên từng tấm bia viết bằng sơn đỏ, trong đó có tên Vĩnh Mỹ . Đó chính là tên trong khai sinh của nhạc sĩ Minh Kỳ (Nguyễn Phúc Vĩnh Mỹ). Dưới sự canh gác nghiêm ngặt của đám vệ binh, tôi chẳng biết làm gì khác hơn là khi đi ngang trước mộ anh để trở về trại, chấp hai tay trước ngực và cúi đầu tưởng niệm anh cùng với những bạn bè xấu số đã chết tức tưởi cùng anh.

Lòng tôi nhói lên đau đớn như vừa bị một nhát

chém hư vô nào đó. Trong tôi vừa mới mất thêm một điều gì, mà với tôi nó trở thành thiêng liêng hơn là kỷ niệm. Suốt cả một tuần sau đó tôi trần trọc cả đêm không ngủ, tâm tư lúc nào cũng mơ màng đến thành phố Nha Trang, đến ngôi trường Võ Tánh, nhớ da diết những kỷ niệm ấu thơ của những ngày đi học, và hình dung đến từng khuôn mặt bè bạn thân quen. Cũng mới đây thôi, mà bây giờ tưởng chừng như đã là một quá khứ thật xa xôi, mơ hồ như kiếp trước. Điều đặc biệt hơn, dư âm những bài hát Nha Trang của anh lúc nào cũng vang vọng bên tai tôi.

Ba mươi năm chiến tranh trên quê hương đã đem lại biết bao nhiêu điều bi thảm. Không ngờ sau khi chiến tranh chấm dứt, lại còn nhiều bi thảm hơn. Cái chết của nhạc sĩ Minh Kỳ cũng chỉ là một trong hàng vạn, hàng triệu điều oan khiên bi thảm đó. Nhưng chúng ta xót xa và nhớ đến nhạc sĩ Minh Kỳ, bởi chính vì ông là một nghệ sĩ, một người đã sống và cống hiến cho đời bằng chính trái tim mình, Đặc biệt những người Nha Trang và những người yêu Nha Trang đã mang ơn ông vì ông đã cho chúng ta những dòng nhạc biểu tượng của quê hương Nha Trang mà chúng ta sẽ mang theo dư âm tiếng hát cho đến suốt cuộc đời.

Với tôi, những đau đớn này cứ tưởng chỉ chôn chặt trong lòng, không ngờ sau khi xem chương trình nhạc Lê-Dinh trên Thúy Nga Paris trước đây, trong đó nhạc sĩ Lê-Dinh có nhắc tới cái chết của nhạc sĩ Minh Kỳ, và mới đây là chương trình Huyền Thoại Lê Minh Bằng trên Asia , đã làm tôi nhớ thật nhiều đến cái chết của ông và ngồi xuống viết lại những dòng này. Xin được thay một nén hương lòng đốt lên cho một người đồng hương, đồng tù, bỏ bạn bè ra đi bằng một cái chết thảm thương, oan khuất.. Cũng để được nói lên lòng tiếc thương một nhạc sĩ tài hoa đã làm Nha Trang sống mãi trong lòng người. Và nếu được phép, xin gửi một lời chia buồn thật muộn màng nhưng với trọn tấm lòng đến gia đình ông.

Bắc Âu, một ngày không có mặt trời
phamtínanninh



Vết tích bạo tàn

Tháng mười năm hai ngàn lẻ sáu,
mùa mới thu về lành lạnh
trời Ba-lan,
vài cụm cây lác đác lá vàng...

Tôi theo khách lãng du
ghé vào đây xem chốn ngục tù:
Auschwitz
sừng sững nơi này,
quanh quần đâu đây
bao hồn oan khuất...

Tường gạch thẫm một màu đỏ úa,
vọng gác ngục trên cao
hàng kẽm gai câu điện còn chưa rỉ sét,
những bước chân hàng triệu lượt người bước mòn bệ đá.

Đây phòng hơi ngạt,
kia nhà thiêu xác
rờn rợn những con đường, lối đi lạnh ngắt.



Tôi đã nhìn sừng sờ tận mắt
những búp bê, những áo quần em bé,
những chiếc nạng, những dép giày đủ kiểu,
những lọn tóc nâu, tóc đỏ, tóc vàng...
Vết tích bạo tàn nằm im nín thờ,
đã qua rồi, dĩ vãng tưởng như quên
nhưng lịch sử vẫn còn thao thức mãi.

Bao giờ ta về quê nhà lại
có được đi thăm những trại tù năm cũ,
cũng mô hình Auschwitz tập trung,
cũng đọa đày, nhưng giết chóc tinh vi?

Người chết trên rừng, người đi chết biển
hồn vẫn không yên,
bia tưởng niệm thuyền nhân
cũng phá tan mới thỏa...

Họ muốn xóa sạch đi
những vết tích bạo tàn.
Hỡi phường ác Đảng,
rồi lịch sử sang trang!

Đăng Trình



Tim nhịp



Ngày xưa ngày xưa, nơi kia nơi kia, có một chàng trai thông minh đỉnh ngộ, học rộng hiểu nhiều, ngật cái gàn bát sách.

Đến tuổi dựng vợ gả chồng, cha mẹ quan ngại, trò hết đám này đến đám khác, phen nào cũng xôi hỏng bỏng không. Đương sự hoặc lắc đầu hoặc u đầu, còn hai cụ thì rức đầu và ôm đầu dài dài.

Số là mỗi bận xem mắt, thoát vào, hai bên đều nôn nả. Đàng gái nghe tổ tông anh đức độ, mẹ cha anh sang giàu, thân thể anh đồ ỏi, giáp mặt thấy người khôi tú, lấy làm hoan hỉ vô cùng. Chẳng dè, chè nước, thăm hỏi đầu vào đầy xong, mỗi mai bắt đầu dọn giọng đưa lời thì anh ta bỗng đứng chồm lên, dúi đầu vào khu vực long nường khiến ý trung nhân hết vía, không lẫn đùng ra chết giấc cũng xô đẩy tung tóe trầu cau.

Trăm lần như một, quý tử lãnh hất, lãnh đập, phụ mẫu húng tro, húng trấu. Ê chề khổ sở.

Cha mẹ anh bầm gan tím ruột, nhưng quá thương mong nên không nản lòng. Năm lần bảy lượt di dời nơi ăn chốn ở để tránh tai tiếng, tiếp tục hy vọng con trai tu tâm dưỡng tánh.

Khốn thay, đồ võ, dòi dôi và kiếm tìm chỉ khiến người con thêm sốt loạn. Anh ta chồm áp vùng đôi chiến thuật ngày một quyết liệt hơn.

Lần cuối cùng, gặp phải cô gái có nghề, chân tay phản ứng quyết liệt quá, anh ngã lăn cù, chẳng may đầu đập phải đá, lập tức lìa trần.

Phần đau đớn vì mất con, phần tủi hổ với thập

phương thiên hạ, phần uất ức không hiểu vì sao con mình tư chất hơn người mà lại mắc cái chứng quái gở như thể bị ma ám đến nỗi rước họa vào thân, chết đột chết thảm, cha mẹ anh kêu khóc kinh thiên động địa.

Người con, vong hồn tụ đọng, đêm thứ bốn mươi chín chui vào mộng mẹ, thổ lộ điều không nói lúc sinh thời.

Anh ta tin rằng chỉ những trái tim đập cùng một nhịp thì thương yêu mới sâu xa đậm đà nên mỗi khi kén vợ, nhất định nghe cho bằng được nhịp tim cô gái, giữa thanh thiên bạch nhật, không báo trước.

Cha mẹ khi hiểu ra ý con thì sự đã muộn. Ông bà chỉ còn biết tìm đến Đền Lồng thấp hương, khấn cầu Bà linh thiêng giải hóa và dẫn dắt hồn con đi đầu thai kiếp khác sao cho toại nguyện.

Một ngày duyên định cách đây đúng một trăm chín mươi năm, chiếc ống nghe mạch ra đời.

Không ai hay đêm hôm trước, bác sỹ René Laennec, người phát minh ra y cụ chẩn bệnh cực kỳ hữu ích này đã mộng thấy thánh nữ tay dắt một người đàn ông mồm miệng sung vêu, hộp sọ bẻ nát mà đầu thì cứ chúi nhào nhào vào lồng ngực bà trong suốt, bên trong đập rõ từng nhịp tim.

Mạch Nha
2006

Kjære bønn

av Gunnar Wærness

(Được chấm là 'Bài thơ hay nhất năm 2006'
do chương trình Ordfront, NKR P2)

Kjære bønn jeg ber deg måtte det komme
ikke bare ord og bilder men et menneske
gjennom dine ord et menneske som finnes
som kaller meg og finner meg
kjære bokstaver reis dere og be
stav meg et navn et jeg ikke kan
som navngir det jeg vet jeg vil ha en rot en tro
som vet at ordene fra i går ikke kan hete det samme som i går
og spør hvem er du og svarer for meg jeg
kan ikke hete det jeg kalte meg i går
jeg kan ikke tenke mens jeg ber mens jeg skriver
når tungen løsner er den nærmere bønnen enn munnen
er det derfor jeg slutter å skrive og bønnen ser på meg
at jeg ikke vil si mer ikke vil høre
er det derfor jeg begynner å skrive igjen hør
her suser et tre det kan ikke kalles
han hun eller det når treet blir grønt
er ordene mine løv på det treet når treet blir døpt
er ordene mine navn på det treet når treet blir felt
er ordene mine fugler som letter fra treet
kjære hånd du skal få hvile
jeg sier ordene høyt i stedet
kjære bønn reis deg og stå
gå dit ingen ord kan kalles mine
men vi er faktisk dine
og vet hva du gjør ja jeg hører ordene bli til
men vi er ordene vi er alle like viktige når vi blir til
helt til noen av oss likner deg mer enn andre
ordet menneske likner deg mest av alle
men du vil kalle deg andre ord
som kan likne deg like mye
men lyse for deg om natten hvem er dere
vi er de uhørlige ordene du hørte da du kalte oss uhørlige
og hvordan kunne du vite at vi var mange
hva vil dere meg vi vil at alt skal bli som før
jeg kan slutte å snakke du kan ikke skrive at ordene og hånden
er like store når de blir for store jeg skal la dere være
jeg skal aldri skrive mer

(fra diktsamlingen "Hverandres" Oktober Lyrikk 2006)

Kinh thân mến

Vô Thanh phỏng dịch

Kinh thân mến ước gì em đừng đọc
chỉ toàn lời và ảnh mà một con người
qua lời em hiện sống một con người
đang gọi tôi tìm tôi
các em chữ cái thân mến hãy đứng dậy mà cầu nguyện
hãy đánh vắn giùm tôi một cái tên một tên lạ
để gọi cái quen tôi muốn có một gốc rễ một niềm tin
hãy hiểu rằng tiếng nói từ hôm qua không thể gọi hết như hôm qua
hãy hỏi anh là ai rồi trả lời giùm tôi tôi
không thể gọi bằng cái tên gọi hôm qua
tôi không thể suy nghĩ trong khi cầu nguyện trong khi viết
khi lưỡi mở lời là lúc đã gần kinh hơn gần miệng
nên tôi ngừng viết và kinh nhìn tôi
bởi tôi không muốn nói gì nữa không muốn nghe
nên tôi viết tiếp hãy nghe
cây kia đang thầm thì không thể gọi bằng
con thằng hay nó khi cây trở màu xanh
là lúc lời tôi thành lá vàng trên cây khi cây rủa tội
lời tôi thành tên cây khi cây bị đốn
lời tôi là chim cất cánh lia cây
bàn tay ơ người sẽ nghỉ ngơi
để tôi nói thay lớn tiếng
kinh thân mến xin hãy trỗi dậy
đi tới nơi không lời nào có thể gọi là của tôi
nhưng chúng tôi đúng là của em biết em làm gì vâng tôi nghe lời lên tiếng
nhưng chúng tôi là lời tất cả chúng tôi quan trọng bằng nhau khi lên tiếng
cho tới khi có người trở nên giống em hơn người khác
chữ *người* (*) giống em hơn hết thảy
nhưng em lại muốn gọi mình bằng chữ khác
cũng giống em
chỉ khác nó soi sáng em về đêm các anh là ai
chúng tôi là những lời vô thanh em đã nghe khi em gọi chúng tôi là vô thanh
em nào biết chúng tôi rất đông
các anh muốn em làm sao chúng tôi muốn mọi sự như xưa
tôi có thể ngưng nói em không thể viết rằng lời và tay
sẽ lớn bằng nhau khi lớn lên em sẽ mặc kệ các anh
tôi sẽ không bao giờ viết nữa

--
(*) người dịch viết nghiêng.

Hột cơm trên chiến



M.Q..

Trong tất cả những chuyện “kể khổ” về đời sống trong các trại tập trung của Việt Cộng mà được chúng cường ép cho cái danh từ “mỹ miều” (mỹ tự) là Trại Cải Tạo sau ngày 30 tháng Tư đen ngòm như mồm chó mực Bảy Nhăm để tóm gọn các quân, dân, cán chính của thể chế Cộng Hoà Miền Nam nhốt vào đó hầu dễ bề kiểm soát và tiêu diệt lần mòn các tù nhân bằng bàn-tay-sắt-bọc-nhung thì từ trước đến nay quý vị độc giả đã từng đọc qua trong những cuốn sách của các tác giả cựu tù VC viết ra và đã phổ biến trên khắp các nước tự do dân chủ cả rồi, tuy nhiên, một trong những cái “khổ” mà các tù nhân được VC ưu ái gọi là cải tạo viên đó, cái đói triền miên khủng khiếp đã đốn ngã biết bao kiếp người bị chúng đẩy dọa lại ít có vị tác giả nào “đào sâu”, “khai thác” đến triệt để hầu tạo cảm giác cho người đọc thấy cái đói -

cũng chẳng khác gì cái đói đã làm tiêu mạng hơn 2 triệu nạn nhân Miền Bắc hồi năm Ất Dậu 45 dưới ách thống trị của phát-xít Dzật Pùn reo rắc trên bán đảo Đông Dương sau khi hất cẳng thực dân Pháp.

Cũng vì cái đói nên phương châm độc-nhất-vô-nhị của hầu hết các tù nhân VC chúng tôi - không một ai không biết - “con gì nhúc nhích là ta chop liền”, dĩ nhiên là các sinh vật ngộ nguậy đó từ con châu chấu cào cào mới nở nhảy soi soi trên các bãi phân trâu bò chí đến các chú chuột nhất bằng ngón tay út - xuất hành khỏi hang ổ không nhằm giờ Hoàng Đạo - có lẽ chúng quên không đến “xú quẻ” tham khảo ý kiến của Thầy Huỳnh Liên - nên lỡ sa vào tay bọn tù ngấp ngoái vì đói chúng tôi chop gọn cho vào lon gô (lon Guigoz) đang nấu nước sôi định

để pha trà để lột lông rồi “phanh thây xẻ thịt” các chú ra soi tái ... Phải kể thêm đến các chú rắn hoa cỏ không-mấy-tốt-số bị các anh em tù chúng tôi vớ được khi các chú còn đang say sưa trong giấc điệp Nam Kha (loại rắn thường hay ngủ ban ngày, ban đêm mới bò đi kiếm ăn) trong các bụi cỏ, thế là ... a-lê-hấp! lập tức các chú bị quăng vào đám lửa củi mà tội lính canh gác chúng tôi lao động cho chúng tôi đốt lên để sưởi ấm giữa nơi đồng không mông quạnh cho bớt phần lạnh cóng vào lúc giờ nghỉ tay xả hơi ... hoặc ăn uống. Chỉ sau vài cái quần quai thân mình trên đám lửa hồng phừng phừng cháy đỏ rừng rực, chú rắn nằm còng queo, ngay đơ cán cuốc, bốc mùi thịt nướng thơm phức, sờ-hữu-chủ - người bắt được chú rắn đó - lấy que củi khều chú ra, vuốt sạch da vẩy cháy đen thui trên thân chú và xẻ thịt rồi chia cho mấy bạn cùng làm chung. toán lúc đó “xơi lấy thảo”, dù không no lòng thì cũng mát ruột vậy mờ!

Chưa hết, để “khắc phục” cái đói quái ác lúc nào cũng hành hạ cái bao tử thường xuyên rỗng tuếch của anh em chúng tôi, có bạn còn lập thành tích “Guinness” về việc trấn an bao tử bằng cách xơi một ngày hết hơn 200 con nhót - một loại sên không có vỏ - bằng cách xào nấu hay nướng trên than củi liên tục đều đặn ngày nào như ngày nấy trong vòng cả tháng khi anh ta vẫn đến làm ở khu vực “béo bờ” đó. Ấy! cái đó thì hồng có tui rồi nha! Nhưng lại có những bạn không may, ăn nhầm phải loại trái cây rừng độc, hình thù như trái cà na vỏ vàng, cũng có mùi thơm khi chín, đã bị thiệt mạng khiến bọn cán bộ phải ra thông tri cho khắp các Trại tù thuộc Liên Trại 2 rải rác trong khu vực Hoàng Liên Sơn, cấm tù nhân vào rừng lấy lâm sản không được

lượm ăn những trái cây độc đó rơi rụng từ trên vòm cành lá xum xuê xuống dưới mặt đất chung quanh gốc loại cây rừng cao vút này.

Gỗ máy tới đây bỗng nhiên chợt thoáng nhớ lại hình ảnh anh Trung Tá Thường, trước khi tan hàng cố gắng

Ngày 30 Tháng Tư Đen Bảy Mười Năm, phục vụ tại Bộ TTM/QLVNCH, một sĩ quan cấp Tá có thân hình

cao to, dzềnh dzàng như tay khi đột bảo vệ yếu nhân cao cấp nhất trong Chính Quyền, đã bị cái đói thúc giục anh thèm ăn, không sao tiết chế được, phải bỏ mạng vì bị kiết lý, tiêu ra máu mà thác oan. Nguyên do vào dịp Tết năm 76, khi tù nhân chúng tôi còn bị giam giữ ở Trại Suối Máu Tam Hiệp Biên Hòa, được nuôi ăn trong 3 ngày Tết theo chế độ “vượt tiêu chuẩn”, có món thịt heo mỡ màng rất “quyến rũ” khứu giác và vị giác các anh em tù nhân chúng tôi. Thấy anh

Thường bị bệnh tiêu chảy và kiết lý tiêu ra máu, người viết cũng bị bệnh

tiêu hoá không ổn như anh, tui khuyên anh nên xin ăn cháo trắng như tui để kiêng khem cho tốt nhưng cho đến bây giờ, ngồi ở bàn máy điện toán để gõ bài hồi ký HCTC này, trong óc tui còn văng vẳng giọng nói đặc

sệt xứ Huế của anh hồi đó “Anh Q ơi, thèm thịt quá, chết tôi cũng cứ ăn, nhịn không được đâu anh Q.!”

Hồi ôi, thế là chỉ vì “thèm thịt quá” nên hôm sau, gặp anh cùng ra ngoài cầu tiêu, tui thấy anh đã đi đứng có phần siêu siêu vẹo vẹo, lão đảo như người say rượu chệnh choáng hơi men, lúc ra khỏi cầu, anh hỏn hển nói với tui “Mệt quá anh Q. ơi! tôi tiêu ra máu như tháo cống, chắc khó sống quá...” và trong đêm hôm đó anh đã “giã từ cái đời”, âm thầm ra đi không kèn không trống về miền miên viễn để rồi ra không còn bị cái đói hành hạ như anh em chúng tui nữa ...

Sau đó, ngày 15 tháng 5 năm 76, tù nhân từ Trại Suối Máu Biên Hoà được chuyển ra miền Bắc giam giữ trong số đó tui có những anh bạn văn-nghệ-sĩ Quân Đội như TT, VQ, HNL ... và Bà Chị Cả Đội cũng khăn gói quả su su (vì quả mướp e công kênh vướng vít, Bà hồng mang) theo anh em chúng tui luôn! Đói! Đói! Đói! Gớm sao cái nhà Bà Cả Đội này cứ quẩn quít lấy anh em tù nhân chúng tui kỷ dzậy hồng biết!!! Cũng chỉ vì Bà mà anh bạn Đan trong Trại 4 cùng trong Tổ cưa xẻ mí tôi đã nhận được lệnh chuyển về Quân Khu 9 (Suối) ở cái tuổi chưa đầy 5 bô. Số là hồi đó, vào năm 1978, chúng tôi bị giam giữ tại đây được VC nuôi cho sống lay lắt bằng 2 chén lưng cơm trắng, sau khi đã được Trại nhồi nhét trước đó liên tục 6 tháng vào cái bao tử con cháu Bà Cả ngày 2 bữa khoai mì khoai lang mỗi bữa dăm ba củ... xơi lấy thảo... Vì cái chén cơm sau khi được chia đều ra từng nhóm, từng Tổ do một anh bạn bới ra trong chiếc chậu nhuộm được chưa đầy miệng chén cho mỗi người - cũng na ná như kiểu bát cơm cúng trong những ngày giỗ Tết mình đem lên cúng Ông Bà Tổ Tiên - nếu gặp người phạm ăn, chỉ lừa hai đũa vào miệng là sạch lui, cũng vì thế mà anh Đan, người cao lêu nghêu như cây tre miếu, ít ra cũng trên thước tám, đã đánh lừa bao tử anh bằng cách ăn làm nhiều lần trong ngày, mỗi lần không quá 3 lần và cơm vô miệng, và nhai nhuyễn từng hột cơm một thành nước cháo rồi mới nuốt xuống dạ dày. Đêm đêm, anh em nằm gần anh còn nghe tiếng nhóp nhép anh nhai trong tư thế “ngồi Thiền”. Sức dài vai rộng cỡ như tấm thân

Từ Hải của anh mà chỉ nhều, chỉ dư cho cái bao tử lép kẹp mỗi lần “chúc chúc” thì làm sao có thể duy trì được cho “nó” đứng vững trên dàn cửa xê nôi đây?!

6 tháng trước được Trại phát cho khoai lang, khoai mì (sắn) cũng vậy, anh chia ra làm nhiều lần trong ngày để ăn và anh cứ tiếp tục “thực thi” cái tắc-tích nuôi sống thân anh bằng cách-chia-để-trị Bà Cả Đội như vậy! Ấy thế là hậu quả bất biến sẽ phải đến với anh sau đó không đầy 1 năm, một buổi sáng nọ, khi anh em theo tiếng keng báo thức của Trại nổi lên để dậy làm vệ sinh cá nhân, lãnh phần ăn sáng rồi chuẩn bị ra sân tập hợp riêng từng Đội chờ lính VC áp giải đi lao động ngoài Trại hay các nơi Trại phân bố như thường lệ thì mọi người trong lán với anh thấy màn anh vẫn chưa được tháo ra và anh vẫn im lìm nằm bên trong không thấy động tĩnh gì cả. Sau khi lại gần chỗ anh nằm gọi anh mấy lần, anh Đội Trưởng vén tung màn lên thì thấy anh vẫn còn trong dáng ngủ say sưa không hề nhúc nhích khiến anh Đội Trưởng phải lẩm bầm “Bộ cha này định “lăn công” làm reo không dậy đi lao động hay sao đây cả?”, rồi anh ta lay lay vào thân mình anh Đan định đánh thức anh dậy thì thấy anh chỉ còn là cái xác không hồn cứng đờ nằm đó thôi. Anh Đan đã âm thầm nhận lệnh chuyển về QK9 ra đi thanh thân từ hồi nào trong đêm mất tiêu rồi còn đâu, sáng đó cặp “bài trùng” cửa xê “Đan-MQ” hàng ngày nay chỉ còn lẻ loi có người viết này, sau đó anh Đội Trưởng lại phải cho “bắt cặp” với một bạn tù khác trong Đội để tiếp tục “sự nghiệp bí ái” của Cha Già Dân Học... Xi Dầu vì lao động vinh quang...

Lại một vụ “chết no” vì quá đói đã xảy ra tại Trại K2 (Tân Lập Vĩnh Phú) nữa cần phải “miêu tả” ra đây để chư liệt vị độc giả “tiêu thực” trong mấy ngày đầu Xuân Đinh Hợi này kéo nặng bụng ăm ạch khó chịu mất dzui. Nguyên do là có một ông bạn tù cùng bị giam cùng Trại K1 Tân Lập với người viết nhưng theo lệnh Ban Chỉ Huy Trại của Liên Trại 2 bên K5, một số tù nhân từ Trại K1 chuyển sang K2 (cách khoảng hơn 1 cây số) vào dịp Tết năm Thìn 78 nên ông ta cũng được chuyển theo một nhóm vài chục người khác sang bên nớ. Tui không còn nhớ tên họ ông ta nhưng nghe biết trước 75 ông phục vụ trong Tổng Nha Cảnh Sát đô thành Saigon, cấp bậc Đại Úy “ác ôn”, tuổi năm đó ông vừa 63, đã “chết no” trong đêm trừ tịch vì chiều hôm trước được Trại phát theo tiêu chuẩn Tết Nhất mỗi đầu người được hưởng ơn mưa móc của Bác và Đảng 3 chén cơm/bữa, một miếng thịt bò (hay trâu) lớn cỡ bàn tay lạng mỏng dính - khoảng hơn 100 gr. mà khi từ dưới

nhà bếp bùng lên, anh bạn có nhiệm vụ đi lãnh cơm cho Tổ bữa đó đã phải hét toáng lên khi về đến chỗ chia chác “Đóng cửa lại mau! đóng lại mau không thì gió thổi bay mẹ nó hết cả thịt là bơ mỡ bây giờ!!!” – canh có nấu với xương heo và có cả mấy miếng thịt heo nôi lều bều “điểm tuyết” cho duyên-dáng-ngày-Xuân của Xuống Hồ Cả Nút (XHCN), 2 cái bánh trưng nặng mỗi cái 650 gr. do tay tù nhân gói, nấu, 150 gr. bánh kẹo mứt và 20 điều thuốc lá Điện Biên.

Cũng vì cái đói triền miên ngày này qua tháng khác trong năm mà đến ngày Tết, VC đã theo đúng ca dao ngàn năm của ông cha ta để lại rằng-thì-là “đói ngày giỗ cha, no 3 ngày Tết” ăn hết lại đói, đói và đói bỏ bu... mà cho tù ăn vừa đủ no, ăm bụng, bao tử khỏi bị ọc ạch, lỏng bông vì nước độn trong 3 ngày Tết là vậy và ông già cảnh sát nọ đã tận tình chiếu cố lòng ưu ái của Cắt Mạng gấp ngoai đã “chiến đấu” một cách anh dũng “ráo nạo” mọi thứ vừa liệt kê trên đây nguyên nội trong buổi chiều Ba Mươi Tháng Chạp năm đó. Hỡi ôi! thế là ông già này đã “bội thực” mà “chết no” như thế vì ngay sáng sớm Mồng Một Tết (Mậu Thìn thì phải), sau hồi keng báo thức lanh lảnh vang lên trong Trại K2, mọi người thức dậy, tất bật dọn dẹp màn, chiếu chỗ nằm cho thật gọn ghẽ, quét tước lán Trại sạch bóng như-lau-như-li, không còn hạt bụi từ trong đến ngoài để chuẩn bị sẵn sàng chờ các tên cán bộ trên Ban Chỉ Huy Trại xuống “chúc Tết mừng Xuân” cùng mí anh em tù... “cải tạo” thì, Allah! Amen! A-Di-Đà-Phật! ông bạn già cảnh sát thân mến của chúng ta đã nằm chết cứng trong màn, miệng sùi bọt trắng xóa đùn ra hai bên mép mím chặt, cặp mắt ông trợn trừng ngược lên như vẽ ông ăn chưa đã thêm, chưa đủ “đô” vậy !!!

Đọc đến đây thể nào cũng có vị nào đó khiêm nhượng tính-kiên-nhẫn ắt phải thốt lên “Quái thật! cái thằng cha Em Cu (MQ) này cứ kể lể cà-kê-dê-ngan (thì ngỗng cũng rứa) dài dòng văn tự hoài hủi mà chưa thấy thằng chả đề cập gì đến cái tiêu đề bài hấn viết vậy là thể nào đây???

Khoan khoan hò ơi... “Đi đâu mà vội mà vàng? Mà vấp phải đá, mà quàng phải dây?” hờ chư liệt vị thân mến của bỗn báo?! HỘT COM TRÊN CHIẾU mới chính là người viết này đóng vai “kép độc” đơn phương dí ạ.

Nhưng trước khi dzô đề một cách quang minh chính đại, một cách thực thà khai báo, nói láo như Vẹm cũng Ô Kê Salem luôn, MQ xin “khoe” mí quý vị rằng-thì-là tất cả các-món-ăn-

chơi kể trên phần đầu bài viết này, MQ đều “xơi lấy thảo” đủ món: đi làm ngoài đồng ruộng, MQ đã từng lấy tay “vớt” các chú cào cào mới nở nhảy son-đổ-mì bên trên bãi phân trâu đã se mặt và Oup! tạt ngay vào miệng nhai với vị “thịt non” ngọt xớt, đã từng đi cuốc hố sắn cuốc trúng một chú chuột nhắt nhảy phóng từ dưới đáy hố lên “chém vè” là... a-lê-hấp chộp ngay lấy chú cho vào lon gô nấu nước sôi tuốt lông rồi... cứ thế... cứ thế... Còn thịt rắn thì đó là “chiêng nhỏ”, xơi dăm ba chú qua các buổi rầy cỏ ngoài đồng là chiêng bình thường.

À, còn vụ ăn thịt rết nướng hồi còn ở Trại giam Long Giao thuộc tỉnh Long Khánh mà xuýt nữa MQ quên bồng đi mất chưa kể. Nguyên hồi tháng 8 năm 75, trước khi anh em tù nhân chúng tôi bị chuyển ra các Trại ngoài miền Bắc, đã từ Nhà Dòng Franciscain Gò Vấp – nơi tập trung các quân nhân trình diện - bị đưa lên Trại Long Giao, nguyên trước kia là hậu cứ của Trung Đoàn 8 thuộc SĐ 18 Bộ Binh, mà oái oăm và trở trêu thay, chính vị Chi Huy-Trưởng hậu cứ này khi đó cũng có mặt với anh em thuộc các Quân-Binh-Chùng khác mới đúng là hữu-duyên-thiên-lý-năng-tương-ngộ là vậy. Một buổi sáng nọ, các anh em bị chỉ định dọn dẹp một cái hầm vũ khí (mà bọn VC ngay khi tiếp thu đã khuôn đi “rốt ráo”) lúc gỡ những bao cát chung quanh thành hầm thì một chú rết khổng lồ mà mắt tôi chưa từng gặp thấy bao giờ lồm ngồm bò ra trước cặp mắt các bạn tù nọ giương lên sừng sốt kèm theo tiếng “ồ” đồng thanh nổi lên. MQ nói là “khổng lồ” vì thân rết dài cỡ 3 tấc hơn, to như cái cán dao, đen sì bóng lưỡng với các cặp chân và râu ria đỏ au, phái yếu mà trông thấy dám chết giấc không chừng!

Qua mấy tháng nhốt, Bà Chị Cả Đội thân mến đã lãng vãng thăm viếng anh em đám tù nhân chúng tôi nên chi, chú rết to xác xấu số này đã bị tóm gọn vào trong bao đã trút bỏ cát, tin đồn nhanh chóng đã loan đến tai tên Trung Tá Chi Huy Trại, có lẽ mới giam giữ các anh em quân nhân toàn cấp bậc Tá, Ủy “thứ dữ” chúng tôi nên hẳn có lẽ cũng hơi kiêng nể “chúc chúc” thì phải nên mới đề nghị với mấy anh em sở-hữu-chủ “chiến-lợi-phẩm” đó bằng cách gạ đòi thuốc lá và sữa Quân Tiếp Vụ của QLVNCH để lấy chú rết ngâm rượu trị phong thấp nhức mỏi nhưng đã bị mấy anh em nọ từ chối và đem về nướng lên, xẻ thịt chia nhau mỗi người “xơi lấy thảo” một miếng, chu choa là ngon, mùi vị còn thơm ngon hơn “lobster” nướng là khác! Hết chiêng ăn thịt rết ở đây...

Xuống giòng .

Tiếp tục chiêng HCTC .

Ày, mà quên! chưa thật hết chiêng “trường kỳ kháng chiến, chống Bà Cả Đội” đâu mờ, chịu khó đọc dùm MQ thêm “chúc chúc” nữa, may ra chur liệt vị mới có đủ thời giờ vàng-cục-vàng-dzèo để “tiêu thực” nổi các món ẩm thực trong 3 ngày Tết Con Eng Éc này được chứ! Và thế mới là khai thác triệt để cái đói để chur liệt vị thường thức mới thấm thía chứ lý!

Khi tù nhân được (hay bị cũng rứa) chuyển từ Trại trên Long Giao xuống doanh trại cũ của Tiểu Đoàn 13 Quân Cảnh của QLVNCH, nơi đã từng giam giữ 30 ngàn phiến quân CS trước khi đem bọn chúng ra nhốt ngoài đảo Phú Quốc, tọa lạc tại địa bàn xã Tam Hiệp Biên Hoà (địa phương này còn có tên là Suối Máu), có một đạo VC đã nuôi tù nhân chúng tui bằng loại khoai mì (sắn) công nghiệp, củ nào củ nấy to cỡ bắp đùi bắp vế, sản xuất từ Ấn Độ đem qua. Món khoai mì hấp hay luộc chín này được phát một cách rất chi là “hào phóng”, những người biết là thức độc địa đã rì tai cho nhau biết là chỉ sử dụng vào công nghiệp chế tạo các loại keo dán, vì thế mà các cán bộ VC đã khuyến cáo mọi người là không nên ăn nhiều (nhưng theo đúng tinh thần đạo đức Cắt Mạ, chúng vườn cho lệnh nhà bếp cân phát cho tù nhân “ngoại lệ tiêu chuẩn”), thẳng nào khôn hồn nghe theo lời khuyến cáo có “ý đồ” đó của chúng thì chỉ ăn chưa đủ no cũng hông dám sực thêm “chúc chúc” nào nữa, vậy mà cũng có một số anh em không dẫn được cái đói đã ních căng cứng một bụng để rồi bị trúng độc, nôn mửa đến ngất xỉu, nghe đâu cũng có người yếu quá không chịu đựng nổi vì chất độc trong sắn đã “nghỉ thờ” khiến bọn đầu não VC phải cho lệnh ngưng ngay việc nuôi tù bằng loại khoai mì khủng khiếp kia nữa .

Còn một chiêng “chúc chúc” nữa như rì: số là trước Bảy Nhăm, MQ tui đây rất ngán món rau diếp cá, lỡ ăn phải lẫn trong mớ rau thơm rau sống là nôn oẹ cho bằng hết các thứ đã lỡ ngốn vào bao tử trước đó, vậy mà, vậy mà ... khi bị chuyển Trại ra miền thượng du Bắc Việt cùng với các bạn tù nhân khác, MQ đã được Bà Chị Cả Đội tận tình săn sóc ... “cải tạo”, cho xơi món rau diếp cá nọ dòn đầy áp chiếc nón lá, hái ở bờ ruộng để “cải thiện” khi đi lao động đói rã ruột. Lúc bấy giờ thì mùi vị tanh tươi như mùi tanh của cá đã bị Bà Chị Cả Đội mời đi-chỗ-khác-chơi mất tiêu đâu rồi, chỉ còn một mình Bả ở lại độc chiếm và “ngự trị”, cần phải cung phụng để “thỏa mãn” cho Bà Chị này thiệt quá là tốt bụng mà thôi!

Bây giờ thì MQ đi vào đề tài cái rụp đây nè...

Ngay từ thuở còn thơ ấu - mở ngoặc - dòng dõi gia tộc họ Mai chúng tui theo Đạo Phật - đóng ngoặc - bà mẹ thân sinh ra tui thường nhắc nhở tui trong các bữa ăn “hột gạo là hột ngọc Trời cho, không được để rơi vãi phí phạm khi ăn uống, kẻo sau này chết xuống Địa Ngục sẽ biến thành con vịt rúc rìa bờ bụi, công rãnh kiếm ăn khổ lắm”, có thể một phần nào ảnh hưởng vì lời răn dạy của Đấng sinh thành nhưng thêm vào đó chính là cái đói đã khiến cho tui quý hột gạo nấu chín thành cơm một cách “cực kỳ rất ráo”, và ngay cho đến bây giờ, tuy đã không bị Bà Chị Cả Đới quần quit chằng nữa, tui vườn quý báu, trân trọng các món ăn ngũ cốc, đến nỗi có khi sau bữa ăn tui thấy chén bát đĩa con đĩa cháu nào vết ăn không sạch, trước khi cho vào “sink” hay vào máy rửa sạch, tui đã nhón từng hột cơm một bỏ vào miệng nhai nuốt khiến cho chúng phải kêu lên, “méc” bà cụ thân sinh ra chúng nó rằng-thì-là “Bố đâm ra lắm cảm mất rồi Mẹ ơi!”. Cũng may là từ năm 90 sang “Ưu-Ét-Ây” đến nay, gia đình chúng tui định cư ở khu vực này toàn người bản xứ, tuyệt nhiên không gần Trạm Biến Điện hay Sở Điện Lực nào, nếu tui còn cái hạnh phúc vô song may mắn được sống trong thiên đàng CS ở VN, có lẽ tui sẽ được CA ưu ái mời dzô bệnh viện bệnh tâm thần ở Biên Hoà để “nghỉ phè”, chung dzui với bà luật sư nào đó thì Bu lũ nhỏ lại khóc hết nước mũi cho mà coi!!! Tuy tui hồng sợ sau này sẽ biến thành con dzít con gà gì đó nhưng đối mí hột gạo thì tui vườn trân trọng và quế hoá, hồng hề phí phạm, dzẻ dzúng ... Cũng vì thế mà ...

Một buổi chiều hồi cuối năm 78 đó, sau khi “lót dạ” bằng chén cơm khiêm nhượng qua bữa “dinner” trình trọng, dưới yếng sáng nhá nhem trong lán của những tia nắng cuối cùng len qua kẽ phen liếp chiếu vào nhấp nháy, tui thấy MỘT HỘT CƠM trắng trắng nằm trên mặt chiếu chỗ tui nằm trải trên sạp gỗ, tất nhiên tui phải nhón lấy dứt vào miệng là cái căng rồi, miễn bàn, NHƯNG ... ở cái cõi đời ô trược chúng ta chỉ vì chữ NHƯNG quái ác này ĐÃ... (chư liệt vị hân không mấy ai không gặp phải NÓ hơn một lần rồi, ĐÃ mần răng thì các quý vị cũng ĐÃ nếm-đủ-mùi-tục-lụy thấm thía cẩn thận rồi, miễn bàn luôn cho tiện việc... viết... “lách”!!!) HỘT CƠM này lại là chất phé thải của ông Thạch Sùng Vương Khải chơi khăm chơi sỏ từ trên nóc lán ĐÃ ị xuống đúng chỗ chiếu nằm của tui mới ra nông nổi ...

Chu choa mềng đééc thiên-địa-quỷ-thần-hai-

vai-chứng-giám của tui ơi! Ngay khi HỘT CƠM này vừa lọt vô lỗ vô-thiên-vô-địa thì cái mùi vị vừa mần mẩn vừa khắm lậm bắt tui phải phóng một phát nhảy phắt từ trên sạp nằm xuống dưới nền đất nện của lán để cấp kỳ chạy vào trong cầu tiêu phun phè phè, khạc nhò tùm lum HỘT CƠM đó ra, thiếu điều nôn oẹ đến mặt xanh mặt vàng, xong rồi quay về ngay chỗ đầu sạp nằm lấy bàn chải và kem đánh răng với chiếc ca nhuộm Trung Cộng vào lại nơi phòng vệ sinh đó “clean up” muốn toác mồm!

Lúc tui quay lại chỗ nằm, anh Lê Đình Thạch (tức Thạch Lê, nhà bình luận thể thao Quân Đội nổi tiếng như Xương Ngôn Viên Huyền Vũ ngoài dân sự thời thập niên 60-70) nằm bên cạnh, hỏi MQ với về ngạc nhiên “Làm gì mà cậu chạy như ma đuổi vậy MQ?!”. Sau khi nghe tui thuật lại “tự sự”, anh cùng với anh Hồ Văn Tư (chỗ tui nằm giữa hai anh) phá lên cười sằng sặc trước bộ mặt bí sị của tên Cả Đản dzô dziêng lằng sẹt này !!! Hết chiêng ...

Miền Cao Xứ Tuyệt

Đầu Xuân Con Nọn Ỉ

M.Q.



Cám ơn đời



Sáng hôm nay, bỗng dưng tôi muốn nói: "Cám ơn đời"

...Vì tất cả những gì cuộc đời đã ban cho tôi thật dồi dào: Sức khỏe-hạnh phúc-phồn vinh.

...Vì những bài học cam go,

Nhờ đó mà tôi hiểu rõ mình hơn và hiểu được tha nhân .

Cám ơn đời ...

.... Vì những thất bại tôi gặp.

Nhờ đó mà tôi học được lòng khiêm nhu, ý thức rằng mình không được ngủ say trên chiến thắng và hiểu rằng những người khác khi họ thất bại thì cũng cần được nâng đỡ tiếp tay.

..Vì những cơ hội để vun trồng đức nhẫn nại, lòng bao dung và niềm hy vọng...

Cám ơn đời

...Vì bao nhiêu khám phá về thực tại và về chân lý.

...Vì những vận may tôi đã gặp, những vận rủi tôi đã tránh ,những giải pháp tôi đã tìm ra, những tài năng tôi đã phát triển, những thành công tôi đã đạt, những ngày đẹp tôi đã sống qua.

Cám ơn đời...

..Vì cha mẹ mà tôi có, bạn hữu tôi đã gặp, thầy cô tôi đã học, những cuốn sách tôi được đọc, những chuyến đi tôi đã thực hiện, những bữa ăn tôi đã dùng.

...Vì cảnh quan tôi chiêm ngưỡng, mặt trời tôi thấy kia, bông hoa tôi ngắm nhìn, khí trời tôi hít thở.

Cám ơn đời...

...Vì càng ngày tôi càng ý thức rằng có một "Đấng nhân lành" vẫn trông nom tôi, dù cho tôi lỗi phạm, dù cho tôi yếu hèn.

Người yêu thương tôi dù tôi đầy khuyết điểm và tìm giải pháp cho tôi dù tôi ương ngạnh cứng lòng.

Cám ơn đời...

...Vì niềm vui thật đơn sơ và thấy mình vẫn còn "SỐNG".

Cám ơn đời mỗi sớm mai thức dậy,

Tôi có thêm ngày nữa để yêu thương

Kỷ niệm 30 năm vượt biên (1976-2006)

Oslo

Thiếu Nguyệt.

Có một dòng sông...

Nguyễn Thủy Nam



... Trong một cuốn sách khảo cứu, Bình Nguyên Lộc cho biết rằng tên cũ của sông Thạch Hãn là Hằng giang (Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam). Cho dù tên gọi là gì đi nữa thì con sông nho nhỏ, có đoạn không đầy 100 m bề ngang, và chỉ dài hơn trăm km đó, vẫn lấp lánh trong lòng tôi những xôn xao, những rung động, những âm vang rạo rạt của bốn bề sóng vỗ; những đêm tràn ngập ánh trăng vàng; những ngày tháng hạ khô khốc với nắng, với gió Lào thổi gập ghềnh con, đem cái nóng dữ dội của núi rừng Trường Sơn huyền bí, âm u... về thị xã.

Quê ngoại của tôi đó: Quảng Trị xứ "nắng lửa mưa dầu", nơi người ta mệnh danh là xứ "đất nghèo cày lên sỏi đá", với dòng sông mà tên gọi mang một ý nghĩa vô cùng độc đáo: Thạch Hãn: Mồ hôi của đá! Tên gọi đó như là một tiên tri, một định mệnh, một thông điệp, định hình cho một xứ sở trong quá khứ đã có quá nhiều tang tóc, đổ nát, đau thương.

Cũng theo Bình Nguyên Lộc, dòng sông này đã có lần là biên giới thiên nhiên giữa Đại Việt và Chiêm Thành, dưới triều đại nhà Lý, sau khi người Chiêm cắt đất dâng Đại Việt 3 châu Địa Lý, Ma Linh và Bồ Chính để chuộc tội cho vua Chiêm Chế Củ - VNSL Trần Trọng Kim trang 107, nxb Văn Hóa Thông Tin, VN 1999 - Ma Linh được biết nay là Gio Linh và Vĩnh Linh, Bồ Chính là đất Quảng Bình - Đồng Hới, nơi mà địa danh này (Bắc Bồ Chính, Nam Bồ Chính) vẫn thường được nhắc nhở trong sách sử thời kỳ Trịnh - Nguyễn phân tranh. Vậy châu Địa Lý của Chiêm Thành xưa phải chăng nay là một phần đất Quảng Trị, đoạn từ phía nam Gio Linh đến bờ bắc sông Thạch Hãn? Về sau, vào đầu thế kỷ 14, dưới đời Trần, Quảng Trị được mở rộng thêm đất châu Ô của Chiêm Thành, từ bờ nam sông Thạch Hãn đến tận sông Ô Lâu. Biên giới giữa Đại Việt và Chiêm Quốc bấy giờ lùi đến tận đèo Hải Vân, qua sự kiện nâng công

nương khuê các Huyền Trân đã hy sinh nhan sắc và cuộc tình riêng đôi lấy hai châu Ô và Rí.

Theo tôi, con đường đẹp nhất ở quê ngoại tôi là đường Gia Long, uốn mình nằm dọc theo bờ nam sông Thạch Hãn, từ cầu gậy Vườn Bông đến trước Chùa Tinh Hội; và điều kỳ lạ là ngôi chùa lớn nhất thị xã mà không có tên gọi riêng như những ngôi chùa khác trên đất nước Việt Nam: ví như chùa ở Ái Tử thì có một cái tên rất kêu và rất quý tộc: "Sắc Tứ Tịnh Quang Tự" (do Chúa Nguyễn Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát xây dựng vào giữa thế kỷ 18), còn ngôi chùa lớn nhất, đứng trên một dải đất cao, nhìn ra khoảng mênh mông bờ bãi cát vàng và thênh thang sông nước thì chỉ được gọi khiêm tốn là Chùa Tinh Hội mà thôi! Tôi thường đi dạo với mấy đứa em, mấy bà chị hoặc với vài người bạn thân thương như Viên, Hương, Hằng, Thái, Dục, Tiết, Liên, Quang trên con đường Gia Long đó. Chúng tôi thường thơ thẩn rong chơi dọc theo bờ sông, hoặc từ bến Lê Dương xuôi về tận Cỏ Thành để ghé thăm nhà ngoại, hoặc đi ngược từ Chùa Tinh Hội lên tới vườn Bông, ngược mặt đón ngọn gió Nam mát mẻ như đã được ướp hương vị ngọt ngào của dòng Thạch Hãn, thoi rì rào qua hàng phượng vĩ, qua mấy bờ dương liễu bao giờ cũng đứng mơ màng bên sông ngập nắng chiều. Con đường này cũng được các cô giáo người Huế ra dạy học ở quê tôi đặt tên là "Đại lộ Hoàng Hôn". Mà đúng như thế: con đường Gia Long chỉ đẹp vào buổi chiều tà, khi ánh mặt trời ửng một màu đỏ thắm, từ dãy núi Trường Sơn ở phía tây, ánh chiều hắt lên từ dòng sông, lấp lánh nhuộm màu vàng son lên cây cỏ, những tàng phượng vĩ nở đầy hoa thắm; những rặng dương liễu già cỗi, nghiêng mình uốn éo những cành lá thanh mảnh và vi vu khúc nhạc hoàng hôn nghìn đời trong gió chiều... Vào những đêm trăng, khung cảnh càng thêm tuyệt vời và quyến rũ: con đường Gia Long như một dải lụa đen, nằm e ấp cạnh dòng sông lóng lánh ánh trăng vàng, sóng nước nhẹ khua làm gợn lăn tăn những đợt sóng vàng, sóng bạc, lô nhô, xô đuổi nhau, trôi về tận chợ Sãi, mờ mờ sương bay khói phủ cuối trời xa...

Những ngày hè nắng chói chang, sờ vào đâu cũng như phỏng lửa: hiên nhà, tường vách, mái ngói, mặt đường cho đến bàn ghế, giường chiếu, sách vở... chúng tôi rủ nhau nhào xuống bến Chợ tắm bắt kẻ giò giắc: sáng - trưa - chiều- tối... hình như được đắm mình lặn hụp, bơi lội, đuổi bắt nhau trên dòng sông mát là một thú vui tuyệt vời không thể thiếu của tuổi thơ Quảng Trị... Nhưng nếu muốn nhào lộn chúi đầu xuống nước thì phải rủ nhau lên bến Lê Dương, là bến khá sâu với cái cầu tàu cũ kỹ, đe ra khá xa bờ... Tắm ở đó phải là những anh hùng sông nước, lặn lội như rái cá, có thể bơi một mạch qua phía làng Nhan Biều bên kia sông để bẻ trộm bắp non, đào trộm khoai và dưa hấu người ta trồng trên bãi cát pha, đem ra giữa giòng sông, lấy đá đập vỡ dưa, vội vàng chia nhau ăn rồi cũng vội vàng bơi về phở để tránh bị dân làng ủa ra la mắng, đuổi bắt...

Những đêm mùa hè trời đất là một lò lửa thiêu đốt cả thị trấn như thế, không thể ngủ yên gì được, mặc dù người hàng phố, dọc theo đường Gia Long, từ bến Chợ đến bến Sica, khoảng trước nhà LTViên, đã đua nhau đem giường chõng ra bờ sông và giăng mùng nằm ngủ một cách tự nhiên... như ở trong nhà mình, Cậu Mạ tôi thường thuê luôn cả một chiếc đòn thật rộng và đem hết gia đình lớn nhỏ xuống ngủ đòn (xin đừng lầm lẫn với cái thú đã hơn một lần bị ô nhiễm, hạ thấp: "ngủ đòn" ở Huế!). Những lần được ngủ đòn như thế với tôi là những kỷ niệm đẹp không thể nào quên: chủ đòn chèo thuyền ra khá xa bờ, thường thì họ cắm sào giữa sông, không có thuyền xuôi ngược rao bán các thức quà đêm như trên sông Hương, nhưng dòng sông quê ngoại tôi chan hòa ánh trăng mát rượi, thênh thang gió về từ những khóm tre trúc, từ những bụi chuối bờ cau bên kia làng Nhan Biều, và đâu đây vang vọng mơ hồ những câu hò mộc mạc, âm thanh trôi lơ lửng trên sóng nước, giữa sương khói gió trăng, làm chuyển hóa huyền ảo và kỳ diệu những khung cảnh ban ngày tầm thường, quê mùa, thô tháp... thành những cảnh đẹp mông lung tuyệt vời ở chốn non Bồng nước Nhược xa xôi cổ tích, chỉ có trong chuyện thần tiên. Một lần được ngủ đòn như thế, hồi tôi mới 8, 9 tuổi, học lớp 3 trường Nam Tiểu học

Quảng Trị, thuở đó tôi còn chưa biết bơi; một đêm dò chèo ra giữa sông như thường lệ, mấy anh em tôi cứ nghịch ngợm bám vào mũi thuyền, lần theo nếp cây tre hai bên cạnh dò để đi, Mạ tôi la mắng mãi chúng tôi vẫn không chịu vào ngủ, chợt tôi sẩy tay rơi tòm xuống sông, chỗ đó chắc cũng phải sâu đến hơn hai mét... Cả nhà la toáng lên, các chị, em tôi và Mạ tôi kêu khóc rầm rĩ... - dĩ nhiên tôi biết điều này là nhờ nghe kể lại - may mắn tôi bám được vào cây cọc tre chống dò, một tay bịt mũi thật chặt - vì nghĩ thơ tưởng rằng bịt mũi, ngậm miệng thì mình sẽ không bị uống nước và khỏi bị chết trôi - tôi bỗng nghe một tiếng ùm thật lớn, tôi hoảng sợ tưởng có thêm một đứa em bị rớt xuống nữa, bỗng một bàn tay đen ngòm chụp cứng lấy tôi. Tôi há miệng la toáng lên vì tưởng bị ma rà lôi đi, và lập tức, tôi bị uống nước sặc sụa... Khi được kéo lên, Ông Xạ Bị người cứu tôi, hỏi: "Còn đứa mô dưới nớ không?" Tôi trả lời tình queo:

"Dạ, chỉ có một mình tui thôi!", làm cả nhà và mọi người phá lên cười âm ỉ, mặc dù ai nấy đang còn nhòe nhoẹt nước mắt, nước mũi. Sáng hôm sau, Mạ tôi dẫn tôi ra bờ sông, ngồi trên mấy tấm cầu ván của vạn dò, Mạ tôi lấy nón múc nước sông lên, bảo tôi uống bảy ngụm, theo đúng luật "nam thất nữ cử", vì người tin rằng nhờ uống nước sông, hồn vía tôi sẽ nhập lại vào mình, nếu không, sau này tôi sẽ bị ngẩn ngơ, ngây dại suốt đời... Ôi! Lòng người Mẹ thương con lúc nào cũng thấm thiết và vĩ đại biết bao! Sau đó, mỗi lần ông Xạ Bị đến nhà tôi chơi, không đợi Cậu tôi sai bảo, tôi đã lanh chanh đi rót cho ông ta một ly rượu thuốc đầy tràn. Có lẽ bây giờ, ông Xạ Bị đã qua đời từ lâu, nhưng mỗi lần nghĩ đến chuyện xưa, tôi như thấy lại thật rõ ràng khuôn mặt rỗ hoa, đỏ bầm, nồng nặc mùi rượu và đồng thời, cũng thấy được tấm lòng tử tế quý hóa của một người dân lam lũ, quê mùa ở vùng đất nghèo khó, khô cằn nhưng thấm đượm tình người. Về sau, ông nhiều lần kể lại ông đã phóng mình bay qua hai chiếc dò, lao xuống vùng nước tối đen để kịp thời kéo tôi lên khỏi dòng sông định mệnh; vì vậy, chiếc đồng hồ ông đeo trên tay bị ngậm nước chết luôn. Ông vừa kể vừa cười hề hề mà không nhắc nhở gì đến cái đồng hồ vì cứu tôi, ông phải tốn tiền chữa đi chữa lại nhiều lần.

Lòng sông Thạch Hãn thường rất cạn nhất là vào mùa hè: chúng tôi có thể lội bộ qua sông khoảng chỗ trước Miếu Đồi, trước chùa Tinh Hội băng xéo qua bãi cát làng Nhan Biều. Nhưng có ba chỗ thật sâu: Đoạn sông chỗ Cầu Ga, Bến Hộ và trước Tòa Sứ. Người lớn chỉ dám tắm, bơi lội ở Bến Sứ chứ không ai dám tắm ở Bến Hộ, nơi nổi tiếng nhiều ma! Đến nổi, trong ngôn ngữ hằng ngày, người Quảng Trị có thành ngữ "Ma Bến Hộ" đủ nói lên điều đó. Thuở nhỏ, chúng tôi không bao giờ dám la cà rong chơi ở Bến Hộ. Nơi đó, lùm bụi um tùm như rừng: những khóm dừa dại cao quá đầu người lớn, chơm chòm đầy gai sắc, nhiều bụi duối xanh um, rậm rạp, nhiều bụi môn hoang, táy dại mọc chen lẫn với vô số bụi mắc cở, cỏ tranh và cỏ may, mặc dù hạt duối chín vàng ăn khá ngọt, nhưng bọn trẻ chúng tôi không có đứa nào dám vào Bến Hộ hái ăn. Lòng sông vùng Bến Hộ đầy những vực đá, nước chảy xiết, rất nguy hiểm cho thuyền bè đi lại trên khúc sông này. Nơi đó, đôi khi dân chài đánh bắt được những con cá Vược rất lớn, lớn bằng cả những đứa bé chín, mười tuổi!

Tôi vẫn còn nhớ như in, 1 kỷ niệm khó quên về giai thoại "Ma Bến Hộ".

Đầu vào khoảng năm 1955, khi cuộc chiến Việt Pháp vừa chấm dứt, Cậu tôi và một số thân hào nhân sĩ Phường Đệ Nhất, Tỉnh Quảng Trị gom góp tiền bạc thuê người tìm đào hài cốt vô thừa nhận của những tù nhân Việt bị bọn Tây giết hại, vùi dập sơ sài, hoang tàn, lạnh lẽo ở Vườn Bông và Bến Hộ. Cậu tôi phải bỏ hết công việc nhà gần một tháng trời, dầm mưa dãi nắng, chỉ huy nhóm phu đào tìm được hơn mấy chục bộ hài cốt, đem bỏ vào quan quách bằng gỗ có lót giấy hồng điều, mời thầy tụng kinh siêu độ và cải táng họ ở nghĩa trang La Vang. Vào ngày cuối cùng cuộc tìm đào, buổi chiều trước khi thu xếp thuồng cuộc ra về, một người phu bỗng nhiên lên kinh phong, ngất xỉu. Sau khi được cứu tỉnh, anh ngơ ngác một hồi lâu, rồi đột nhiên kêu khóc và chạy đến quỳ lạy Cậu tôi như tế sao:

"Lạy chú, còn sót một mình tui, xin chú đem tui đi cùng bạn bè, kéo một mình tui nằm ở đây lạnh lẽo, tội nghiệp lắm!" Cậu tôi kể rằng: mọi người ai nghe cũng bùi ngùi thương cảm và thấy gai gai lạnh ở sống

lung. Cậu tôi bình tĩnh, ôn tồn hỏi: "Chú nằm ở mô thì chỉ cho chúng tôi biết, tôi mới đem chú đi được.". Người phu thấp một nắm nhang, hoa hoa trên tay, đi vào khu vực giữa vườn Bông và Bến Hộ, rồi cắm thẻ nhang vào một mô đất sát cạnh bụi dừa dại. Mọi người hì hục đào trong bóng chiều tà, khi hố đào sâu khoảng hơn mét thì một bộ hài cốt gần như còn nguyên vẹn hiện ra. Thế là người bất hạnh cuối cùng rồi cũng được di chuyển về địa chỉ mới cùng với bạn bè, những anh hùng tử sĩ vô danh.

Bến Sứ, sở dĩ có tên gọi như thế là vì bến ở ngay trước tòa Công Sứ, sau này là Tòa Tỉnh Trưởng tỉnh Quảng Trị, bến được xây bằng những bậc thang đá ong đen, nước sông rất sâu, trong và xanh thẳm. Những người bơi lội giỏi, chiều chiều thường hay ra tắm ở đó. Bờ sông chỗ này khá cao và phủ đầy cỏ xanh. Trước thành rào Tòa Tỉnh là một đường cống gạch, tráng xi măng, rộng độ hơn 1 mét, sâu khoảng 1 mét rưỡi. Mùa hè năm 1956 hay 1957 gì đó, một con min (bò rừng) có lẽ vì động rừng, từ núi Trường Sơn chạy về làng Nhan Biều, sau khi đánh chết con trâu cò dữ nhất làng, nó bơi qua sông và đuổi húc người lính gác trước toà Tỉnh. Ông lính hoảng hồn vội vã leo qua hàng rào chạy trốn; con min nhảy qua theo, bị rơi xuống lòng cống và mắc kẹt ở đó, không thể cựa quậy gì được. Toán lính kéo ra thật đông, nổ súng bắn chết con thú lạc rừng. Nghe đâu, hai cái sừng cong cong màu trắng ngà dài đến cả nửa thước, được đưa ra, một cái dâng lên Tổng Thống họ Ngô, còn một cái thì ông Tỉnh Trưởng giữ lấy làm kỷ niệm.

Vào mùa mưa lũ, chỉ trong một buổi, nước sông dâng lên rất mau. Dòng nước đục ngầu, nhuộm đỏ bùn đất, phù sa, phình ra to gấp đôi, gấp ba lúc bình thường, chảy cuồn cuộn, cuồn trôi băng băng vô số cành khô, củi mục và lau sậy từ rừng núi Trường Sơn đổ về. Dân vạn chài phải đưa thuyền dò chạy lụt vào tận khu chợ; họ cũng dùng thuyền tam bản không mũi mào hiểm đi vớt cây mục, củi khô đang trôi dạt phăng phăng trên dòng nước hung hăng điên cuồng, gào thét ào ào tuôn đổ về biển Đông. Vào ngày mưa dầm lụt lội như thế, Mạ tôi thường mua

tùng mớ cá vụn như cá cần, cá bầu, cá mại, cá nhỏ bằng ngón tay út, đủ loại, con nào con nấy no nóc cả một bụng trứng, Mạ tôi đem kho khô với tiêu, đường, nước mắm, ăn rất ngon cơm. Những ngày lụt lớn, chúng tôi thường được nghỉ học vì có khi mưa gió, nước lũ đã cuốn bay mất mái tranh, tường phen bằng tre nứa hay bằng gỗ của lớp học. Bọn nhóc chúng tôi thường rủ nhau đi lội nước lụt tràn xâm xấp dọc theo đường Gia Long, đi kiếm những cây sậy có dáng đẹp hoặc đi tìm những cây phượng vĩ, những cây bàng bị gió bão xô ngã, hái trái ăn. Hạt phượng tươi ăn rất ngọt, rất bùi, nhưng nếu gặp những trái phượng khô thì phải luộc hạt lên mới có thể ăn được vì vỏ hạt phượng khô rất cứng; trái bàng chín có mùi thơm đặc biệt, nhưng những trái ngon nhất, chín no tròn, căng cả phần vỏ bóng loáng màu vàng mơ, thế nào cũng bị lũ dơi khớ hoặc lũ chim mỏ nham nhỡ, lấy đá ghè vỡ phần ruột cứng, cái lõi ở trong màu trắng ăn thật bùi, thật béo, thật thơm.

Rồi đến mùa sim tháng sáu, tháng bảy, những trái sim tím thẫm, lớn bằng đầu ngón tay mà nặng hệt đã nung chín trĩu cành trên những ngọn đồi La Vang, Phước Môn, Tích Tường, Như Lệ, những trái sim chín no tròn, mùi vị thơm ngọt, đậm đà xen lẫn một chút mặn mà khó tả; cắn ngập răng vào một trái sim chín, tôi nghe như đang cắn vào cả một trời hè đầy nắng gió của quê nghèo. Đó là những thứ quà quê mùa, phổ biến và rẻ tiền thời thơ ấu ở quê ngoại, mà sau này, trôi dạt hơn mấy chục năm trời nhiều nơi, ở Việt Nam cũng như ở hải ngoại, không bao giờ tôi còn được thấy và được thưởng thức nữa!

Từ năm 1970 đến nay đã hơn 36 năm qua, tôi chưa một lần về thăm quê ngoại. Sau mùa hè 1972, chiến tranh đã xua đuổi người dân quê tôi tan tác, trôi giạt đi khắp mọi miền: Huế, Đà Nẵng, Phan Thiết, Nha Trang, Đà Lạt, Sài Gòn, Bà Rịa, Bình Tuy hoặc xa hơn mãi tận chân trời góc biển: Cần Thơ, Cà Mau, Hà Tiên, Rạch Giá; có người còn phiêu bạt, lưu vong nơi hải ngoại nghìn trùng. Ngôi nhà thân yêu của gia đình tôi ngày xưa số 9 đường Phan Bội Châu nay nghe đâu người khác đã xây lầu 3,4 tầng! Vật đổi sao dời là điều khó tránh trong thời

chiến loạn. Nhưng tôi vẫn thường bồi hồi nhớ lại thời hoang dại đầy thơ và đầy mộng nơi khung trời quê ngoại cũ, nhớ về những ngày tháng thơ ngây, sống hiền hòa như củ khoai, củ sắn, như bông hoa, ngọn cỏ, cây trái trong vườn nhà; mãi vô tư, hồn nhiên học hành, rong chơi, ca hát, nô đùa trong vòng tay êm ấm của gia đình, thầy cô, bạn bè, trường lớp thân thương. Nhiều đêm tôi vẫn thường có những giấc mơ về chân trời cũ, mái nhà xưa: những hình ảnh hắt hiu buồn bã của một vùng quê hương nghèo khó, khí hậu, thời tiết khắc nghiệt, mưa dầm nắng lửa, lụt bão triền miên, ruộng đồng nhỏ hẹp, núi không cao, sông không sâu, lại thêm xơ xác, hoang tàn vì bom đạn, loạn ly, nhưng tôi vẫn thương yêu, nhớ nhung và gắn bó tha thiết suốt đời mình. Thường thì sau mỗi lần nằm mơ như thế, tôi chợt thức giấc, ngồi ngẩn ngơ, buồn bã và ngậm ngùi nhớ tiếc, không thể nào dễ giấc trở lại được nữa đành phải thức luôn cho tới sáng.

Đã đành tuổi thơ ấu của mình trôi đi biệt theo thời gian, không bao giờ trở lại. Nhưng sâu thẳm trong tôi, dòng sông thơ ấu ngày xưa vẫn rì rào tuôn chảy đâu đó qua trái tim mình và những bãi bờ, bến nước, những thuyền dò xuôi ngược trên sông, những đêm trăng vàng, những ngày gió rét; những vồng khoai, bãi sắn, những ruộng lúa nương dâu; những câu hò da diết, và cả cái giọng nói chân phương, mộc mạc, quê mùa, tất cả đều đã âm thầm trở thành một phần hơi thở, một phần máu thịt của tôi không biết tự bao giờ và có lẽ sẽ còn mãi hoài vang vọng trong lòng mình cho đến tận nghìn sau.

Đâu đây tôi nghe văng vẳng như có tiếng ai ngâm mấy câu thơ, một chút tâm tình tha thiết, hoài vọng về khung trời quá khứ, thật mơ hồ mà cũng quá đời xa xôi:

*Quảng Trị ơi! Hãn giang dài uốn khúc
Góc phố buồn chết lặng những chiều hôm
(thơ Đức Minh)*

*Nguyễn Thủy Nam,
Ngày 12 tháng 10 2006*



Những câu hỏi mùa mưa

Lộn tóc ướt từ trưa đến chiều còn ẩm,
Sài Gòn vào con,
Mưa,
Mưa,
Gió úng oản.
Cả vòng tay ôm cũng nhập nhòa hơi nước,
Vết áo đầm hương da,
Sao bắn khoăn?

Anh hỏi em:
Còn nhớ không, mùa hè mười sáu tuổi
Bên cây phượng già không trở nổi một bông
hoa?
Và những lần mưa quất dọc ngang tôn, ngói
Để lại từng rãnh dài đỏ ngập, vênh cong?

Em hỏi anh:
Những con đường Sài Gòn còn bị đông xóa
dấu?
(Em đánh mắt nụ cười, lang thang mãi bao
năm)
Mưa bóng mây, mưa rào, bênh bong bóng,
Mưa nổi tay mưa, ngăn lối chân về.

Đêm hôn mê,
Bàn tay quên bàn tay đã nắm,
Níu tìm từng sợi mưa trong.
Thủy tinh ướt.
Vỡ.
Lạnh.
Hiên ngoài gió thốc,
Mắt sâu giọt giọt mưa bay.
Tóc và mây nghiêng về em, nhập nhoạng.
Bóng đổ tràn vũng loáng,
Đèn khuya.

Cỏ Ngư
SAIGON 11.07.2005

Văn chương dân gian nói về... heo (tiếp theo)

Sự tích con heo:

Xin nói ngay là lợn hay heo vốn thuộc nguồn gốc người nhà Trời đấy. Tích xưa kể rằng: Ngày xưa ngày xưa, Trời có một gã thân thuộc, hễ ăn thì siêng nhưng làm lại nhác. Lúc đầu được Trời cho ăn mỗi bữa những ba bốn bát cơm đầy, nó vẫn kêu "Ít, ít..." . Sau Trời cho thêm năm, sáu bát, nó cũng vẫn la oai oai "Ít, ít, ít..." - rồi Trời tăng lên bảy, tám, chín, mười bát... nó tiếp tục rít lên "Ít, ít, ít, ít...". Thấy nó quá quắt, một hôm Trời gọi nó lại, mắng:

"Mày thật đoảng! Cứ ăn rồi lại nằm, nằm rồi lại ăn, mà cho mày ăn bao nhiêu mày cũng còn kêu là ít... Thôi, bây giờ để tao phong cho mày một chức rồi mày xuống hạ giới mà ở, tha hồ..."

Hắn vội vàng thưa:

"Thế Ngài tính phong cho con chức gì?"

"Cho mày làm chức Gà!"

Hắn giãy nảy:

"Ngài đã biết tính con chỉ thích ăn cho béo, không muốn làm chi cả. Nay mà giữ chức Gà thì nào phải dậy sớm la hét inh ỏi, phải bới đất, lật cỏ... Chắc chắn là con chịu không nổi rồi. Ấy là chưa kể thiên hạ còn giễu là: "Quấy như gà!".

Trời lại phán:

"Vậy cho mày làm chức Bò nhá?"

Tay gãi đầu, mắt nheo lại, hắn thờ dãi:

"Vâng, chức Bò kể ra cũng lớn, nhưng làm sao con vui vẻ được mỗi khi nghe người ta mĩa mai: "Dốt như bò!" rồi lại phải suốt ngày dầm mưa dãi nắng mà hết cày, lại bừa... trong khi con chỉ ước ao nằm một chỗ mà thức ăn thì vẫn được người ta đưa tới tận miệng..."

Trời nghiêm giọng:

"Cái chức gì mà lạ lùng quá vậy! Họa chẳng chỉ có cái chức "Lợn", chức "Heo" mà thôi, nhưng..."

Hắn vội vàng quỳ xuống tâu:

"Vâng, vâng... Xin Ngài phong cho con chức này. Con được biết làm "Lợn", làm "Heo" chỉ việc ăn xong rồi nằm, nằm rồi lại ăn. Được lãnh chức này, thật là vui thỏa cho con lắm".

"Nhưng mày biết một mà không tò mườì. Người ta nuôi heo, vỗ lợn cho to, cho béo rồi một ngày kia họ đem ra làm thịt!"

Tuy nghe nói vậy, hắn vẫn một mực van nài được giữ chức "Lợn/Heo" dưới hạ giới.

Vì thế cho tới nay, người nhà Trời ấy tuy đã được làm lợn, chức heo, được ăn no nằm nghỉ mà thường vẫn kêu "Ít, ít, ít..." luôn mồm.

Nuôi heo:

Trước hết là việc chọn heo. Cổ nhân xưa có "téc-ních" riêng và đầy đặn kinh nghiệm, nhiều khi cần đến cả lòng mê tín dị đoan. Nhà văn Toan Ánh mô tả trong tác phẩm Nếp Cũ: Tín ngưỡng Việt Nam như sau: "Nuôi lợn người ta kén lúa, thường từ lúa thứ ba, hai lúa đầu nuôi không được béo. Ta lại có tục, trước khi thả lợn vào chuồng, phải kén người khỏe mạnh và hay ăn, để lợn cũng ăn chóng lớn dễ nuôi. Người ta lại đốt vía để xua đuổi những vía dữ đã ám ảnh con lợn trong khi chúng bị bày bán ở chợ. Người ta lại dùng ngón tay chỏ bên phải đánh dấu vôi lên vai con lợn. Khi lợn đã được thả vào chuồng, người ta treo trước cửa chuồng một cành gai để ngăn cản tà ma.

Đang nuôi, lợn chê cám, người ta cũng cho là gặp vía dữ, người ta đốt vía, hoặc người ta làm lễ cúng..."

Người ta cũng tránh không nuôi những con lợn ngũ trảo, nghĩa là lợn có năm ngón chân rõ rệt, cho rằng đây là những hồn ma hình lợn, nuôi gặp không may và kẻ nào giết thịt con lợn ngũ trảo sẽ bị chúng theo báo oán. Khi tự nhiên ở đâu một con lợn lạc loài tới nhà mình, đó là nó báo trước một điềm bất thường mà người ta chỉ có thể tránh được bằng cách chặt đuôi con lợn đó, đem đặt ở trước cửa nhà bếp, mé đuôi trúc xuống..."

Trong thực tế, nông dân thường chọn lợn nái, vì nuôi lợn nái dễ kiếm lời so với các loài vật khác, chẳng hạn: "Giàu nuôi lợn nái, lụn bại nuôi bồ câu". Lợn đẻ nhiều; mỗi lứa có khi hơn chục con. Chỉ bốn, năm tháng sau là có thể bán cả đàn lợn bột này, thu được khối tiền. Người xưa đặt nặng việc chọn heo, coi quan trọng không kém gì chuyện lập gia đình. Khi chọn vợ, ai cũng muốn lấy được con nhà hiền đức thì khi mua heo, người ta vẫn lựa giống tốt:

"Mua heo lựa nái, cưới gái lựa dòng".

Nhưng nếu bắt buộc dĩ phải chọn loại lợn khác thì thiên hạ cũng hết sức cẩn thận, như: "Lợn đực chuộng phê, lợn sê chuộng chòm", nghĩa là nuôi lợn, nếu là lợn đực thì chọn con mập béo, to xác; nếu là con cái thì lựa con mình thon. Nuôi heo có lời, nhưng cực lắm. "Chăm một bầy con không bằng nom một đàn lợn", các cụ xưa bảo thế. Đến độ cổ nhân đã lấy việc nuôi heo làm tiêu chuẩn để đánh giá một phụ nữ:

"Đàn bà không biết nuôi heo là đàn bà nhác, Đàn ông không biết buộc lạt là đàn ông hư!". Buộc lạt chỉ cần mạnh tay, nhưng nuôi heo đòi hỏi rất nhiều đức tính, nào nhanh nhẹn, cần cù, nào nhẫn nại, dai sức và tháo vát... Hãy tưởng tượng cảnh này:

"Năm nong đày em xay, em giã,

"Trấu ủ phân, cám bã nuôi heo..."

Và hơn thế nữa:

"Đương cơn lửa tắt, cơn sôi,

"Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem!"

Vậy mà xưa các cụ không hề nói đến...

"stress" hoặc than bệnh tâm thần, trầm cảm hay "mát dây mát dợ" vì luôn phải sống trong tình trạng căng thẳng, dồn ép. Đó là chưa kể thêm heo mau đói, háu ăn; khi chậm được ăn một chút, chúng kêu ầm ĩ, khiếp lăm như thể bị bỏ đói lâu ngày: *"Lợn đói một bữa bằng người đói nửa năm"*. Vất vả thế đó, nhưng cứ mỗi sau mùa gặt hái là tới thời kỳ được mang heo, gà đi bán: *"Thóc lúa về nhà, gà lợn ra chợ"* - các bà lại được dịp "sướng mé điu hiu" khi sờ vào ruột tượng của mình thấy căng đầy tiền bạc.

Việc nuôi lợn ngày xưa còn "đề" ra ba nghề khác liên hệ: Lái lợn - mổ heo và hoạn lợn. Lái lợn là mua lợn đầu này đem bán đầu kia. Mổ heo còn gọi là đồ tể, chuyên sát sinh bằng cách làm thịt lợn đem bán lẻ. Hoạn hay thiến là cắt bỏ bộ phận sinh dục của con lợn đực. Cả ba nghề này vốn bị coi là thất đức vì gây nhiều đau thương cho lợn nên ít được trọng nề trong xã hội. Tích xưa dùng thuật nói lái để châm biếm một *"Quan lái lợn làm cụ trong dân"* như sau: "Ở hạt nọ, có một tên nghị viên họ Lại, xây sẵn cho mình một cái sinh phần (huyệt mã) rất đẹp. Tên này giàu có nhờ làm nghề lái lợn nên mua được một chức quan nhỏ nhưng từ ngày đó trở nên rất hồng hách. Nhiều người ghét lăm. Một đêm, không rõ ai đã đề đôi câu đối dưới đây trên sinh phần của y:

- *"Rực rỡ mé đường Tây, kẻ lại người qua, ca tụng sinh phần quan lớn Lại (= quan lái lợn).*

- *"Vang lừng trong thôn Bắc, trên kính dưới rái, một lòng tôn trọng cụ trong dân (= rận trong cu).*

Thịt lợn:

Đã đành xưa kia các bà mẹ thường dặn dò con gái mình mỗi lần: *"Mua thịt thì chọn miếng móng"* như thế: *"Lấy chồng nên chọn con tông, nhà nòi"*, nhưng thực tế vì hoàn cảnh nghèo khó, mấy ai dám bỏ tiền ra mua thịt để ăn thường xuyên - dù bất cứ thịt gì, hướng chỉ thịt heo đất đỏ. Người nhà quê chỉ được ăn thịt lợn vào những dịp hết sức đặc biệt như cúng giỗ, cưới hỏi, ma chay, đình đám hay lễ tết. Mà cũng rất hiếm một gia đình có đủ khả năng một mình xẻ một con lợn, thường ba bốn nhà chung nhau - gọi là "đánh đụng" - cùng làm thịt một con lợn rồi chia phần. Những dịp này "vui ra phết". Người đun nước cạo lông, kẻ mài dao chặt thịt, nhóm sũa soạn nhồi lòng, đám hãm tiết canh... trong khi lũ trẻ con châu chực tranh nhau cái

"bong bóng lợn". Tuy cũng vui lắm, nhưng cũng có thể là cớ để cãi nhau hay thù hằn nhau có khi mãi đời nếu như việc chia thịt không đều.

Hẳn là nghệ thuật quay hay nướng heo có từ thời người Tàu và Tây xâm nhập nước ta, chứ vào thuở xa xưa trước đó, cổ nhân mình chỉ lấy luộc là nhất. Và lại sau này nhìn con heo nằm trên đồng than hồng, hẳn nhiều cụ đã lắc đầu, chê: *"Thật phí của trời, mười đời không có mà ăn"* khi chứng kiến những giọt mỡ thi đua chảy xuống tro than kêu xèo xèo. Luộc thịt thì chẳng mất đi đâu tí nào. Mỡ tan trong nước sôi - gọi là nước dùng hay nước lèo - tha hồ béo, tha hồ ngây - để nấu canh, nấu cháo hay nấu gì mà chả được. Gia vị vô cùng quan trọng để đi đôi với thịt lợn là hành. Không thể thiếu! Như trong ca dao lợn đã cùng với hai "đồng nghiệp" căn dặn người đời:

"Con gà cục tác lá chanh,

Con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi,

Con chó khóc đứng khóc ngồi:

Bà ơi đi chợ mua tôi đồng diềng."

Tại sao vậy? Thì chính ông Tô trong tích cũ đã chỉ dẫn: "Ngày xưa một gia đình nọ được hàng xóm giúp tìm lại được bày trâu, bò đi lạc, dự định hôm sau sẽ làm thịt một con gà, một con heo và một con chó để khoản đãi trả ơn. Đêm trước đó, ông Tô hiện ra nói giết hại một lúc những ba sinh vật, như thế e đắc tội trầm trọng. Vợ chồng chủ nhà năn nỉ, ông Tô bèn mách bảo rằng khi hóa kiếp chúng thì mỗi con phải được hưởng một thứ gia vị riêng. Gà phải có lá chanh, lợn phải hành và chó phải củ diềng. Làm như thế thì không những vong hồn chúng được giải thoát còn người cũng tránh được tội. Chủ nhà cứ lời của ông Tô mà làm". Từ đó nhân gian bắt chước theo đồng thời cũng nhận ra rằng nhờ có hành mà thịt heo thơm hơn, sẵn lại; các lá hành màu xanh được cắt nhỏ nổi đẹp mắt trên mặt nước dùng/nước lèo sóng sánh những mỡ như thể sao sa.

Gọi là đầu khi ta dùng chữ "heo" - đầu heo - còn nếu nói thủ thì phải nói "lợn" - thủ lợn. Các từ ngữ này không thể thay đổi vị trí cho nhau. Đó cũng là một trong những nét độc đáo của tiếng Việt. Đầu heo hay thủ lợn thường được dâng biếu các vị trưởng thượng, tiền bối hay tiên chỉ trong làng hoặc các quan lớn hay bậc tộc trưởng, gia trưởng - rất hiếm khi con cháu được đụng tới. Và cũng chỉ trong những gia đình nhiều của, lắm bạc mới dành riêng đầu heo để cúng bái:

"Cổng cột bắt cá dưới bàu, (= ao)

Cha mẹ mày giàu, đám giỗ đầu heo".

Nhưng thật ra món mà tuyệt đại đa số thường nói đến và thích ăn nhất, ấy là lòng lợn. Nhưng

nhất định phải là: "Con lợn có béo cỡ lòng mới ngon"! Lòng gồm các bộ phận trong ngực như tim, phổi và trong bụng như dạ dày, gan, cật, ruột non và ruột già... Hãy nghe nhà văn Vũ Bằng "tán" về lòng lợn như sau trong tác phẩm "Miếng ngon Hà Nội": *"Thực mà, không nước nào lại có một thức ăn lạ như lòng lợn của ta. Cũng là trong con lợn cả, mà mỗi bộ phận ăn ngon một phách: gan thì giòn ngọt mà lại đắng đắng, ăn vào với rau mùi lại thấy thơm thơm; tim nhai vào miệng mềm cứ lừ đi; cật hủ còn tanh tách; lòng tràng sậm sứt; còn ruột non thì quả là dẻo dẻo, mới cắn tưởng là dai nhưng kỳ thực lại mềm, ăn vào cứ lo nó đắng thành thử đến lúc thấy nó ngọt thì cái bùi và cái ngọt ấy lại càng giá trị..."*. Và phải "nhớ như đinh đóng cột" như một thứ chân lý là: Lòng lợn phải chấm với mắm tôm chanh ớt!

Nhưng theo kinh nghiệm của cổ nhân, lòng lợn ngon thật đấy nhưng cũng chóng thiu - mà một khi đã thiu, mùi vị trở nên khăm lăm như mùi tử thi. Bởi vậy văn chương truyền khẩu mới có câu ví von khá độc địa:

*"Trai tơ vợ phải nạ dòng,
Như nước mắm thối chấm lòng lợn thiu".*

Hơn thế nữa, các cụ còn khuyến cáo những ai đang yêu người cũng chớ ăn lòng lợn hầu tránh nguy hiểm đến tính mạng, khác chi trường hợp đàn ông bị ngất trong khi giao hợp hay bị ốm sau khi làm tình. Dân chơi gọi hiện tượng này là "thượng mã phong":

"Thứ nhất phạm phòng, thứ nhì lòng heo".

Trong những thứ thịt của các giống lợn, thịt lợn sề bị chê nhất vì loại này sau nhiều lứa đẻ, thịt đã không thơm mà còn dai. Người bán thường nói dối là thịt lợn cán hay lợn choai, nhưng khách mua nhìn bề dày của lớp bì là biết ngay. Một tích xưa trong kho tàng "Tiếng cười dân gian Việt Nam" kể thế này: "Một ông hàng thịt làm thịt lợn sề bán. Nhà có đứa con hay bép xép nên ông ta phải dặn trước:

"Mày không được nói là lợn sề đấy nhé!"

Một lát có người đến mua. Đứa con mau mồm nói trước:

"Đây không phải là thịt lợn sề đâu!"

Người kia nghe nói sinh nghi, xem thì đúng là lợn sề thật nên không mua nữa.

Ông hàng thịt mắng con:

"Ai bảo mày mách lẻo để người ta đâm nghi".

Chập sau lại có người tới xem thịt rồi hỏi:

"Sao bì nó dày thế này? Hay lại thịt lợn sề đây?"

Ông hàng thịt chưa kịp trả lời thì thằng con đã hấp tấp lớn tiếng bảo bố:

"Đây! Người ta nói trước, chứ không phải con đâu nhé!"

Ông hàng thịt lại mất khách. Quá tức

giận, ông ta quát cho nó vài roi quất đít về cái tội mà ông ta gọi là tội "Nói toạc móng heo", tức thói quen ăn nói thẳng thừng, nói rõ ra hết, chẳng giấu giếm gì.

Người Việt vốn khéo trong việc chế biến thức ăn; rau trái lắm khi còn được làm thành nhiều món khoái khẩu hướng hồ thịt heo. Món lợn luộc kể trên chỉ là thứ... "chuyện nhỏ". Có thể nói mỗi bộ phận của lợn là một món ăn độc đáo. Chẳng hạn, phần thịt nạc được giã nhuyễn làm giò lụa hay giò nạc, chả quế; thịt đầu làm giò thủ; bì trộn với ít thịt nạc làm giò bì hoặc bì luộc chín, đem phơi khô rồi rán lên làm món bóng... Sườn ram mặn thơm... điếc mũi! Giò ninh măng ngọt lịm! Thịt đông mát cổ họng, chưa kịp nuốt đã trôi tọt xuống bụng". Các nhân bánh chưng, bánh tét hay bánh giò thì dứt khoát phải dùng thứ thịt heo ba chỉ mới đúng điệu. Ngay cả thịt mỡ, ngày nay thiên hạ nhìn chúng như những "tử thù", nhưng ngày xưa mà thiếu "thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ" trong những ngày đầu xuân thì tết Nguyên đán đã mất hết những đặc điểm cổ truyền...

À, còn món cháo lòng bắt hủ nữa chứ. Tác giả Vũ Bằng kể tiếp: *"... Đó là một món ăn rất bình dân... nhưng hơi nóng của cháo đưa lên thì quả là một hương thơm vương giả. Hành không nhiều, chỉ vừa đủ ngát thôi... nhưng cũng không vì thế mà đuềnh đoàng hay nhạt nhẽo... Nó có một hương vị riêng, quý vị ạ, một hương vị không thể so sánh với bất cứ hương vị của một thứ cháo nào, một hương vị đất nước, kín đáo, xa xôi, hàm súc. Ngửi hương vị đó, rồi đưa mắt nhìn vào bát cháo mà nhận ra cái quánh của nó với màu tím lơ dờ do tiết tạo thành... Thật vậy, cháo lòng cũng như một người con gái mà duyên dáng lẫn vào bên trong, chớ không bong ra ngoài... Cháo lòng ám ảnh ta, không thể làm cho ta quên được."*

Đã trót kể về lòng và cháo mà cổ tình lơ món tiết canh lợn thì quả thật là một "tội" không thể được tha thứ, bởi vì theo ông Vũ Bằng, "lòng lợn, tiết canh và cháo lòng là một tam đầu chế, thiếu một thứ thì mất cả sự nhịp nhàng, tiết tấu" - vì thế xin dài dòng thêm về món tiết canh vậy. Nhưng thiết tưởng chẳng mấy ai sành ăn bằng ông Vũ Bằng nên cũng mạn phép trích dẫn lời tường thuật của vị "đại thực sư" này: *"Cũng như người con gái dậy thì, tiết canh đẹp một cách rực rỡ, lộng lẫy, náo nùng. Màu đỏ tươi hơn hớn của tiết bắt lên trong đám sụn băm, gan thái chỉ, thơm, mùi rắc lên, với lạc giã nhỏ làm cho người ta nghĩ đến làn da thơm mát ngạt của một thiếu nữ đầy tràn nhựa sống."*

Thật hết ý! Cảm ơn ông Vũ Bằng! Và "thank you" lợn!

Lợn và thể thái nhân tình:

Người bình dân xưa không hề học bói toán hay tướng số, không hề biết tâm lý học hay môn phân tâm, thế mà vẫn "rành sáu câu" về sự liên hệ giữa tâm tính bên trong và diện mạo bên ngoài. Phải từng trải lắm mới có được nhận định:

"Xem mặt mà bắt hình dong,
Con lợn có béo, cổ lòng mới ngon".

Quan sát hành vi và cách xử thế của một người, các cụ nhận ra ngay tính nết của đương sự. Những kinh nghiệm này một phần lớn do kết quả của việc chăn nuôi heo hàng ngày. Xin nêu một vài thí dụ điển hình:

- Mô tả một kẻ có những cử chỉ không đàng hoàng, lén lút, người bình dân gọi đó là: "*Chấp chơi như quạ đậu chuồng lợn*" - hoặc đáng bộ lác cắc, không chút lễ độ thì lại có câu: "*Nhân nháo như cáo vào chuồng heo*". Mặt vốn là cửa sổ của linh hồn, nhưng nếu cặp mắt nào không chút linh động, thiếu khí sắc thì khác chi "*mắt như mắt lợn luộc*", biểu lộ một tinh thần bạc nhược. Ngược lại, thấy một người ăn diện sang trọng như muốn khoe của, nhưng thực hư ra sao, không ai rõ; dân chúng liền đặt câu đố hỏi thành ca dao:

"*Hỡi người quần trắng, dây lưng thao,
Cha mẹ thế nào, ăn mặc giàu sang?
Hay là buôn bán ngoài đàng,
Mượn đầu heo nấu cháo nổi màng màng để coi?*"

Quả thật khéo! Thành ngữ "Mượn đầu heo nấu cháo" có ý nói lợi dụng vốn của người khác để mua bán lấy lời cho mình như thể nấu cháo với cái thủ lợn cho ra nước ngọt mà cái đầu heo vẫn còn nguyên. Thực chất của sự "áo quần bánh bao" biết đâu chỉ là cái "màng màng" tức là cai vẻ hào nhoáng bên ngoài giống như lớp mỡ nổi trên mặt nước.

- Nói về những trò đời, cô nhân cũng đặc biệt mượn heo để diễn tả ý nghĩa mà trong nhiều trường hợp tuy mang vẻ châm biếm khôi hài nhưng nội dung lại vô cùng thâm thúy. Chẳng hạn cha mẹ nào sinh con mà chẳng trông mong sau này được cậy nhờ, như thế: "Nuôi heo rán mỡ, nuôi con đỡ chân tay". Nhưng để đạt được ước vọng ấy, các cụ cũng nhắc nhở đến tầm quan trọng của việc giáo dục con cái, bằng không thì:

"*Đẻ con chẳng dạy, chẳng răn,
Thà rằng nuôi lợn mà ăn lấy lòng*".

Trong phạm vi gia đình và cộng đồng việc tối quan trọng là bảo vệ và bênh đỡ lẫn

nhau. Nhưng không thiếu cảnh "cá lớn nuốt cá bé" hay "chó cậy gần nhà, gà cậy gần chuồng", tuy nhiên khi gặp một đối thủ khác mạnh hơn, hung dữ hơn thì lại nhát sợ:

- "*Mèo tha miếng thịt, xôn xao,
Kềnh tha con lợn thì nào thấy chi!*"
- "*Mèo tha miếng thịt thì đòi,
Kềnh tha con lợn, mắt coi trừng trừng!*"

Qua thí dụ trên "con lợn" vẫn là hình ảnh chỉ về của cải, tài sản quý báu của người bình dân giống như trường hợp: "*Vì đầu heo, gánh gộc chuôi*", muốn được hưởng lợi lộc, phải chấp nhận cực khổ.

- Trong cuộc sống lắm khi xảy ra những chuyện cười ra nước mắt mà dường như chỉ có heo mới bộc lộ đầy đủ các cảnh này. Đây nhé: "*Lợn lành chữa lợn què*" (ý chỉ vật hư ít, sau khi sửa lại hỏng nhiều) - "*Mổ lợn đòi bèo, mổ mèo đòi mỡ*" (đại ý giận quá rồi làm cho đã nư, bắt kẻ hậu quả tai hại cho mình) - "Tránh được lợn cò, gặp gấu chó" (đồng nghĩa với những câu: "*Tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa*" và "*Tránh hùm, mắc hổ*") - "*Rao mật gấu, bán mật heo*" (nghĩa là dối trá, quảng cáo tốt mà bán đồ xấu hoặc khoe mình rất nhiều nhưng khi bắt tay vào việc lại tỏ ra quá dở)...

Cùng ý nghĩa cảnh đời như vừa kể trên, cô nhân đã để lại một màn hài kịch dưới đây trong truyện tích "*Già ơn con lợn*": "Ngày xưa có hai người học trò nợ kết nghĩa đèn sách. Một anh gặp may thi đỗ, ra làm quan, liền trở mặt. Bạn cũ đến thăm nhiều lần nhưng lần nào anh ta cũng sai lính ra bảo, khi thì quan đang ngon giấc, lúc lại quan đang bận việc công không tiếp được. Năm bảy lần bị từ chối như thế, người bạn cũ giận lắm. Một hôm anh này mua một con lợn, quay vàng rồi đặt lên mâm bưng tới. Lính lệ vào bầm, một lát sau trở ra, niêm nở mời vào. Quan chào hỏi vồn vã rồi sai lính mang trâu ra mời. Người bạn cũ cầm lấy miếng trâu, đút vào miệng con lợn đoạn vái nó mấy vái mà rằng: "Tao đội ơn mày, lợn ơn! Nhờ mày mà tao mới lọt vào đến cửa quan để nhìn lại mặt bạn cố tri!"

Heo và tình duyên:

So với những con giáp khác, không con nào bằng heo vốn gần gũi với tình cảm yêu đương của loài người. So với giống gia cầm khác, cũng không con nào bằng lợn vốn được chọn làm "nhân chứng" cho chuyện lứa đôi. Mà thật cũng lạ, con heo, con lợn có thanh tao sạch sẽ gì cho cam, trái lại hình dáng thì cục mịch, thân thể lại hôi thối. Ấy vậy trong chuyện yêu đương, cười

hỏi, từ khởi đầu cho tới khi chấm dứt, không có lợn tham dự, mọi việc không xong, mất hết giá trị và ý nghĩa.

Trai gái "phải lòng" nhau, rồi giận hờn nhau hoặc phải chờ đợi lâu ngày mới được "ráp lại" với nhau thì mắc mớ gì tới... heo; ấy vậy họ cũng cố lôi heo vào cuộc mà... hành:

*"Yêu nhau chẳng lấy được nhau,
"Con lợn bỏ đôi, buông cau bỏ già.
Bao giờ sum họp một nhà,
"Con lợn lại béo, cau già lại non".*

Tuy nhiên trước hết phải nói đến chuyện mai mối đã, bởi vì ngày xưa rất hiếm có cảnh "rồ-măng-tíc"; thanh niên thiếu nữ sức mấy dám hẹn hò nhau trước khi tiến tới hôn nhân. Hầu hết cặp vợ chồng nào cũng nhờ cậy người đứng trung gian. Dường như ai cũng biết "ở đời có bốn thứ ngu: Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu", thế nhưng vẫn có những người - mà thường là đàn bà - chịu nhận mình "ngu" hạng nhất, sẵn sàng "hy sinh vì đại nghĩa", dẫn dắt cho hai bên trai gái nên duyên vợ chồng. Phần thưởng cho việc mai mối thành công theo phong tục ngày xưa là một cái đầu heo. Nói ngược lại, muốn được hưởng đầu heo, phải chịu cực khổ làm mai. Nếu sau này vợ chồng mới hục hặc điều gì hoặc lìa bỏ nhau thì người mai "lãnh đủ" những lời mắng vốn hay bị đổ thừa này nọ, nhưng:

"Vì đầu heo, gánh gộc chuối!"

Khi thách cưới, nhà gái có thể đòi nhiều thứ sính lễ như vàng bạc, tiền của, cau trầu hay gà, xôi... nhưng dứt khoát không bao giờ thiếu lợn. Biết vậy nên một thanh niên đã "ướm lòng" một thôn nữ mà anh từng mơ tưởng bằng cách nhấn mạnh đến heo :

*"... Giúp em một thúng xôi vò,
một con lợn béo, một vò rượu tăm..."*

Quả thế, khi chàng trai sang hỏi cưới thì nhà gái đã có sẵn... danh sách:

*"Mẹ ngồi thách cưới:
Tiền chẵn năm quan,
Cau chẵn năm ngàn,
Lợn béo năm con,
Áo quần năm đôi..."*

Cha mẹ xưa quan niệm giá trị của con gái mình tùy thuộc vào số lượng vật thách cưới đó. Họ sợ rằng nếu thách ít, khác chi cho không, tức là gián tiếp công nhận con

mình đã "có vấn đề". Và lại chính người con gái cũng tỏ ra hãnh diện: "...

*Thách thế mới thỏa tấm lòng,
Nếu lo không được, đừng hòng lấy em!"*

Do thế chàng trai vì thể diện và tự ái nên bằng cách nào cũng phải "lo cho được". Nhưng cũng vì chuyện thách cưới éo le mà nhiều thiếu nữ đã lâm cảnh ngậm đắng nuốt cay sau ngày vu qui:

*"Mẹ em tham thúng xôi rền,
Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng...
"... Bây giờ chồng thấp, vợ cao,
Như đôi đũa lệch so sao cho vừa!"*

Hay bị thảm hơn nữa:

*"Mẹ em tham thúng bánh chưng,
Tham con lợn đẻ, em lưng chịu đòn!"*

Chẳng mấy người con gái khi về nhà chồng mà dám ngạo nghễ và "ngầu" như thiếu nữ trong bài ca dao dưới đây:

*Bố chồng là lông lợn hạch,
Mẹ chồng là đánh lợn lang.
Nàng dâu mới về là bà hoàng thái tử".*

Ngay hôm sau ngày cưới, rể về nhà vợ lễ gia tiên gọi là lễ Nhị hi hay lễ Lại Mặt. Gia đình khá giả vẫn dùng lợn quay và xôi gấc làm lễ; nghèo thì ba lá trầu, ba trái cau và một nậm rượu. Cúng rồi nhà gái đem những lễ vật này biếu những người thân cận trong họ.

Xưa kia vì quan niệm hẹp hòi về "chữ Trinh" thành ra trong đêm động phòng hoa chúc nếu vì một lý do nào đó mà "chiến trường" không... loang máu đào thì thiếu nữ sẽ bị nhà trai trả lại với một con lợn đã làm thịt nhưng bị cắt mất đôi tai để ám chỉ cô dâu trước ngày vu qui đã đánh mất cái "đáng giá ngàn vàng". Ôi heo ơi! Mày vừa là niềm vinh hạnh cho ngày cưới hỏi nhưng mày cũng là biểu tượng sỉ nhục cho người con gái nào bất hạnh.

Qua các sự kiện như trên vừa kể, người ta phải công nhận "quyền lực" của loài heo trong cuộc sống của người Việt xưa, đặc biệt trong việc nhân duyên. Nói cách khác không ngoa, có heo là có tất cả - đến độ heo hội đủ khả năng lật được mọi thế cờ, đảo lộn được cả gia phong, lễ giáo.

Đây bằng chứng hùng hồn:

*"Gập ghềnh nước chảy qua đèo,
Bà già tập tễnh mua heo, cưới chồng!"*

Tạm kết:

Kể chuyện về heo qua văn chương truyền khẩu tưởng chừng chẳng bao giờ hết, không chỉ mấy lãnh vực điển hình ở các phần trên, nhưng còn trong các lãnh vực khác nữa của cuộc sống thực tế về tinh thần lẫn vật chất. Nhiều vô số! Nhưng tới đây phải tạm ngưng thôi, vì dù sao bài cũng đã khá dài đối với một đặc san Xuân. Nhưng trước khi ngừng, người viết cảm thấy phải kể một chút về Trạng Lợn, bởi năm nay năm Hợi - phần để không thiếu sót nặng nề - phần hơn nữa muốn "thanh minh thanh nga" rằng giống lợn... không ngu như một câu mỉa mai phổ thông: "ngu như lợn", trái lại hãy "trông mặt mà bắt hình dong", con lợn như thế, ắt cũng thông minh ra trò! Truyện tích thế này:

"Ngày xưa ở làng Dừa thuộc tỉnh Hà Nam, có nhà họ Dương vốn dòng khoa bảng. Đến đời ông Dương Đình Lương thì phải xoay ra làm nghề mổ lợn. Đứa con trai đầu của ông bà Lương học dốt, tới con trai thứ hai, ông bà đặt tên là Dương Đình Chung, tục gọi là Chung Nhi, với niềm hy vọng thằng con này thông minh để nối nghiệp tổ tiên...

Nhưng khi Chung Nhi mười ba tuổi học hành vẫn dốt nát, nhưng đùa nghịch thì hơn quỷ sứ. Ông Lương buồn rầu tự nhủ: "Giờ nào, quai nấy" rồi đành cho nó theo nghề mổ lợn vậy. Chung Nhi thích lắm, thuộc vanh vách từ cách mời chào, những câu nói lái cho tới việc pha thịt, bỏ thủ...

Một hôm hai bố con vào dinh một viên quan mua lợn. Quan ông thì ngủ mà quan bà lại đi vắng. Bố con xin ra chuồng xem lợn. Khi ấy quan vừa dậy. Ông Lương vái chào. Quan mắt nhắm mắt mở, không trả lời, lấy khăn chùi mặt, vuốt bộ râu rể sang hai bên, đoạn búi lại tóc rồi quay vào nhà trong. Chung Nhi thấy thế bèn kéo bố vào chuồng bắt lợn. Ông Lương vội bảo con:

"Quan đã truyền cho giá cả bao nhiêu đâu mà vào bắt?"

Chung Nhi trả lời:

"Thế bố không biết à? Quan khinh cha con mình là người mổ lợn nên không thèm nói, chỉ giơ tay làm hiệu, giá 18 quan đấy!"

Dứt lời Chung Nhi đem tiền chổng đủ 18 quan rồi vào bắt lợn. Vừa lúc quan bà về, trợn mắt hỏi:

"Ai bán lợn cho các người mà dám tự tiện thế?"

Chung Nhi nhanh nhẩu đáp:

"Bẩm ông lớn đã bằng lòng bán rồi đấy ạ!"

Quan bà chạy vào gắt chồng, sao lợn to thế mà bán có 18 quan. Quan ông ngạc nhiên, vội vã ra, quát:

"Láo! Ai bán mà bay dám nói là ta bảo 18 quan, hả?"

Chung Nhi bình tĩnh thưa:

"Bẩm khi nãy con thấy quan lấy khăn chùi ngang mắt, lại vuốt từ trán xuống, rồi rẽ râu sang hai bên, rõ ràng là chữ **"thập bát"**. Quan lại giơ tay búi tóc ra hiệu: Thuận 18 quan thì vào mà bắt lợn! Chúng con đã chổng đủ tiền ở sân rồi đấy ạ!"

Quan thấy Chung Nhi biện bác giỏi, phì cười:

"Ta không định bán, nhưng khen chú bé thông minh nên ta cũng bằng lòng bán cho. Thôi cha con vào mà khiêng lợn về."

Từ đó Chung Nhi nổi tiếng khắp vùng và được tôn là Trạng, tức người có tài nghệ nổi bật, nhưng vì làm nghề mổ lợn nên thiên hạ gọi là **Trạng lợn**.

Sau hết, xin nhắc đến một trong những bức tranh Tết dân gian nổi tiếng là bức vẽ bộ mặt bụ bẫm của một em bé xinh đẹp được làm nền cho hình một **con heo đất**. Nội dung nhằm diễn tả một tương lai tràn đầy niềm vui, hạnh phúc và tươi trẻ cùng sung mãn tài lộc và thịnh vượng. Vậy người viết xin mượn ý nghĩa vừa kể để trân trọng kính chuyển tới từng quý vị độc giả nhân dịp tân xuân **Đinh Hợi** 2007 này.

Hoài Mỹ (Na-uy)



Sài Gòn, đêm hỏa hoạn



Cổ Ngự

Không biết bao nhiêu năm rồi, tôi mới được dịp nghe lại khúc độc tấu mandoline. Tiếng dây reo như một chuỗi ngọc tung vỡ trên nền hoa cương, như cuộn sóng bút thoát, vượn mình đập vụn vào ghềnh đá. Hoan khúc thống thiết, lấp lánh móng nhọn răng sắc, phóng vút vào khoảng không những sợi âm pha lê trong buốt. Rùng mình giữa đêm Sài Gòn hai mươi chín độ. Ngọn nến lắt lay cứ như muốn quàng tay ôm lấy ly cà-phê. Lưỡi lửa biến dạng phồng phênh dưới góc nhìn xuyên ngang mấy viên đá cục lênh tênh trên mặt nước nâu đục. Những ngón tay cuống quýt, buốt đỏ, bấu vào dây, rãnh sâu, thốn, chạy nốt, hằn vết, tẩy sừng. Chai cứng. Tôi những tưởng tâm hồn mình cũng đã chai cứng theo những biến động của cuộc sống, khi thằng bé con chưa kịp bước vào đời đã bị ngáng vấp, chúi ngã, xây xước, ê chề. Tôi những tưởng thời gian đã làm nảy sinh từng làn da non, thay chỗ cho lớp chai trong, trơn cứng. Những đầu ngón tay không còn lồm vào dây sắt, tìm dần được cảm giác tê mê khi lướt qua vùng thịt da mượt mịn. Chuỗi nhạc vỡ, tan vào bóng tối của lãng quên. Tưởng thế thật, khi sau những năm tháng quay cuồng trong cảnh quang Paris, tôi nghĩ mình đã quên hẳn được nhiều phần đời đã sống qua, ở Sài Gòn. Như một kiếp khác.

Vậy mà, không! Tôi đã tái sinh, lại quên nhận phần cháo lú. Lăn mò tìm dấu cũ, tôi ngồi đúng vào nơi đã ngồi, gần ba mươi

năm trước, dưới tán ngọc lan. Đêm thơm dịu. Đêm của tôi trải chiếu dựa lưng vào gốc cây lẩn tròn, gảy đàn tung lời hát vào bóng tối trước mặt. Đêm của bà ngoại lam khói hương và đều đặn nhịp chuông mõ. Đêm của tiếng đế ri ri trong túm cỏ gần ngôi mộ hoang cuối vườn. Và cũng là đêm lạnh canh tiếng xích sắt kéo, tiếng gàu va đập vào thành giếng, tiếng nước tuôn đổ vào thau nhựa của chị Ngân nhà hàng xóm. Tiếng đàn tôi im bật khi tiếng nước xối soàn soạp vừa bắt đầu. Từ căn gác lừng lêu lêu như một cái tổ chim của ông ngoại, tôi thụp nhìn chị tắm. Sàn giếng lấp lóa đèn, hắt lên mớ tóc dài mượt nước. Từ góc nhìn của mình, tôi chỉ thấy được mảng tóc đen dày đổ thẳng từ đỉnh đầu xuống quá hông, từ đó, tẽ ra đôi chân trần, trắng muốt. Nước cứ sàn sạt đổ bên thềm giếng. Sắc trắng đen lung linh cứ chập chùng chuyển động, đổi dời theo từng chỗ kỳ cọ trên thân thể chị Ngân. Nước nhiều thế làm tôi khát, cổ họng đặc khô. Tiếng hát sau đó đục khàn, lạc giọng trên mấy sợi hợp âm bấm thiếu nốt. Tôi quên cả những vết muỗi đốt, găng chờ đêm xuống sâu hơn, khi tiếng xe gấn máy của anh Khương một tuần vài lần lướt êm từ đầu ngõ và xích đỗ lại, cách nhà tôi đúng một cánh cổng.

Có tiếng khúc khích ở bàn bên cạnh. Giọng con gái:

- Thấy thằng đang dắt Honda vô không?

Gã thanh niên lướt ngang chỗ tôi ngồi. Cao,

gầy, bán diện đẹp, tóc bồng bồng, lốt phớt thêm hàng ria mép. Quần áo hợp thời trang.

- Ngon lành, mày! Quen hả? Diễn viên điện ảnh hay người mẫu vậy?

- Dĩ đực!

- Dóc, mày!

- Nói tao xạo hả? Cho mày biết, chả còn thêm cái tật đa hệ nữa!

- Mày nói gì?

- Nhìn kia! Bà chủ quán ra kia!

Gã trai có cái nhìn phớt đời dắt xe chậm rãi đi ngược hướng ban nãy, như đang thực hiện một buổi biểu diễn thời trang hay quảng cáo mẫu xe gắn máy mới. Tiếng sỏi lạo xạo theo vòng bánh xe, theo sải bước dãn dãi của những đế giày tự tin. Cách một quãng ngắn, sỏi lại nhộn nhạo theo nhịp ngắn nặng, gấp gáp của đôi gót guốc cao. Tôi kéo ngược tia nhìn, lướt vụt qua khoảng áo quần lờ xòe sắc sỡ, đâm chúi ngay vào khuôn mặt. Trời ơi! Chị Ngân! Nhân dáng ấy, thân thể ấy, tôi không thể nào gột tẩy được ra khỏi trí nhớ. Người đàn bà tôi căm thù, cứ riết róng đeo đuổi, tàn hại những giấc mơ, ám ảnh da thịt, hăm hiếp đam mê, bóp chết từng khát thèm. Người đàn bà bao năm tôi mong mỏi được dùng hai bàn tay siết chặt, thắt nghẹt ngắn cổ trắng cao kia đang từ tốn nghiêng người ôm choàng lấy gã trai, má tựa sát lưng, cùng lao vút vào bóng tối đầu hẻm. Chị Ngân. Tôi những tưởng về đây, ngồi xuống chỗ này, có thể tìm lại được chút dấu tích của bà ngoại, những chén xôi chè cúng rằm, tro vàng mã lừng lờ trong gió, mùi vò quýt khô ngan ngát chái bếp hay tiếng rì rầm tụng niệm mỗi đêm. Người đàn bà của ba mươi sáu phố phường bỏ xứ mà đi đến hai lần, cho tới ngày nhắm mắt trong chiều tuyết đỏ, vẫn lẫn lộn giữa Sài Gòn và Hà Nội khi nhắc về những kỷ niệm « ở ngoài ấy ». Tôi những tưởng về đây, ngồi xuống chỗ này, cũng có thể tìm lại được chút dấu tích căn gác xép của ông ngoại, nơi tôi có thể thỏa thuê lục lọi giữa từng chồng báo Life, Time, Newsweek, Le Monde, Chính Luận, Sóng Thần bám đầy bụi, nơi trong một lần tình cờ, đầu đời tôi được chiêm ngưỡng ngực trần những thiếu nữ nhảy french cancan trên tập bưu ảnh trắng đen dấu kín một góc đáy va-li. Người đàn ông khoáng đạt mở tung cánh cửa ra thế giới bao la, gọi đứa bé ngờ

nghech bước chân vào. Ông không thể nào biết, cũng chính từ căn gác ấy, đã nhiều đêm tôi nín thở ngắm chị Ngân khỏa thân tắm giềng. Bộ ngực trần trên tấm bưu ảnh chỉ đôi khi thấp thoáng thấy được trong đêm, nhưng sau đó lại lồ lộ cong ưỡn giữa ánh đèn vàng phòng ngủ, gọi đôi bàn tay tham lam của anh Khương từ phía sau xòe căng, úp chụp lấy. Tất cả chung quy rồi cũng gọi nhắc về người đàn bà ấy. Chị Ngân.

- Em ơi!

Xuýt đánh rơi ô khóa, tôi vòng tay kéo vội sợi xích sắt, ngoái cổ. Chị Ngân đang đứng sát sau lưng tôi. Người đàn bà tôi nhìn trộm nhiều đêm. Người đàn bà có nhiều phần thân thể thâm kín phơi bày trần trụi phía bên kia khe cửa sổ những giờ tôi cháy lửa khát khao, vừa cất tiếng gọi. Mặt rưng đỏ, tôi nghe tiếng tim thỉnh thoảng đẩy vội máu sôi. Cứng.

- Em đánh đàn mỗi tối phải không?

- Dạ...

- Tiếng đàn văng vẳng nghe cũng hay hay, mà hình như, em cũng hát nữa phải không?

- Dạ, chị nghe thấy hả?

- Có chứ, nhưng hình như em chơi đàn một chặp, rồi ngưng, rồi chơi lại, phải không?

Như vậy là... Hai má tôi nóng bừng. Sốt cao. Quả tang.

- Em làm sao vậy? Sao tự dưng đỏ mặt tía tai vậy?

- Dạ... Không sao... Em hát to quá hả chị? Chắc làm phiền chị nhiều lắm? Em không ngờ... Em... em xin lỗi chị.

- Gì mà xin lỗi? Chị nghe riết, đâm ghiền, bữa nay mới đánh bạo bắt chuyện làm quen. Thấy em đi học, đạp xe ngang nhà hoài. Tiếng là hàng xóm, mà nhà nào cũng kín cổng cao tường, có biết ai là ai đâu nè...

Thở phào. Nhưng tim vẫn rậm rịch nhanh nhịp. Vì giọng nói ngọt ngào? Vì mùi mồ hôi gây gây? Vì khuôn mặt sắc sảo lần đầu được nhìn rõ nét?

- Em ơi, bữa nay đi chợ mua nhiều đồ, về tới đây giỏ đứt quai, nhờ em phụ một tay, xách dùm chị chút xíu được không? Ghé qua cho biết nhà chị luôn.

- Dạ, tưởng gì... Chị để em.

Trái tim tưởng như có thể bơm liền một mạch hàng ngàn lít máu. Chiếc giỏ đầy ắp

thức ăn nhẹ bỗng giữa đôi tay ôm, tôi bước trên những phiến mây xốp, theo chân chị Ngân, vào nhà.

- Cảm ơn em. Thiệt, chị loay hoay này giờ mà không biết phải làm sao. Hên, cũng vừa đúng lúc em ra tới. Một không cung? Uống miếng nước nhen?

Tôi nhận ly nước mát lạnh. Mấy ngón tay chị Ngân còn để lại dấu vết giữa những chấm nước bám quanh thành ly. Nóng ấm. Tôi uống một ngụm. Dòng nước trôi xuôi, ngược chiều với lượng máu nóng cứ từng đợt từng đợt bị đẩy ngược. Chị Ngân ngồi xuống cạnh bên. Đôi mắt ươn ướt.

- Chị hỏi thiệt nhen. Chị để ý thấy, bữa nào chị tắm giếng, là em đang đàn rồi ngưng. Tới hồi tắm xong, vô nhà một chập, chị mới nghe lại tiếng đàn. Em... em dòm chị tắm, phải không, nói thiệt đi!

Ú ớ. Đôi mắt đen sát gần hơn. Tôi cúi gằm mặt. Hơi thở chị Ngân phơn phớt.

- Em... cũng có thích dòm chị tắm không?

Gần kề lắm rồi. Mắt tôi chỉ vừa kịp ngược lên, quét vội qua cánh mũi nhỏ đang phập phồng, đôi môi đã bị hút chặt ngay vào khoảng son nhạt vừa hé mở. Chị Ngân ôm cứng lấy. Tôi, con mồi khờ khạo, không may may kháng cự. Tay chị Ngân lướt lướt, mở tung tôi. Tay tôi xuôi ngược trên những khoảng da thịt muốt trắng mà trước giờ chỉ dám vuốt ve bằng mắt, sau khe cửa hẹp. Đôi vú nhỏ vênh ngọn, đỉnh tròn cứng đỏ. Tay tôi úp trọn lên đó, đúng vào chỗ từng vết ngón của anh Khương. Những ngực trần french cancan nhảy ra khỏi khung hình đen trắng, mềm mại tung tẩy. Trước gương bàn phấn, bao giờ cũng sẵn sàng chiếc ghế thấp. Chị Ngân đặt bàn chân phải lên đây, lấy đà đẩy ngược người, cuốn tay kéo đầu anh Khương xuống, tìm môi. Chân tấn chắc, tay không ngưng nắn bóp, phần thân sau săn cứng của anh Khương nẩy đẩy liên tục, nhịp nhàng. Gõ nhịp đều trong tôi. Nhập. Nhập. Nhập. Có những quãng nghỉ. Có những vuốt ve. Tay bỏ rơi đôi vú nhàu đỏ, xuôi xuống phần bụng dưới rốn. Môi rời nhau, họ nhìn vào gương, uốn éo, mắt khép hờ, tóc bời rối. Rồi lại dữ dội nhập cuộc. Chân tay chẳng buộc, ghì níu. Nhập, nhập, nhập. Lưng cong. Ngực dướn. Chân dạn. Mông thúc. Nhập. Nhập. Nhập. Tôi xuất tinh, như đã từng, trước, đồng thời, hay chỉ vài giây

sau khi anh Khương sững đứng, đỡ trọn tấm thân mềm oặt của chị Ngân khuyu xuống, thịt da và tóc dài đổ nghiêng. Tôi chẳng giữ gì được riêng cho mình những rung cảm của lần làm tình đầu tiên ấy, cứ như đó chỉ là sự lặp lại chuyện tôi đã thấy được sau khe cửa sổ phòng mình nhiều đêm, chỉ có điều, lần ấy, tôi thủ vai gã đàn ông, háo hức lao trọn vào vùng tóc da nồng nàn, thay vì chỉ biết bắn loạn hực lên, rồi bật ngã ngược vào bóng tối, một mình, người ướt đầm từng vết.

Những đêm thoảng ngọc lan rơi nhịp đàn lạc giọng hát của tôi từ ngày ấy thừa thốt hẳn đi. Những đêm cuồng hoan mê đắm giữa thịt da nhể nhại của chị Ngân tăng dần lên. Tôi không còn phải leo lên căn gác lửng thụp nhìn chị tắm nữa. Tôi đến tận bên hàng rào cuối vườn, chân đạp lên ngôi mộ hoang, tay níu chắc khế, dướn người mê mẩn nhìn mái tóc và thân thể chị đầm đìa nước. Đợi một tiếng gọi khẽ: Qua đây, cưng! Chân phớt nhẹ trên lối sỏi. Quài tay cuốn hờ vòng xích sắt. Tôi lẩn vào đêm. Bóng tối đồng lõa. Người đàn bà mở thân đón vào, dạy yêu. Ngày cuối tuần, tôi quên thói lang thang tụ tập với lũ bạn học, nằm lơ mơ trên nền mộ cỏ, dưới bóng râm những chiếc lá thuôn của cây khế già không còn đơm nổi quả, nhớ đến từng tê mê đắm đuối của đêm hôm trước, đêm hôm trước nữa. Đôi khi, vài bông hoa tím tím xoay vòng rồi đậu xuống đầu đây quanh chỗ tôi nằm, ở trên chỗ nằm của ai đó, từ rất nhiều năm trước. Ông bà kể lại, cả khu xóm này, khi xưa là nghĩa địa của người Hoa. Sau khi thân nhân dỡ mộ, ông bà mua đất, cất nhà gần xong mới khám phá ra ngôi mộ cỏ còn sót lại, vô thừa nhận, khuất dưới bóng khế cần. Mộ không có bia, không khắc chữ, không đeo đục, không phù điêu chìm nổi, chỉ phẳng mặt, với vòng tròn Âm Dương xéo góc trái, phía góc khế. Khối Dương dính cứng vào mặt mộ, trái lại, mảnh Âm nhẵn thín, mát rượi như một viên cuội biền, chỉ chạm nhẹ đúng ba lần vào đỉnh nhọn rồi nạy khế là bật lên ngay, để lộ vết hõm xanh rêu, ở giữa thêm một trũng sâu tròn xoay, đủ lọt viên bi cỡ lớn. Thỉnh thoảng, tôi lại nổi hứng ấn ngón tay cái vào đó, nhắm mắt lim dim tưởng tượng tới lúc đột nhiên sẽ bị hút tuột vào cái lỗ bé xíu ấy,

rơi sâu vào đất, vào tầng tầng thời gian đã mất, để đi tìm lại chân dung của kẻ nằm phía dưới, vô danh, vô ảnh, vô hình tướng. Chị giúp việc thì thảo kê: cây khế có ma, tóc dài đóng đưa những đêm trắng sáng. Tôi lục tìm trong đồng sách cũ ở đường Calmette, mua được nguyên bản quyền Dracula của Bram Stoker, đợi khuya, mở cửa phòng, mở sách, hết đêm này qua đêm khác, vừa đọc vừa nhìn về cuối vườn, đợi ma về. Chẳng thấy đâu. Cho mãi đến khi đấm đuổi thịt da, hồn phách tản lạc từng đêm quanh gốc khế.

- Mày kể tiếp đi. Thằng đó kếp nhí bà chủ quán. Rồi sao nữa?

- Thì tao nói rồi, chả đa hệ, bỏ luôn với chồng bà, lão Khương làm trên Quận đó.

- Gì kỳ vậy mày, bộ bà không biết sao, rồi không ghen sao?

- Tới tao còn biết, bà không biết sao được! Đã không ghen, mà còn ôm chằng chằng lấy nữa, mày không thấy sao?

- Chuyện ngộ há, tao mới nghe lần đầu. Mà rồi.

- Nghe đồn vợ chồng họ khoái « cặp ba » từ lâu lắm rồi, lâu lâu lại thái kếp nhí cũ, tuyên kếp nhí mới. Bà vợ thì cứ ôm cứng lấy thằng kếp ngoài đường, còn ông chồng bá vai, khoác cổ, chén chú chén anh với nó trong quán nhậu. Lối xóm nhìn xôn con mắt, nhưng rồi thấy họ cũng chẳng đụng chạm tới ai, lâu dần thành quen. Nhưng, mày biết mà, trước mặt nói cười hơn hớn, sau lưng vẫn chưa ngót xâm xỉ! Tao thỉnh thoảng rồi hơi, lại ngồi tưởng tượng tới cái cảnh cả ba cùng leo lên giường, rồi không biết ai nằm trên ai.

- Mày!

- Mày mày cái gì, còn làm bộ mắc cỡ nữa, muốn coi phim không, tao kiếm cho mà coi, vô khối!

- Thiệt hả? Thấy ghê thấy mô! Mà chuyện trong phim với chuyện ngoài đời đâu có giống nhau.

Tôi đau. Bụng quặn thắt. Nước chua dâng lên nhơn nhợn ở cổ. Những cục đá nhỏ đã tan mất giữa ly nước nâu. Torna a Surriento. Tiếng mandoline cuộn sóng nước biếc thành Vienne đổ vào đêm sâu da diết khúc tình ca Ý. Lời thầm thì to nhỏ của hai cô gái bàn

bên đã vô tình mở tung cửa đập, tháo ộc khối cảm sợ nén chặt bao năm, đột ngột toang vỡ nhầy nhụa trong tôi. Rùng mình. Nòng súng lạnh rợn khoảng da non sau gáy. Mày nằm im, dầy một cái, tao bắn vỡ sọ. Từ lúc nào, tay chân chị Ngân đã ghì cứng lấy tứ chi tôi. Từ lúc nào, anh Khương đã lẳng lẳng đến sát bên giường. Không nghe tiếng xe. Không tiếng gọi cửa. Chị Ngân vừa nhả khế: Qua đây, cưng! bên hàng rào kia mà. Mặt vui sâu vào mớ tóc dày, tôi run bần bật, tưởng tượng đến khoảng lưng ếch bóng nhẫy bị đóng căng trên mặt bàn thí nghiệm giờ sinh vật. Con ếch-tôi trần trụi trơn mượt mồ hôi đang nằm phơi thân giữa đêm Sài Gòn cúp điện, tay chân bị trói nghiêng vào một thân thể đàn bà. Tiếng chị Ngân làm thâm bên tai. Cưng ngoan, nằm yên, nghe lời anh đi. Giọng gã đàn ông gần rít. Mày giỏi, mày giỏi, dám vào tận đây đeo con đĩ ngựa, thẳng ranh. Tới nay mày chết với tao! Nhổ toẹt một bãi. Thêm một bãi. Dòng nước sệt chậm chậm chảy xuống giữa hai móng. Tôi tởm, dầy. Khối thép đột ngột ấn xuống. Thốn buốt. Tao bắn lòi ruột bây giờ. Cho cả mày và con đĩ ngựa chết chung một mẻ. Nằm im! Tôi mù mịt đi trong tiếng thì thầm đều đều như lời kinh tụng thoát ra từ mái tóc dày, trong cái gờn gợn nổi da gà của chất thép đóng đưa nhần nhả, trong bóng dáng chồn vờn của gã đàn ông in đen trên tường đang lay động theo từng cơn gió hắt quanh ngọn lửa đèn dầu, cái bóng chỉ chực chờ đổ xuống theo tiếng tháo thất lưng, tiếng kéo fermeture, tiếng quần tuột. Tôi cảm nhận được sức nặng và hơi thở hôi hôi của chiếc bóng đang dề dãn xuống lưng. Trên tường, chiếc bóng đang vươn dài hai tay kéo ngược vai tôi, cong lưng phù ợp. Quẩy một cái, đầu gối tôi co gập, quất đúng phần bụng dưới, bắn chúi gã đàn ông vào góc phòng. Thân thể người đàn bà chơi với, nắm níu, khua tìm, kéo đổ ngọn đèn dầu vào tấm màn cửa. Loang lửa. Bén phùng. Có tiếng thét. Tôi tung đẩy, lao tuôn, thân truồng băng vọt. Cửa chỉ khép hờ, ổ khoá móc toong teng vào sợi xích sắt. Tôi mở, tôi mở, không hiểu cách nào lọt được về phòng mình, trùm kín chắn run bần bật giữa tiếng í ới náo động gọi nhau chữa cháy của dân trong xóm. Đêm hực nóng. Tôi chờ hỏa ngục. Khét. Khỏi. Ngộp. Ánh sáng vẩn vẩn

uốn éo. Bóng tối nhập nhòa chấp chới. Tôi muốn chết, chết thiêu, chết cháy, chết cho tiêu biến hình hài, cho mất dấu nhục nhã, cái đau, cơn hãi. Tôi cứ thế bị ông bà lôi ra khỏi giường, lếch thếch quần quanh người mảnh chắn mỏng, ngơ ngác nhìn ngọn lửa nhà hàng xóm lụi dần. Bàn chân phải vấp đá, toạc da, toé máu, giờ mới thấy đau. Ai đó đứng gần bên chép miệng: Thiệt may, trời còn thương, đêm nay đứng gió!

Cây khế khô kiệt dần, lá quắt lại, rụng từng vốc, trơ cành đen điu. Chị Ngân dọn đi mất. Vài tháng sau, đến phiên gia đình tôi rời con hẻm. Chuyên dời. Gần ba mươi năm. Ông bà đã nhắm mắt. Con đường đất gập ghềnh nay tráng nhựa phẳng lì. Hàng rào tre xanh nhà cuối xóm giờ đây ngheêu ngện bức tường cao cấm đầy mảnh chai nhọn lều. Trại bán cá kiểng của gia đình « ông cùi » biến thành khu vui chơi giải trí. Ngôi trường tư thục nhỏ thành quán ăn hạng sang, có đầu bếp Tây Cordon bleu hẳn hoi. Và tôi ngồi đây, trong quán cà phê « Cổ Mộ », nhìn thấy lướt qua bên mình những bóng ma của quá khứ. Hai cô gái bàn bên đã bỏ về từ lâu. Quán vắng dần. Tôi đứng dậy, đi tìm. Đổi thay nhiều quá, nhưng tôi biết, ngôi mộ cổ vẫn còn đó, nơi cuối vườn, đã biến thành một phần của khung cảnh, đã được đưa cả lên bảng hiệu, để phân biệt mảnh đất lô nhô bàn ghế này với ngàn vạn quán cà-phê vườn khác của thành phố. « Cổ Mộ ». Nó nằm đó, thêm tượng, thêm bụi cây lúp xúp, vòng hoa vòng vèo viền quanh. Cũng có vài cặp tình nhân đang quấn lấy nhau trong góc khuất. Nhưng chắc đâu ai biết được cái bí mật tình cờ chỉ mình tôi biết, vì mảnh Âm mát mịn như viên cuội biển vẫn nằm yên đó, khít khao bên khối Dương khắc cứng vào mặt mộ. Không còn cây khế. Chẳng còn chị Ngân tắm đêm bên kia hàng rào để tôi dướn người dòng tai đợi lời mời gọi ngọt ngào: Qua đây, cưng! Cái bóng ma vừa lướt ngang chỗ tôi ngồi khi nãy đáng lẽ đã phải chết cháy trong trận hỏa hoạn năm xưa. Tôi vẫn sung sướng đến nỗi gai ốc mỗi lần nhìn ngọn lửa bếp gaz bốc phụt lên, hay ánh xòe xanh biếc vụt chuyển sang vàng cam khét lẹt nơi đầu que diêm. Bọn họ, cả hai, phải chịu tội chết, cháy tiêu mỗi lần tôi nổi lửa. Ngọn lửa khiến tôi tự tin hơn, nó xóa vết

nổi nhục, sự sợ hãi, cái mặc cảm tự ti của một đứa bé biết mình không bao giờ có thể trưởng thành nổi. Mùa thu, tôi chỉ chờ dịp để gom lá trong vườn, thêm giấy, thêm cành khô để phóng lửa đốt. Hả hê nhìn thấy trong đám teo tóp cong cuộn xạm đen đi đó những cánh tay mái tóc chiếc bóng nòng súng mảnh gáy ngấn vai đôi môi đầu vú nhịp thờ bờ mông bấp chân vòng ngực quấy lộn hoảng hốt khốn đốn cầu cứu hăm dọa thét gào van xin khóc lóc ngạt thở dẫy dụa oằn người chết ngất. Lửa. Trùng trùng về bùa vầy. Vươn lười tham lam. Ngùn ngụt ngón ngấu. Rùng rục nuốt trọn. Cháy đen. Tiêu biến. Vung vãi. Mất dấu. Xóa sạch. Xóa hết. Xóa hết!

Ôm đầu gối bệt xuống nền mộ lạnh. Bao hình ảnh quay tròn, xoay tít, thít thắt. Vòng gai úp chụp xuống. Vương miện khổ hình đôi Sọ. Máu hay mồ hôi đang túa ra từ mỗi chân tóc, ròng rọc chảy tràn qua mặt, ướt đầm cổ áo, cánh tay, khoảng lưng. Tôi nhóp nhép trên từng phân vuông da thịt, tôi cần nghe tiếng nước sần sật xối bên sần giếng, tôi cần được tẩy rửa cho thoát khỏi cả sự nhục nhã lẫn nỗi căm thù cứ ám ảnh mãi bao năm, cứ đè chặn lên quá khứ èo uột đã bao lần gắng gượng thoát vùng tối ám vượn tìm ánh sáng. Tôi đang ngồi ở đây, để làm gì? Để lục lọi bụi tìm những tàn tích đã cố lấp sâu cho khuất mắt? Hả hê đau đớn, tiếng thét dội ngược âm âm trong lồng ngực. Để vô tình nhìn thấy chị Ngân lướt qua ngay trước mặt, mắt môi âu yếm gã trai tơ? Để vô tình nghe nhắc đến cái tên Khương, và biết rằng cuộc sống vẫn đang tiếp diễn, cả nạn nhân, hung thủ và đồng phạm đều bình yên sống sót. Bình yên sống sót? Tôi không bình yên, làm sao họ có thể thân nhiên vui sống được?

Đêm Sài Gòn vẫn hùng hực. Và tôi thấy những đầu ngón tay mình ngùn khói rồi phùng phùng rực đỏ.



Cổ Ngư

Người Con Gái Của Quốc-Mẫu

Nguyễn Văn Thà

Văn đã hứa với Nga một hôn lễ, Nga bảo, không cần lắm, Văn hứa với Nga một đám cưới, Nga bảo, cũng không cần lắm, chỉ cần hai đứa được sống chung với nhau. Sao lại không, khi hai người yêu nhau đến mức ấy?

Văn ra tù. Về tới nhà, mấy đứa cháu reo lên: Cậu về, cậu về bà ngoại ơi! Những đôi mắt hàng xóm từ trong nhà họ nhìn ra ái ngại, và anh cũng không thấy mẹ ra đón đầu ngõ, lú lú cầm tay dẫn anh vào mái ấm nhà xưa như trong những tháng ngày tù tội anh vẫn hình dung. Anh hơi ngạc nhiên vì hồi ở tù, ngoài gia đình thăm nuôi đã đành, Văn còn nhận được những lời hỏi thăm của bà con xóm và những món quà nho nhỏ kèm theo: bình dầu trầm, hũ ruốc sả, túi khoai deo..., có anh hàng xóm còn gửi tặng cuốn từ điển Nga - Việt, tuy nhiên từ hồi mấy người cùng làng được thả, cô em gái, như những lần trước vẫn thay gia đình lên thăm, nhưng qua vẻ mặt buồn buồn của nó, anh biết có cái gì đó không ổn, nhưng Văn không dám hỏi, và cũng không muốn hỏi.

Văn vừa vào nhà đã thấy mẹ mình ngồi trên sập gụ, nghiêm trang khác thường, và bà đánh mặt lại: "Mi không được lấy cái con đầu trộm đuôi cướp đó. Mi mà lấy, tau cắn lưỡi tau chết!"

"Cái con đầu trộm đuôi cướp" đó còn có cái hõn danh là Nga-đòn-gánh, vì theo như lời chào xáo trong trại tạm giam thì cô nàng đã dùng đòn gánh đánh người để cướp xe đạp, nhưng ai cũng phải công nhận cô nàng là một người con gái có nhan sắc, vì ngoài bàn tay ngà muốt mềm như bàn tay của những người nữ trong tranh Đinh Cường, Chagall, nàng còn có một khuôn mặt đẹp mà nhu mì người nhìn vào lòng liền hiền lại, điểm nút ruồi duyên nâu nâu góc trái cằm. Da nàng trắng đến độ lác lõng giữa những người tù nữ. Thân hình cao ráo, khỏe mạnh khá Tây Phương. Cô nàng bận những chiếc áo bà ba lụa trắng, hoặc màu mỡ gà ôm nhẹ một vùng ngực nhiều sức sống.

Có ông cán bộ chấp pháp vụ án của can phạm Phạm Phi Nga đó, mặt rỗ, đen sì, người Thanh Hóa, hay rả rả đến "động viên", "giáo dục" can phạm Phạm Phi Nga những khi tổ chăn nuôi chỉ có một mình người tù "đầu trộm đuôi cướp" đó. Văn xưa nay vốn nhất gãi, (vì thế có cái dáng mà ai cũng tưởng là nghiêm trang, đứng đắn,) vậy mà bỗng một hôm đánh bạo, bất chấp bị cùm, và nhất là bất chấp bị ê mặt, liều vào tổ chăn nuôi (heo) và cấp tốc thông được mấy câu sao đó mà cô nàng Nga phải buông một lời mà chỉ con gái Việt Nam mới thốt được: "Anh ra đồ gánh phân cho rau đi, kéo cán bộ bắt được, anh bị nhốt biệt giam, làm Nga khổ đó!"

Văn ra hòa nước vào thùng phân, chăm chỉ tưới kỹ càng từng gốc cải xanh nơi luống rau gần chuồng heo, rề rề thiệt là rề rề, đến nỗi cái anh cán bộ bảo vệ đang gác trên chòi phải quát to lên: "Anh kia, đồ phân, đồ mau mau đi. Làm gì mà lè mề vậy!?" Mấy anh tù khác đang nhò cò, vun vòng khoai đằng đầu vườn, ngoái cổ nhìn về phía chuồng heo cười hề hề, có anh còn ngửa miệng: "Đ.m. Cút bộ nước hoa hay sao mà ông Văn cứ rề rề!". Văn cười một mình rồi thung thảng gánh đôi thùng phân về nhà giam tập thể, nhưng đi được một quãng, tự dưng anh dừng lại, gãi đầu lẩm bầm:

"Làm khổ Nga đó! ý là sao chứ!? Có phải là Nga khổ vì sẽ bị cùm biệt giam lây, hay là Nga khổ vì thương mình bị cùm? Nói năng thiệt không có cú pháp gì ráo trội..."

Đêm hôm ấy, Văn trần trọc.

Nhưng đáp án có ngay.

Sáng sau, khi gánh phân ra, lén nhìn vào chuồng heo, Văn thấy Nga quay lưng vào thái chuối heo như không. Ế mặt.

Vòng về, lê bước chân gánh đôi thùng phân rỗng vừa nặng vừa thú, đi qua chuồng heo, thì nghe Nga kêu xì xầm: "Anh Văn.", Văn ngược mặt lên, đứng sững lại. Nga nhìn trước nhìn sau, rồi ném ngay một xấp rau gì đó vào trong thùng (phân).

"Trời đất, ai lại ném rau vào..."

Và Nga mỉm cười, nụ cười đầu đời khó phai.

"Anh kia, quan hệ nam nữ bất chính hà! Cùm đầu bây giờ!"

Mấy anh tù làm đảng kia lại cười to, cười chế nhạo thấy rõ, vì họ tuy ở tù, nhưng phẩm giá của họ họ tự cho vẫn còn kha khá, và lòng vẫn hãnh diện về những người vợ phẩm tiết đang chờ họ ở nhà, những nàng nữ sinh áo trắng ngây thơ, trinh trắng của một thời hào hoa, kiêu hùng của họ. "Con nhỏ Nga đòn gánh ngửa nghề hay sao mà! Hê hê hê!", "Cái ông Văn trí thức mà..."

Văn ghé giếng súc thùng ngay, và khi cúi đầu nhìn vào trong thùng thì thấy một xấp lá khoai lang lá lớn lem nhem phân. Lá trên cùng, Văn thoáng thấy có những vết chấm chấm như chữ viết, và đúng là chữ viết, mà là chữ Pháp, chữ COMPRENDRE. Văn cúi càng sát thùng (phân), vạch lá thứ hai: C'EST; lá thứ ba: DÉJÀ, lá thứ tư: AIMER, và lá cuối: NGA. COMPRENDRE, C'EST DÉJÀ AIMER. NGA (HIẾU LÒNG, ÁY CŨNG ĐÃ LÀ YÊU NHAU. NGA) (1)

Văn run bắn cả người.

Lúc về buồng giam tập thể, bước chân Văn dĩ nhiên là không nặng nề, nhưng cũng không thung thăng, mà trầm trọng, trang nghiêm như đang bước lên lễ đài đăng quang.

Về đến buồng giam tập thể, Văn lén đưa cuốn từ điển Nga -Việt dày cộm vào ngăn cầu tiêu và cẩn trọng nâng niu ép vào đó khế ước hôn nhân đầu đời của hai người. (Văn trước đó lấy kim cửa nhẹ vào lá khoai lang cuối chữ Văn cạnh chữ Nga - trong cầu tiêu.)

Rồi Văn phải chuyển trại, và Nga thời gian sau cũng chuyển đến một trại khác. Thế là họ xa nhau, biết tin nhau, nhưng khế ước hôn nhân lá khoai tưới bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu vẫn mãi mãi cạnh Văn, như phẩm tính trọng vọng muôn đời của mẫu nhiệm lứa đôi.

**

Mẹ của Văn mất, và Văn không có mặt hôm mẹ chết. Mãi mấy năm sau, Văn mới về được. Anh em ở nước ngoài cũng như ở Việt Nam, giờ ai cũng có của ăn của để, trừ Văn. Họ khinh Văn ra mặt, mà họ khinh cũng phải, vì cha mẹ và chính họ đã đổ mồ hôi sôi nước mắt mới có tiền để cho Văn ăn học, khi qua được bên kia, họ cứ nghĩ Văn sẽ làm lương "lãnh cả bao bố", vậy mà tới giờ chẳng ra ông ra bà nào cả, chẳng giúp gì họ (những người ở Việt Nam) "được đồng xu teng" (dù có giúp chút ít), lại còn ăn nói ngang ngang. Họ nói trước khi mẹ mất, mẹ trách Văn. Nhưng Văn nói, Văn không tin như vậy. Trước khi chết ai mà còn giận gì được, nhất là người đó là mẹ. Quả vậy, lựa lúc vắng

người, cô em gái thứ năm vẫn hay đi thăm nuôi anh, kéo anh ra một góc, ứa nước mắt:

"Mấy người đó nói điều đó, anh Văn ơi. Mẹ nói mẹ thương anh nhất, vì anh là người hay thương người mà cứ gặp khổ hoài. Mẹ còn ân hận đã làm khổ anh khi mẹ nhất quyết không cho anh lấy chị Nga. Mẹ trời là anh phải cố gắng đi kiếm cô ấy, và cho mẹ xin lỗi chị ấy."

"Thì mẹ thương anh, mẹ có ý tốt muốn anh có người vợ đảng hoàng mà, dù là đảng hoàng theo kiểu của thế hệ mẹ."

"Hồi mẹ nằm bệnh viện trước khi mất, có cô y tá chăm sóc cho mẹ tận tình đặc biệt. Đút cháo, thay tả, đổ ống bô cho mẹ."

"Hà? Chuyện gì mà như chuyện đời xưa vậy. Anh đọc báo nghe nói ở Việt Nam bây giờ, hễ vào nhà thương mấy cô y tá, mấy ông bác sĩ con bệnh nhân như rác mà."

"Thì cũng có chuyện đó, nhưng mẹ có tiền ai mà dám khinh, nhưng cô y tá này làm những việc ngoài nhiệm vụ của cô, mà làm tận tình."

"Gì mà như chuyện đời xưa vậy!"

"Xưa với nay gì, chuyện nhân tiền mà. Em có nuôi bệnh mẹ mà."

"Chị ta chăm sóc tận tình đến nỗi có bữa mẹ vui, mẹ nửa đùa nửa thật: 'Cô mà làm dâu ai, người đó thiệt có phước. Tui có thằng con trai mà nó lại cứ giang hồ tứ xứ, không, tôi bắt nó cưới cô.' Nghe nói vậy chị ấy mỉm cười, rồi ôm mặt khóc nghẹn, chạy ra khỏi phòng bệnh. 'Tau làm chi mà cô nỡ khóc!' Mẹ hoảng hốt nói với em."

Văn run người:

"Vậy trên ve ngực không có bằng tên à!"

"Em không để ý. Mà hình như không có. Và anh biết không: Có người thấy vậy, không biết sao, bảo con nhỏ y tá đó là người Hồi giả vờ săn sóc vậy để yếm mẹ? vì khi mẹ gần qua đời bụng mẹ sinh lên khá to."

"Bậy không hà! Cứ nghi oan cho người ta."

"Thì người ta nghi bậy vậy. Chứ em không tin như vậy. Mẹ cũng vậy, ai nói mẹ cũng gạt hết: 'Bệnh tui tui biết. Mấy chị đừng nói vậy mà oan cho người ta, nhất là người đó lại là người ra ơn cho mình. Bác sĩ họ nói tui bị bệnh tiểu đường, lại viêm gan, bụng mới to như vậy. Tui là người Công giáo, tui không tin những chuyện bùa yếm đó mà có tội.'"

Văn sàng sốt:

"Nhất sinh u tứ vị tăng khai!" (Nỗi buồn thấm kín một đời chưa được tỏ) (2)

Em gái văn hoảng hốt:

"Anh lại lên cơn nữa rồi. Em nghe nói ở bên nớ, anh buồn anh cứ hay nói chữ."

"Lamun lo, urang gòk-katok

Muk glauw kauk poh panwoch mayit-mayow

Brei ka thow: mừng ngauk hluk dunya.

Munwiss - ssa praung ssit libik makna Umat po!"

(Quá hiền lương, lắm người trần bác

Dụng trí thông mở ngữ giao lưu

Rằng hay trên quả địa cầu:

Mọi người lớn, nhỏ tận cùng Chúng sinh) (3)

**

Văn đi bộ dọc bờ biển từ sáng từ làng anh đến đến làng Cù Ti. Thuê xe ôm cũng được, hoặc đi xe đồ, nhưng anh muốn đi bộ, đi chân trần trên cát biển mấy chục cây số cho đã, bù lại hồi ở bên ấy, lạnh quanh năm lúc nào cũng phải đi giày, lúc nào cũng xe, cộ, và nhất là trả thù cho thuở ấy phải lắm lét mỗi khi đi qua quãng bờ biển vắng vẻ này. Và anh cũng muốn đi Cù Ti để thăm mấy người bạn tù người Chăm ở đó. Anh càng đi bước chân càng nhẹ. Và giờ đây cả bãi cát dài hút mắt kia chỉ có bóng anh trước mặt trời đang thấp. Gió cát, bọt sóng, chóng chóng biển lằng quăng. Tiếng chim biển kêu chiu chít vô tích sự. Văn ngồi nghỉ trên vạt rau muống biển ven động cát, nheo nheo mắt nhìn mặt trời thấp. Từ đằng xa có hai bóng người nhỏ xíu đang đi lại về phía anh. Lại thật gần, anh mới nhận ra đó là hai đứa trẻ, một đứa trai vai vác tay lưới cước kéo bờ, đứa gái xách cái vọt đựng cá.

"Chào hai cháu, hai cháu ở đâu?"

Đứa gái cúi đầu không nói, đứa trai nhanh miệng.

"Dạ ở Cù Ti." Giọng lơ lơ.

"Các cháu không phải người Kinh?"

"Dạ không, tụi cháu là người Chăm."

"Vậy hả, mà con ai?"

"Con ông Tạng"

"Vậy hả, mà nhà cháu còn xa đây không?"

"Dạ không, đi hết dãy dương là tới, đầu làng Cù Ti đó chú."

"Hai cháu đưa chú đến đó được không?"

"Dạ chưa đủ cá nấu canh chua, tụi cháu chưa về được."

"Chợ bây giờ còn họp không?"

"Dạ còn, giờ này thuyền chài mới vô mà! Mà chi vậy chú?"

"Thì ở đó nhiều cá, các cháu với chú đến đó bắt cá cho lẹ"

Con nhỏ gái bụm miệng cười, thằng con trai cười ré:

"A, cháu hiểu rồi."

"Hiểu gì, nói nghe coi?"

Thằng nhỏ không trả lời, chỉ cười. Đứa gái đập vào vai thằng con trai:

"Chú bảo tụi mình đến đó mua cá mà anh không hiểu hả?"

"Hiểu chớ sao không mậy!"

"Đúng rồi, dẫn chú đến Cù Ti, chú mua cá về

nhờ má các cháu nấu canh chua cho chú ăn. Chú đang đói bụng đây nè!"

"Chú quen nhiều người Chăm hả?"

"Ừ."

Văn mua con cá thu thật to, và theo hai đứa nhỏ xách về nhà của Tạng. Ông Tạng đang ngồi trên phản trước hiên nhìn vu vơ. Ông nhìn ra, hai đứa nhỏ chạy lại xì xào tiếng Chăm với ông.

Văn lên tiếng:

"Văn đây anh Tạng à! Có nhận ra tôi không ông hoàng Champa?"

"Văn nào?... A, nhớ rồi. Văn tổ phân bắc trại tạm giam Hàm Cá phải không?"

"Đúng rồi." Và Văn chạy lại lại ôm ông, vỗ vai ông. "Lâu quá mà! Khoẻ không?"

"Khoẻ thì không khoẻ, nhưng sống được. Bộ về đây thăm bồ cũ hả? Tui nghe anh vượt biên lâu rồi mà."

"Tui vượt biên mười năm rồi. Mà anh nói bồ cũ gì vậy?"

"Thì cô Nga của anh hồi xưa làm tổ chăn nuôi với tui không phải là bồ anh à! Tui là người đưa thư tình giùm anh mà, bộ anh không nhớ sao?"

"Nhớ chớ sao không? Mà cô ấy ở đây hả? Thiệt không vậy?" Văn dồn dập.

"Thì ở Cù Ti chớ ở đâu. Mà muốn vào chơi ăn cơm, rồi tui đưa anh đi, hay là đi bây giờ."

Văn ngập ngừng, gượng gạo:

"Chờ cả mười năm, chờ thêm nột chút đâu có sao! Hôm nay tôi đến Cù Ti để thăm anh và mấy anh hồi nằm cùng buồng, chớ đâu biết cô Nga ở đây mà đi thăm."

"Ngon ha! Thôi anh em cả mà, tui hiểu. Anh uống miếng nước rồi đi... Mà thôi, tôi chỉ đường cho anh đi cũng được. Anh cứ đi miết, tới nhà trường, rồi hỏi tiếp, nhà cổ gần nhà trường."

"Anh lúc nào cũng điệu nghệ."

Ông Tạng cười:

"Trời ơi, tui là dòng dõi họ vua I-đra-vác-man đó nghe chưa ông!"

Ông vỗ vai tiễn Văn đi, và đột nhiên ông nói với anh, nghiêm nét mặt lại như những lần ông giảng áo nghĩa thư Chăm cho anh trong tù:

"Này, anh Văn! Nhìn vào người đàn bà, sẽ hiểu Balamôn, hay nói kiểu người Kinh của các ông: Nhìn vào đàn bà sẽ hiểu lẽ Càn Khôn, vì mọi mẫu nhiệm vĩ đại đều xảy ra nơi người đàn bà."

"Anh có ý nói gì?"

"Rồi anh sẽ hiểu. Thôi anh đi đi. Các bạn tù người Chăm vẫn nhớ tới anh. Họ vẫn mong ngày nào đó anh trở lại với con gái của Quốc Mẫu Champa."

"Anh có ý nói gì?"

"Rồi anh sẽ hiểu."

"Vâng." Anh ngoan ngoãn trả lời.

Văn đi về hướng ông Phạm Tạng chỉ, còn ông, ông trở lại, ngồi trên tảng đá ong góc vườn,

khép mắt nhìn biển, như những bức tượng Chăm chứa bao nhiêu nỗi trôi của đời trong đôi mắt đóng kín của mình.

Văn đi và người ta có thể thấy nơi anh bước chân của một khách hành hương. Văn bỗng ngược mặt, dang tay, hát to câu thánh ca ngày xưa, xưa lắm: "Kìa ai dong duỗi đường gió bụi, gánh sầu thương mệt mỏi hai vai. Về đây nấp bóng sao mai, về đây Mẹ sẽ ban nhiều yêu thương." Và Văn chạy, chạy, chạy. "Ông có biết nhà cô Nga ở đâu không?" Chạy, chạy, chạy. "Bà có biết...?" Chạy, chạy, chạy... "Em có biết...?"

Hỏi đến lần thứ tư thì thấy đứa con gái con nhỏ mặt hoa hiện ra ngay trước mặt anh: "Nhà cô trong kia kìa, nhà có vườn hoa đại đó."

"Hoa đẹp Champa... Hoa đẹp Champa..."(5)
Văn reo lên như trẻ thơ.

Con bé bụm miệng cười, má ửng hồng, nốt ruồi nâu nâu hiện rõ như niềm vui vội chen lên má.

Anh bước qua ngõ, đi vào nhà Nga không nặng nề, nhưng cũng không thung thảng, mà trầm trọng, trang nghiêm bước vào ngôi nhà cỏ nằm ẩn dưới vườn hoa đại trắng như đang bước lên lễ đài đăng quang.

Và khi tới nửa bậc thềm, cánh cửa liếp mở rộng. Nga đứng đó y nguyên, hoàn toàn y nguyên, vẫn nụ cười không phai, nụ cười vẫn còn đọng lại đó tươi nguyên như những ngày đầu tình rạn tổ chăn nuôi, vẫn chiếc áo chiếc áo bà ba lụa trắng ôm nhẹ một vùng ngực nhiều sức sống.

Hai người ôm nhau, khóc. Nga khóc nhiều, Văn khóc xem ra nhiều hơn.

Họ không nói gì cả, họ chỉ khóc. Tiếng khóc bây giờ là nụ cười sáng khoáy nhất của những con người đã chiến thắng lẽ tầm thường, người tầm bậy. Và, người ơi, người có biết rằng nỗi lặng thinh, không gian rộng lớn, bầu trời xanh vút, nặng độ lượng, tất cả bây giờ là của họ? Và hoa đại nữa, hoa Champa vương giả của dân tộc Champa, hương bay lừng trong không gian, hương ướp người con gái anh yêu biệt biệt lớn, năm dài, quá dài trong cuộc đời rất đổi phù du. Họ không nói gì hết, họ chỉ ôm nhau, cho thịt da nói lời hoa cỏ, trời ơi, hoa cỏ mười phương.

"Comprendre, c'est déjà aimer." Nga thì thảo bên tai Văn.

"Hiểu lòng ấy cũng đã là yêu nhau." Văn thì thảo bên tai Nga.

Biết bao nhiêu điều phải nói.

"Gì thì gì em phải đi nấu cơm cho anh ăn cái đã Anh chắc đói bụng lắm rồi."

Nga làm cơm, chăm chút từng khúc cá, cọng rau, đến chén nước mắm chấm.

Hai người tạm gác một bên những ám ức,

những vết bầm, những lần roi quật trên họ suốt mười năm. Họ vừa lua cơm, chấm cá, húp canh chua, hít hà ớt cay, tay quệt mồ hôi. Văn sung sướng. Nga sung sướng.

"Hai đứa mình như đôi vợ chồng mới cưới."

Nga lờm yêu:

"Mới gì nữa, dễ chừng đã hơn mười năm."

"Ừ, mười năm, ba tháng, 14 giờ."

"A ha! Anh nhớ kỹ quá!"

"Sao không? Năm nào đúng ngày em trao chùm lá khoai, anh đều giờ tập khế ước lá khoai đó ra xem hết."

Nga buông đũa, lấy vạt áo chùi nước mắt.

"Em biết. Anh ăn đi kéo cơm, canh nguội."

"Ừ."

Rồi tới cái màn sang trọng: Văn ngồi chổng trước hiên hóng gió biển mát rười rượi, Nga bung bình trà mới pha thơm ngát, lại còn được ngồi xia răng mà không phải xem TV, thậm chí phải nhìn bức tường tro tro trước mặt trong bao mùa đông dài. Nga ngồi bên cạnh ăn cóc chấm muối ớt, xuýt xoa vì chua, hít hà vì cay, mấy sợi tóc nâu nâu dính mồ hôi ngang nơi trán. Văn nhìn Nga ăn chua, Văn cười, Nga cũng cười:

"Em hạnh phúc lắm!"

"Anh cũng vậy. Anh muốn ở lại đây mãi."

"Vợ chồng thì ở với nhau, chớ sao nữa!"

"Ừ."

"Anh ngồi uống nước trà, nhai kẹo phộng, em vào lấy cái này cho anh xem!"

"Ừ."

Nga đi vừa vào khỏi cửa, con bé chỉ đường lúc này ở đâu lại tới đứng dưới cây bông đại nhìn anh, gần đến độ anh có thể thấy được nốt ruồi duyên của nó.

"Nga ơi! Cái nốt rrr..." Không biết Văn nghĩ ngợi sao đó, ngưng ngang.

"Anh hỏi gì em vậy?"

"Không, không có gì!"

Một lúc sau lại có tiếng Nga vọng ra:

"Anh ơi, vào đây em cho xem cái này."

Văn đi vào, Nga dẫn vào căn buồng nằm phía chái nhà bên phải. Căn buồng bài trí trang nhã, và có nhiều tượng điêu khắc của Chăm cỡ nhỏ đứng trên các tảng đá ong nâu..

"A, đây có phải là những phiên bản của những tượng điêu khắc được triển lãm ở Viện Bảo Tàng Các Nền Nghệ Thuật Châu Á Guimet, Paris, trong ba tháng, từ ngày 12-10-2005 đến ngày 9-1-2006? Anh có đến xem."

Nga chỉ vào bức tượng nữ thần lớn nhất đặt giữa nhà:

"Vâng, mà anh nhìn kỹ bức tượng Quốc Mẫu đang giữa phòng, anh thấy như thế nào?"

"Trời ơi, giống em, giống em quá, từ khuôn mặt cho đến thân hình, đáng đáp."

"Thì em là con gái của Quốc Mẫu mà, em là

người Chăm.”

”Trời ơi, anh hiểu rồi, bây giờ anh mới hiểu những lời anh Tặng nói với anh trước khi anh đến đây.”

”Anh ấy nói gì vậy anh?”

”Các bạn tù người Chăm vẫn nhớ tới anh. Họ vẫn mong ngày nào đó anh trở lại với con gái của Quốc Mẫu Champa.”

”Anh ấy còn nói gì nữa không?”

”Có. Anh Tặng nói: Nhìn vào người đàn bà sẽ hiểu Balamôn, hay nói kiểu người Kinh của các ông: Nhìn vào đàn bà sẽ hiểu lẽ Càn Khôn, vì mọi mâu nhiệm vĩ đại đều xảy ra nơi người đàn bà.”

”Anh Tặng là đạo sĩ Balamôn đó.”

”Anh không hiểu.”

”Anh sẽ hiểu.”

”Mà ở đâu em có những phiên bản đó, lại còn cả tám bích chương.”

”Thì có người ta gởi cho em. Mà anh biết tại sao em biết tiếng Pháp không?”

Văn cười:

”Thì em là con gái Quốc Mẫu Champa mà, gì mà chẳng biết.”

”Em là nghĩa tử của cha Giraudon Merton. Hồi cha lập ra Trung Tâm Văn Hóa Chăm, em là học sinh ở đó. Thấy em thông minh, cha giúp đỡ đặc biệt. Sau đó, gia đình em giới thiệu cha với hậu duệ khác của các gia đình vọng tộc Chăm ngày xưa để sưu tầm các văn bản, kinh, những thẻ kinh lá dừa châm châm chữ Phạn, châm kiểu như giòng chữ em châm trên xấp lá khoai lang hồi đó đó, rồi các bi ký, các y phục hoàng gia, các đồ trang sức, có cái từ đời vua I-đra-vác-man I, khi Champa còn là một vương quốc thịnh vượng. Em cũng là người đã giúp cha sưu tầm, biên soạn ca dao tục ngữ của người Chăm.. Bù lại cha dạy tiếng Pháp cho em, và hứa khi em học xong trung học, sẽ đưa em qua Pháp học tiếng Phạn ở trường Ngôn Ngữ Đông Phương để sau này về giúp đỡ cha trong công việc phục hồi lại văn hóa Chăm. Mỗi lương duyên ấy là sự may mắn và cũng là đại họa cho em, cho gia đình em, khi quân nước Bắc Kỳ vào.”

”Anh biết ngay từ đầu, ngay những ngày còn ở trại tạm giam, nơi em tỏa ra một cái gì đó rất quý phái, vượt lên những tầm thường.”

”Cảm ơn anh. Cảm ơn anh đã hiểu em... Cha ra đi, chỉ mang theo được cuốn Từ điển Chăm - Pháp, và cuốn văn phạm Chăm, và phải bỏ lại tất cả. Cha trân trọng giao phó tất cả những đồ cổ cha sưu tầm được và những bản thảo còn biên soạn dở dang của cha cho em. Cha nói: 'Cha không tin người Việt vốn khinh dễ người Chăm, và nhất là những người Cộng sản miền Bắc, sẽ giữ được những quốc bảo này, vậy con hãy kiếm cách chôn dấu những thứ này, để chờ

ngày gởi qua Pháp bảo tồn. Con có biết không những tài liệu quý giá của Trường Viễn Đông Bác Cổ mà thời thuộc địa đã được các học giả Pháp khổ công sưu tầm và phân loại, gìn giữ, với sự khuyến khích và bảo trợ của chính quyền thuộc địa Pháp, bây giờ cũng đã thất thoát đi rất nhiều? Và thứ đến, cha không tin người Việt, vì họ là giống người tự tôn vô lối, kỳ thị vô cùng. Năm ngoái, mấy ông Việt Cộng đã cho người từ trong rừng ra lén lút thương lượng với cha, yêu cầu giao lại những quốc bảo Chăm mà cha sưu tầm, lại cho họ. Cha nói là cha đã gởi về Pháp từ lâu rồi, nhưng họ không tin, vì họ có nhiều liên lạc ở Pháp.' Trước ngày PR bị mất mấy ngày, em với cha Giraudon Merton dồn tất cả các cửa quý đó vào các thùng đại liên lớn, đem đi chôn một nơi bí mật. Khi cha đi rồi, thì có ngay một nhóm cán bộ có vẻ là chuyên viên khảo cổ vào ngay Trung Tâm Văn Hóa Chăm lục lọi, nhưng chẳng kiếm được gì. Còn em, em trốn vào Hàm Cá, ở với người Kinh, nhưng họ vẫn kiếm được em, và bắt em vào tra hỏi về những đồ cổ của cha, nhưng em nói, em không biết gì ông cố Tây đó.

Cái lão chấp pháp người Thanh Hóa rồi, mặt đen đó, nhân công an bắt vào trại các người tham gia cuộc khởi nghĩa, có cả *ngụy quân*, *ngụy quyền* – xin lỗi em phải dùng chữ của họ - và người Chăm, ông ta nói bóng nói gió là nếu em không chỉ cho họ biết nơi giấu, em sẽ bị ghép vào tội phản cách mạng với nhóm đó, mà anh biết đó tội danh đó bị tử hình như chơi, hay ít ra cũng bị tù lâu năm. Nhưng em vẫn cương quyết không khai nơi chôn những thùng đồ cổ, em không thể làm thế được.”

”Nhưng vì lý do gì em lại có cái hồn danh kỳ cục như vậy?”

”Từ từ. Nghe em kể cái đã... Thì cũng may, có ông trưởng ty công an tỉnh vào thăm trại, có bữa ông ra tổ chăn nuôi, rà rà đến nói chuyện với em, ông ta còn trẻ mà! Ông này, theo như cha Cần, ông cha biệt giam ra rồi cứ đi tưới hoa đó, cho em biết ngày xưa ông trưởng ty đó là một đại chúng sinh đi theo cách mạng. Cho nên, chỉ mấy ngày sau khi vào thăm trại, ông ấy bắt đẹp ngay loại cùm sắt kinh khủng. Tù ai cũng xầm xì khen ông là người nhân đức hiếm có giữa đám đầu trâu mặt ngựa. Những lần sau, lần nào ông vào công tác ở phòng công an huyện Hàm Cá, ông cũng đến tổ chăn nuôi em nói chuyện, hỏi thăm đủ thứ. Có một bữa em còn thái chuối heo một mình, ông đứng nói chuyện lâu hơn thường. Em có trực giác ông thích em và ông là người tử tế, cho nên em nói hết những oan ức với ông ấy. Ông bình tĩnh nghe và ông ta hứa, trong khả năng của ông, sẽ giúp em. Và cũng may ông ta có người anh làm lớn ở Bộ Công An

ngoài Hà Nội, nên vụ của em được mau chóng chấp pháp lại. Một thời gian ngắn, sau khi anh chuyển trại, ông chuyển em ra công an tỉnh để chính ông ta chấp pháp.

Còn cái hôn danh ấy, em nghĩ là cái ông chấp pháp mặt rỗ người Thanh Hóa đã tung tin để gieo tiếng xấu cho em, để ông dễ bề chinh phục em, vì anh biết đó, một khi em mang tiếng là kẻ đầu trộm đuôi cướp như thế, thì có đẹp lòng lấy như công chúa, như bà hoàng đi nữa thì cũng chẳng ai thèm. Đúng như thế, với cái tiếng xấu Nga-đòn-gánh, ai cũng khinh dễ xa lánh em, kể cả mấy chị cùng buồng, chỉ có anh, chỉ có anh hiểu em."

"Trời ơi, nghề tung tin đồn để li gián, để triệt hạ đối phương, là ngón tuyên truyền tuyệt kỹ của mấy ông Cộng sản mà lại."

"Nhưng au khi anh chuyển trại được ba tháng, em chuyển trại ra tỉnh được một năm, thì em được thả."

Văn run người.

"Rồi sao nữa?"

"Rồi em xin đi làm y tá, hỏi đó thiếu người họ nhận đại, và dẫu sao hỏi trước em có học chút đỉnh về thuốc. Em về Cù Ti ở. Và ông ấy đã đến Cù Ti nói rằng ông ấy yêu em và ông ngỏ lời muốn cưới em làm vợ. Em từ chối. Ông ấy cũng là người quân tử, không nài ép em quá mức."

"Rồi sao nữa!"

"Anh bình tĩnh đi nào... Nhưng ông ta qua lại nhiều lần trò chuyện với em, nhưng em cứ nói đầy đủ cho qua chuyện, và em xin cho em được coi ông như người ân nhân.

Anh có biết không, ngày nào em cũng lôi những mảnh thư tình anh gởi, nhăn nheo, nhơ nhớp đến tội nghiệp mà em giấu không biết qua bao lần khám buồng, ra mà đọc? thì làm sao em có thể nào lấy người khác được. Em chỉ yêu anh, người đã hiểu em đến mức như vậy, một người có trí và có tấm lòng. Và em, em cũng cảm thấy ông ấy là một mẫu quân tử đúng nghĩa trong lúc cuộc đời dối trá nơi nơi, ông là người có tình người, biết nhìn xa trông rộng, nên em quyết định trình bày hết ước vọng của cha Giraudon Merton và của em, của dân tộc em. Anh Văn biết không, ông đồng ý tìm cách và hứa sẽ giúp em đưa qua Pháp những thùng đại liên mà em nói lúc nãy. Và rồi, ông ta đã móc nối được với người vượt biên, và gởi được những thùng đó qua cho cha Giraudon Merton. Nếu ông làm việc ấy vì yêu em, thì đó là một tình yêu vĩ đại, vì hậu quả sẽ rất tai hại cho ông, nếu bị lộ. Còn nếu ông làm việc ấy vì đại nghĩa cho dân tộc em, thì ông ta là một đại quân tử.

Thế rồi công an nghĩ ông ta móc nối bán bãi, và ông phải vào tù ngay chính trại Hàm Cá. Cuối cùng ông cũng được thả, vì như lời ông nói:

"Họ không thể khai thác gì tôi được, vì tôi là thầy của họ."

"Rồi sao nữa!"

"Ông ta thôi việc. Ông ta về Cù Ti này và sống một mình. Ông an phận không muốn làm phiền em nữa với cái dự tính muốn lập gia đình với em. Rồi ông ấy bệnh nặng. Trong thời gian bị bệnh, em chăm lo thuốc men cho ông, nhưng bệnh ung thư gan vương phải những ngày trong rừng, không cứu chữa được. Rồi ông chết. Trước khi nhắm mắt, ông cầm tay em và xin em nhận ông ấy làm chồng. Em cúi đầu xin vâng, và ông ấy xin ôm em trong lòng ông, rồi ông tắt thở."

Văn thở dài.

"Mà anh đi cả mười năm, không tin tức gì cả."

"Anh vừa ra tù, là thằng em đưa anh đi vượt biên liền. Qua tới nơi, anh nhờ nhà anh đi dò hỏi, nhưng họ nói là họ có đi dò la mà không thấy. Anh đâm nghi. Anh lại nhờ mấy người bạn thân nhất, đi kiểm dùm, thậm chí anh thuê tiền, nhưng họ viết thư báo là em có lẽ biệt tích, hoặc ở tù chưa ra, hay chết trong tù đâu rồi, vì không ai thấy bóng dáng em ở Hàm Cá. Có kẻ còn bảo anh khờ, lòng dạ đàn bà, hơi sức nào..."

Và mẹ anh trước khi mất cũng rất ân hận. Mẹ anh bảo anh phải kiếm em để xin lỗi cho mẹ. Em tha lỗi cho mẹ anh!"

"Có gì đâu anh! Mà mẹ anh chỉ làm việc ấy vì thiện ý đối với con trai của bà thôi mà."

"Ừ."

Văn lại thở dài.

"Mà em làm vậy cũng phải."

Hai người cúi đầu không nhìn nhau một lúc lâu. Thật lâu.

"Em làm vậy cũng phải. Em làm vậy cũng phải."

"Cảm ơn anh, như lần đầu tiên ấy. Comprendre, c'est déjà aimer."

"Ừ, gì thì gì, anh vẫn là kẻ có diễm phúc được em yêu."

"Em cũng vậy, em cũng là kẻ có diễm phúc được anh yêu."

Văn cười:

"Em phải nói là: Em là kẻ có diễm phúc được... hai người yêu."

"Hai là một. Hai là một "

"Ừ."

Rồi Nga quì xuống úp mặt vào đầu gối anh, van vĩ:

"Anh Văn ơi, em thì như vậy rồi đó, em không dám giữ anh, dù em rất muốn, nhưng hãy trở lại với em khi anh thấy cần."

Văn im lặng một lúc.

"Đi cả hơn mười năm rồi, bộ chưa đã hay sao mà còn đi nữa!?"

Họ còn nói với nhau nhiều nữa. Rồi những tiếng

nói trầm trọng, bị thương bị những tiếng cười đùa dần dần thay thế và tới tới thì bị thương lần trầm trọng đều bị triệt tiêu hết.

Tối hôm ấy, hai người nói chuyện tới khuya, họ cứ tiếc không có tờ khế ước hôn nhân lá khoai ở đây để xem chơi, để cười ha hả cho một cuộc đời bắt đầu chung đôi.

Cũng tối đó hai người ân ái với nhau. Có hoa champa tỏa hương trên hai thân thể và cả gió biển thổi vào mát rười rượi. Vẫn trong một thoáng nhìn qua khung cửa, ngạc nhiên thấy cả sao Sâm, lẫn sao Thương bên nhau trên bầu trời nhưng gần và, như đôi con mắt trần gian, đang nhìn qua vuông cửa sổ, nhìn vào lứa đôi yêu nhau, nhấp nháy, nửa như giễu cợt, nửa vui vui. Bóng nghiêng dài hai người chập chờn trên vách lá tới khuya. Yên ắng. Tiếng sóng đã ngừng vỗ, chỉ một đôi tiếng sương rơi trên tàn hoa chuối vườn ngoài. Nga ngủ dịu hiền. Vẫn cũng ôm lưng Nga mỉm cười thiu thiu ngủ. Nhưng anh bỗng cảm thấy như có ai đang nhìn hai người. Anh mở mắt nhìn qua khung cửa sổ thấp, và anh thấy con nhỏ chỉ đường lúc chiều đang đứng bên cửa sổ nhìn vào, bối rối, nửa như buồn buồn, nửa vui vui. Rồi cái nốt ruồi nâu nâu của nó dần dần biến thành màu đỏ, đỏ nhói như một vết thương ai đó vừa đâm.

**

Anh lại nhà ông Tặng thì không có ai ở nhà. Cả nhà có lẽ đã đi làm xa.

Và cũng đến ngày anh phải trở lại nước anh đang định cư, với cái lòng háo hức kiếm cách để trở lại Cù Ti, sống với Nga. Nhưng anh cũng quyết định rán ghé Indônêxia thăm cha Giraudon Merton đang tiếp tục truyền giáo ở đó, vì nghe Nga nói Nga được biết là cha đã già yếu lắm rồi, và cô khuyên anh nên ghé thăm cha cho cha vui.

Anh đến Indônêxia, và gặp được cha trong ngôi nhà gỗ nằm trong một khu vườn cỏ vườn tràn lan, cây vườn khô xác, chỉ còn những chùm bông giấy đủ màu là vui.

Văn kể cho cha về cuộc gặp gỡ với Nga, và chuyển lời của Nga thăm cha, và nói qua chuyện những thùng đại liên với cha.

Đôi mắt mệt mỏi lơ dờ của cha nhìn Văn, đôi mắt của những kẻ tử hay sinh không còn khác biệt; cha chỉ hơi ngạc nhiên khi nghe Văn kể, và cha bỗng ứa nước mắt, trầm trầm nói:

"Nhiều lúc tôi cứ nghĩ những thùng đồ cổ đó là cái quái gì mà hai mạng người phải hi sinh vì chúng, cô Phi Nga và cô em gái song sinh Mị Nga của cô....

Cuối cùng, qua bao nhiêu thủ tục, tôi cũng nhận được những thùng đại liên đồ cổ đó từ anh tài công người Công giáo mà cô Nga đã gởi gắm... Một thời gian sau, tôi được tin là công an Hàm

Cá đã khai lại vụ phản động chống cách mạng và bắt cả hai chị em, và đày ra đâu cái trại gì mà nổi tiếng gian ác nhất ở Thanh Hóa, và tôi cũng nghe là hai chị em đều bị bệnh nặng trong tù. Thực ra, cũng chỉ vì mấy cái thùng đó mà lây lan ra cả. Cô Phi Nga coi vậy chớ cô vốn đau bao tử hồi nhỏ, chịu gì nổi... Đêm đêm nốt ruồi duyên của cô Phi Nga cứ thấp thoáng trong phòng tôi như vết thương còn tươi..." Rồi cha bùng mặt khóc: "Ô, Vietnam, Terra cara mea, quare nostros liberos ediste? Nostros liberos! Nostros liberos! (Ôi, Việt Nam, Quê hương yêu dấu của tôi, có sao Người ăn tươi nuốt sống những đứa con của chúng ta? Những đứa con của chúng ta! Những đứa con của chúng ta!)" Vai gầy rung rung, tóc bạc rung rung.

Rồi cha ngừng đầu dậy, quệt nước mắt, chỉ tay vào phòng trong:

"Tôi còn vớt một đồng trong phòng kia kìa, cho nên trong cuộc triển lãm vừa rồi ở Viện Bảo Tàng Guimet người ta bảo là từ sau thế kỷ 19 không có một phát hiện nào mới về văn hóa Chăm là vì lẽ ấy."

Oslo, 17 VII 06

Chú thích:

(1) Georges Bernanos, trích từ Envoyer à un Ami.

(2) Thơ chữ Hán của Nguyễn Du.

(4) Thơ Chăm của Jimmy Trần, bài Umat po: Chúng sinh. Không biết ai dịch.

(5) Hoa đại: bông sứ, người chăm gọi là Champa, cũng là tên Nước.

(6) Câu này tiếng La Tinh. Có lẽ cha Giraudon Merton nhớ đến một câu than của một vị quan trong triều La Mã than khi thấy vua La Mã giết con nhiều quá. Động từ edo edi essum: có nghĩa là ăn, tiêu thụ, ăn tươi nuốt sống (devour), bỏ phí.



(tiếp theo từ Trang 31)

Số 2

Số 2 tượng trưng cho sự hòa nhã, ngọt ngào, sẵn sàng giúp đỡ và xã giao khéo léo. Liên hệ với mặt trăng. Tương đương với High Priestess, ái nữ Thổ Tinh, một thiếu nữ đang ngồi tiêu biểu cho quyền năng thiêng liêng, huyền bí và mọi sự bí mật trong cuộc đời đều chỉ khám phá bằng sự thông minh của trí óc và mọi sự hiểu biết đều có sự hỗ trợ của ý chí cương quyết. Cựu ngoại trưởng Henry Kissinger và Jules Verne thuộc loại người số 2.

Số 3

Tượng trưng cho tình cảm, tài năng đại chúng. Số 3 tiên đoán sự thành công trong các ngành khoa học, kỹ thuật nếu biết dung hòa sự hoạt động với khả năng tinh thần.

Số 3 liên hệ với sao Mộc Tinh (Jupiter). Các nhà bói toán Hy Lạp cho đó là một số hoàn toàn. Số 3 tương đương với Hoàng Hậu (The Empress) ở bài bói Tarot. Tổng Thống Mỹ Benjamin Franklin and Jonh Wayne đều thuộc loại người mang số 3.

Số 4

Tượng trưng cho công bình, trách nhiệm và bình yên.

Liên hệ với sao Saturne (từ vi gọi là sao La Hầu). Số 4 tương đương với The Emperor (Hoàng Đế) của bài Tarot, tiêu biểu cho uy quyền tối thượng, nhưng chỉ trong một đại hạn nào đó.

Số 5

Số 5 tượng trưng cho một trực giác thiên bẩm (true intuition), tượng trưng uy quyền thiêng liêng, sự NHANH TRÍ, hoạt động theo cảm hứng, phiêu lưu, gan dạ, sự kết hợp của tinh thần và vật chất.

Số 5 tượng trưng với thần đại tư giáo La Mã (The Hierophant). Liên hệ với sao Mercury. Abraham Lincoln và Adolph Hitler thuộc loại người mang số 5.

Số 6

Số 6 tượng trưng cho sự hòa hợp thẩm mỹ, ổn định quân bình, nhịp nhàng, hy sinh. Số 6 có ý nghĩa quyền rũ, nhịp nhàng cân nhắc, chọn lọc và tự do.

Số 6 tương đương với thần ái tình (The Lover) ở bài bói Tarot. Liên hệ với sao Venus.

Số 7

Số 7 tượng trưng cho khuynh hướng tinh thần và trí tuệ, cá tính riêng biệt, tư tưởng thâm trầm, và ảnh hưởng đến các môn khoa học kỹ thuật, triết lý, tôn giáo và siêu hình học. Số này tiêu biểu cho sức mạnh cường tráng và khả năng tiến thủ vượt bậc về tinh thần và tâm linh, cao cả thiêng liêng.

Số 7 liên hệ với sao Uranus (từ vi gọi là sao Thổ Tú), tương đương với thần Đại Trùng Tinh (The Chariot). Voltaire, Horace và Shakespeare đều thuộc loại người số 7.

Số 8

Số 8 tượng trưng cho quyền lực, thành công, chiến tranh, và tàn phá, có ý nghĩa lúc nào cũng phải tôn trọng công lý và đề phòng những tai nạn nguy hiểm và sự suy sụp, tàn phá.

Số 8 liên hệ với sao Mars (từ vi gọi là sao Hỏa Tinh), và tương đương với The Strength của bài Tarot (thần Hùng Cường). Cựu Đại Tướng Hoa Kỳ William Westmoreland và cựu Đại Tướng Douglas MacArthur đều thuộc loại người số 8.

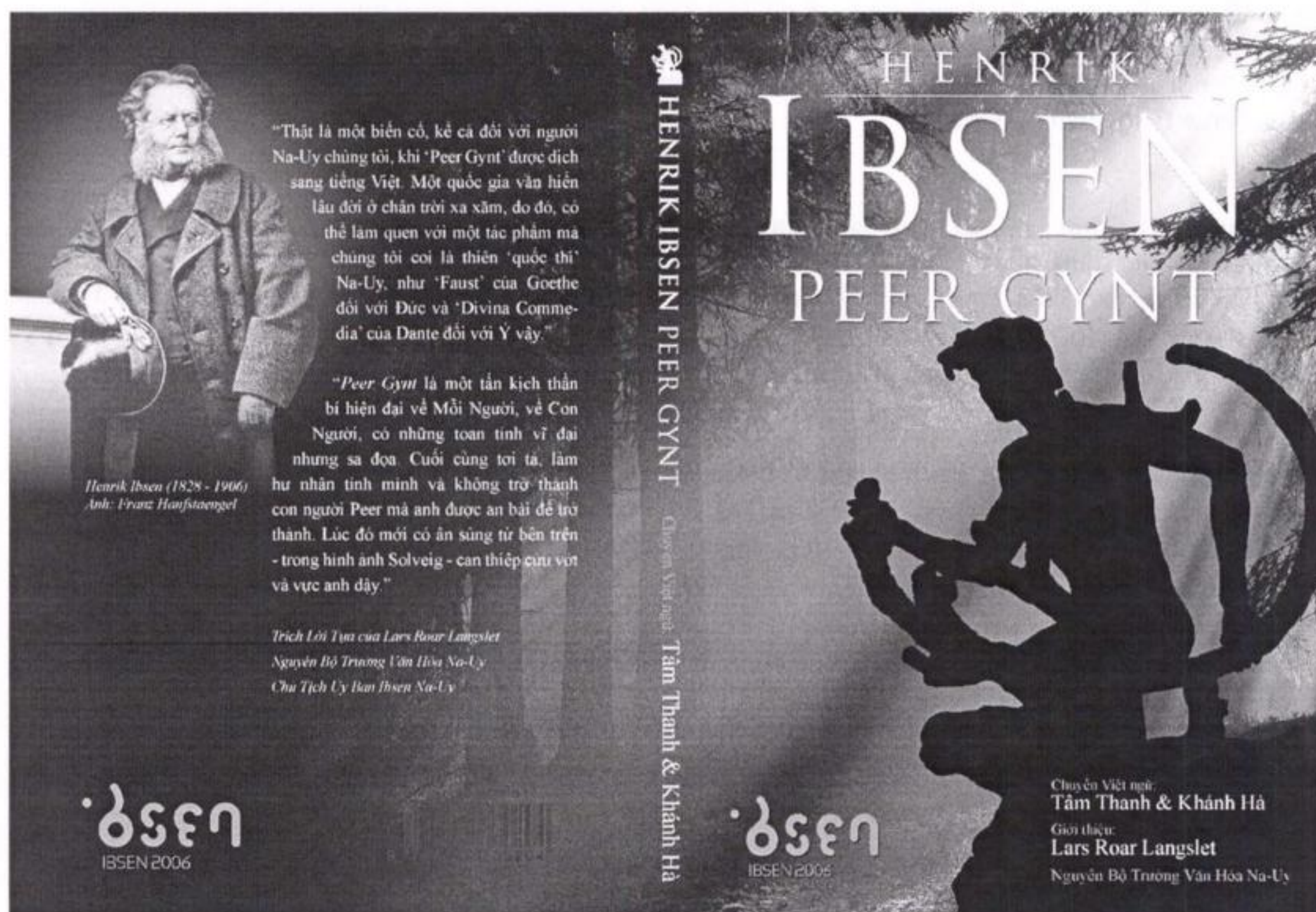
Số 9

Số 9 thể hiện tình thương vô bờ bến đối với nhân loại. Có ý nghĩa là phải sống khổ hạnh mới tìm ra chân lý và khuyên chúng ta: "sự im lặng là vàng bạc, lời nói phải cẩn thận, phải suy nghĩ chín chắn trước khi phát ngôn."

Số 9 liên hệ với sao Neptune, tương đương với The Hermit (Thần Tu Khổ Hạnh) của bài Tarot. Đức Không Phụ Tử và Thủ Tướng Ấn Độ Thánh Gandhi thuộc loại người số 9.

Lê Nguyên sưu tầm

Giới Thiệu Sách Mới



(Peer Gynt på vietnamesisk - Forord)

Det er en begivenhet også for oss nordmenn at Ibsens "Peer Gynt" nå er blitt oversatt til vietnamesisk. Et gammelt kulturland under eksotiske himmelstrøk vil dermed kunne bli kjent med det vi opplever som vårt norske "nasjonalepos", slik Goethes "Faust" er det i Tyskland og Dantes "Divina Commedia" i Italia.

Henrik Ibsen (1828-1906) hører til de store navn i verdenslitteraturen. Først og fremst er han kjent for sine mange dramaer, men også en rekke dikt står sterkt i Ibsens litterære verk. "Peer Gynt" er en krysning: et drama skrevet på vers, med overdådig fantasirikdom og leken ordkunst. Selv holdt han det for å være et "lesedrama", som neppe egnet seg for scenen. Men allerede i hans egen levetid ble det oppført med stor suksess, og en lang rekke moderne oppførrelser i flere verdensdeler viser at det har sterk appell også til vår tids teaterpublikum.

Ibsens skuespill hører til høydepunktene i drama-litteraturen. Vi vet fra internett at hver eneste teatersesong byr på rundt 150 Ibsen-oppsetninger over hele kloden – han kappes med Shakespeare om å være den mest spilte dramatiker gjennom alle tider. Ved siden av "Peer Gynt" er det især flere av samtidsdramaene som stadig går igjen på teatrenes spilleplaner, som "Et dukkehjem", "Vildanden", "En folkefiende" og "Gjengangere".

Det som slår en først ved samtidsdramaene er nok aktualiteten i temaer han tar opp. Nora i "Et Dukkehjem" er blitt selve ikonet for kvinnefrigjøring. Særlig i land med sterk kvinneundertrykkelse har dette stykket, trolig Ibsens mest spilte, sprengstoff i seg også idag. "En folkefiende" kan fortsatt utløse intense konfrontasjoner om miljøvern og politisk lureri i vår egen tid. Også andre Ibsen-stykker fungerer som utfordrende speilbilder av aktuelle problemer. Opprøre-

ren Ibsen, som avslører makten i gamle holdninger og fordommer (han kalte dem "gjengangere"), og maner til frigjøring fra dem, er fremdeles en farlig dikter.

Men når slike stykker fortsatt virker så sterkt, enda de ble skrevet for over 100 år siden, er det fordi de lodder dypere og har støtte livskraft enn noen av de "problemstillingene" vi finner i overflaten. Å redusere Ibsen til slagordenes endimensjonale verden er å gjøre ham langt mindre enn han var.

Ibsen fornyet dramaet med sitt uovertrufne mesterskap i det litterære håndverk. Hver detalj er gjennomarbeidet og "gjennomlevet", for å bruke et av hans yndlingsuttrykk. Han gir avkall på forklarende monologer og kunstige forviklinger for å klargjøre handlingen. Alt som er skjedd før, eller er i emning nå, blir gradvis avslørt gjennom aktørenes replikkveksling. Perspektivene er mangfoldige og mangetydige. Alle formler for å tolke kommer til kort. Ironien spinner gyldne tråder gjennom skjebnenettet, og her er masser av humor, stundom sarkastisk, stundom ømt medlevende.

James Joyce, som var en stor Ibsen-beundrer, sa at "han søker å fravriste livet dets hemmeligheter". Ibsen gjør det gjennom det subtile vekselspillet mellom personene, og dialektikken mellom deres fortid og fremtid, angst og håp, høy idealitet og dyp fornedrelse – med en suggestiv symbolsk undergrunn som gir dybde til den ytre handlingsgangen. Spennet mellom bindingene til fortiden og håpet om frigjøring til et ideelt liv sliter hovedpersonene i stykker. Det ibsenske samtidsdrama i "borgerlig" ramme heves opp til en fornyet versjon av tragediens urgamle ritualspråk.

Ibsens storhet er fremfor alt at han hever det tidsbundne til det universelle.

"Peer Gynt" (1867) ble skrevet før han gav seg i kast med samtidsdramaer. Det er et slags eventyrspill, gjennomvevet av stoff fra norske folkeeventyr, sagn og ordtak, folkemusikk, folkedans og annen "folklore" fra det gamle norske bondesamfunnet. (Men vi finner også en lang rekke referanser til en overnasjonal kulturverden – Bibelen, Shakespeare, Goethe...) Vi nordmenn føler nok at det i sin stofflighet er det mest urnorske av alle Ibsens skuespill. Hvordan kan det skje at det allikevel griper mennesker over hele kloden?

Jeg opplever "Peer Gynt" som Ibsens første drama om kunstnerens storhet og fall – et tema han tok opp igjen i flere av de senere dramaene, især det aller siste, "Når vi døde vågner". Skrønomakeren Peer Gynt er en kunstnernatur, en viril dikter som omskaper verden gjennom sine visjoner. Størst er han i de medrivende visjonene i unge år, som bukkerittet i stykkets første scene, og Mor Aases ferd inn i døden, ved utgangen av 3. akt. Men han går i forfall, blir et kynisk maktmenneske som skyver andre til side og forråder kjærligheten. Da ser vi at også dikterevnen tørres ut i ham.

Men i enda dypere forstand er "Peer Gynt" et moderne mysteriespill om Enhver, om Mennesket, som er eslet til storhet men går i forfall. Til slutt står han ribbet igjen, han har forspilt sin menneskelighet og er ikke blitt den Peer han var kallet til å bli. Da er det at nåden ovenfra – i Solveigs skikkelse – griper frelsende inn og reiser ham opp igjen.

Den norske stoffligheten i "Peer Gynt" blir dermed inngangen til et tidløst drama om menneskets skjebne. Det stedsbundne heves opp til det universelle.

Jeg takker Thanh Tam Ngo for at han har oversatt "Peer Gynt" til sitt eget morsmål, og håper at Ibsens mesterverk får mange nye lesere.

Lars Roar Langslet

(tidl. kulturminister, formann i den norske Ibsenkomitéen)

Lời Tựa

Thật là một biến cố, kể cả đối với người Na-uy chúng tôi, khi "Peer Gynt" được dịch sang tiếng Việt. Một quốc gia văn hiến lâu đời ở chân trời xa xăm, do đó, có thể làm quen với một tác phẩm mà chúng tôi coi là thiên "quốc thi" Na-uy, như "Faust" của Goethe đối với Đức và "Divina Commedia" của Dante đối với Ý vậy.

Henrik Ibsen (1828-1906) được xếp hàng đại danh trong nền văn chương thế giới. Ông được biết đến, trước hết vì ông viết nhiều kịch phẩm, nhưng cũng vì thơ chiếm một vị thế rất mạnh trong văn của ông. "Peer Gynt" là một sự phối hợp: một bi kịch viết bằng thơ, với sự phong phú của trí tưởng vô biên và nghệ thuật ngôn ngữ mỹ diệu.

Chính ông coi đây là một "kịch đọc", không phải để trình diễn. Nhưng ngay khi ông còn sinh tiền, nó đã được trình diễn thành công lớn, và hàng loạt dài các buổi trình diễn hiện đại trên thế giới đã chứng tỏ rằng vở kịch có sức mời gọi mãnh liệt, kể cả đối với khán giả thời nay.

Kịch Ibsen thuộc về những đỉnh cao của kịch nghệ. Qua mạng thông tin, chúng tôi biết mỗi một mùa kịch, trên toàn thế giới có khoảng 150 sân khấu dựng kịch Ibsen - ông chạy đua với Shakespeare trong cuộc thi kịch tác gia nào được diễn nhiều nhất mọi thời.

Ngoài "Peer Gynt", còn rất nhiều kịch hiện đại được lên chương trình hoành hoành tại các kịch viện, như "Et dukkehjem" (Căn Nhà Búp-bê), "Vildanden" (Vịt Trời), "En folkefiende" (Kẻ Thù Nhân Dân) và "Gjengangere" (Những Con Ma).

Điều gây ấn tượng trước tiên của các kịch hiện đại là tính thời sự trong các đề tài ông nêu lên. Nora trong "Căn Nhà Búp-bê" đã trở thành hiện thân cho phong trào giải phóng phụ nữ. Đặc biệt tại các quốc gia mà người đàn bà bị áp bức mạnh, kịch trên - có lẽ vở kịch được diễn nhiều nhất của Ibsen - mang theo thuốc nổ, kể cả ngày nay. "Kẻ Thù Nhân Dân" có thể tiếp tục khơi mào những cuộc đối chất về bảo vệ môi sinh và hoạt động chính trị trong thời đại chúng ta. Những vở kịch khác của Ibsen đang đóng vai trò như những tấm gương thách thức phản ánh các vấn đề thời sự. Con-người-phản-kháng Ibsen, con người vạch trần sức mạnh của những quan niệm cổ hủ và thành kiến (ông gọi là "những con ma"), rồi hô hào thoát ly, tiếp tục là một nhà thơ đáng sợ.

Sở dĩ những kịch bản như thế tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ, dù đã viết trên 100 năm nay, là vì chúng thấm sâu và có sinh lực mãnh liệt hơn một số những vụ "đặt vấn đề" mà chúng ta thấy ở bề mặt. Giản lược Ibsen vào một thế giới một chiều của những khẩu hiệu là làm ông kém cỏi đi hơn ông thực sự rất nhiều.

Ibsen đã làm mới nền kịch nghệ bằng sức quán quân vô địch của mình trong việc thủ-công-văn-chương. Mỗi một chi tiết đều được làm rất ráo và "sống rất ráo" - để dùng một trong những ngữ biểu cung của ông. Ông tránh độc thoại giảng giải và những khúc mắc giả tạo để làm sáng tỏ câu chuyện. Tất cả những gì đã xảy ra hay đang hình thành, đều dần dần được tiết lộ qua các lời đối thoại giữa các kịch sĩ. Viễn tượng thì phong phú và đa diện. Mọi công thức diễn đạt đều ngắn gọn. Tính châm biếm dẹt những sợi chỉ vàng suốt mạng lưới định mệnh, và nơi đây đầy dẫy hài hước, lúc thì mỉa mai, khi ưu ái.

James Joyce, người rất ngưỡng mộ Ibsen, nói rằng Ibsen "cố gắng giải mật cuộc đời". Ibsen làm việc đó qua ứng xử tinh tế giữa các nhân vật, sự tương tác giữa quá khứ với tương lai họ, giữa lo âu với hy vọng, lý tưởng cao vời với sa đọa tột cùng - với một nền tảng gợi ý tượng trưng, tạo một chiều sâu cho diễn biến bên ngoài. Sức căng giữa những mảnh ráp nối của quá khứ, và niềm hy vọng giải phóng cho một đời sống lý tưởng, thường làm các nhân vật trong các vở kịch bị kiệt sức. Kịch-ngệ-hiện-đại-Ibsen trong khuôn khổ "tư sản" được nâng lên một phiên bản mới của ngôn ngữ tế tự cổ điển của bi kịch.

Sự vĩ đại của Ibsen trên hết là do ông nâng cái nhất thời lên cái phổ quát.

"Peer Gynt" (1867) được viết trước khi ông bỏ toàn công vào nền kịch nghệ hiện đại. Đây là một loại kịch thần thoại, đan dệt bằng chất liệu từ truyện cổ tích, ca dao và thành ngữ

Na-uy, dân nhạc, vũ dân tộc và các loại "dân ca" khác thuộc xã hội nông nghiệp Na-uy cổ xưa. (Nhưng chúng ta cũng thấy rất nhiều trích dẫn từ thế giới văn hóa phi quốc gia - Kinh Thánh, Shakespeare, Goethe...) Người Na-uy chúng tôi cảm thấy, về mặt chất liệu, nó là cái rất Na-uy nhất trong các tác phẩm của Ibsen. Tại sao lại xảy ra hiện tượng là nó vẫn gây cảm xúc người ta khắp địa cầu?

Tôi cảm nghiệm "Peer Gynt" như bi kịch đầu tiên về sự vĩ đại và thất bại của người nghệ sĩ - một đề tài mà ông đã lập lại trong nhiều tác phẩm sau, nhất là tác phẩm sau cùng "Når vi døde vagner" (Khi chúng ta kẻ chết thức dậy). Anh chàng ba xạo Peer Gynt là một bản-chất-nghệ-nhân, một nhà thơ đầy tiềm lực, tạo dựng lại thế giới bằng dự kiến. Lớn nhất là trong trong những dự kiến lỗi cuốn thời trẻ, như người cỡi tuần lộc trong màn thứ nhất của vở kịch, và trong giờ hấp hối của Mẹ Aase, trong phần chót màn ba. Nhưng anh sa ngã, trở thành một con người vô liêm sỉ, gạt hết mọi người sang một bên và phản bội tình yêu. Từ đó chúng ta thấy năng lực thơ cũng cạn kiệt nơi anh.

Nhưng, hiểu sâu hơn nữa, "Peer Gynt" là một tấn kịch thâm bí hiện đại về Mỗi Người, về Con Người, có những toan tính vĩ đại nhưng sa đoạ. Cuối cùng tả tôi, làm hư nhân tính mình và không trở thành con người Peer mà anh được an bài để trở thành. Lúc đó mới có ơn sủng từ bên trên - trong hình ảnh Solveig - can thiệp cứu vớt và vực anh dậy.

Chất-liệu-tính Na-uy trong "Peer Gynt", do đó trở thành lỗi vào một bi kịch muôn thuở của số phận con người. Địa phương tính được nâng thành phổ cập.

Tôi cảm ơn Tâm Thanh và Khánh Hà đã dịch "Peer Gynt" sang tiếng mẹ đẻ của ông bà, và hy vọng kiệt tác của Ibsen có thêm nhiều độc giả mới.

Lars Roar Langslet Nguyên Bộ Trưởng Văn Hóa Na-uy Chủ Tịch Ủy Ban Ibsen Na-uy

Đôi lời của người dịch

Dịch thuật Peer Gynt là một thử thách lớn cho những người Việt ở trình độ chúng tôi. Vậy trước hết, xin một sự thông cảm khoan hồng của độc giả. Sau là tự biện bạch: Ibsen viết kịch thơ này năm 1867, thời mà tiếng Na-uy hơi khác ngày nay. Ông lại nhắm vào độc giả ba nước Na-uy, Đan-mạch và Thụy-điển, nên dùng nhiều điển cố, cách suy tưởng và ăn nói của người dân vùng Scandinavia, thể hiện nhiều nhất trong truyện cổ tích, cộng thêm ẩn dụ Kinh Thánh Kitô giáo, thần thoại Hy-lạp, triết học Kierkegaard, Hegel, thi ca Holberg, Goethe... những nguồn mà chúng tôi còn mù mờ. Nguyên thủy, Ibsen viết Peer Gynt để đọc, nếu không nói là để nghiền ngẫm, không phải để trình diễn. Mặc dù sau này được trình diễn thành công từ Âu, Mỹ sang Á, tác phẩm được ông đặt là "Bi ca", không phải "Kịch". Và ông cố ý, một đảng thả lỏng cho trí tưởng tượng của độc giả, một mặt gói ghém thông điệp vào những câu thơ quá hàm súc. Chúng tôi cảm thấy rất khó khăn đạt được cả ba tiêu chuẩn mà học giả Trung Hoa Hồ Thích đòi hỏi việc dịch thuật - 'Tín, Đạt, Nhã'. Thôi thì cứ thử dò dẫm. Trên đường dò dẫm, chúng tôi đã được nhiều người dẫn giắt. Nơi đây xin đặc biệt cảm ơn bà Vigdis Ystad, giáo sư văn chương Đại Học Oslo, về sự khích lệ lớn lao và chỉ dẫn tận tình; nhà văn Lars Roar Langslet, cựu bộ trưởng Văn Hóa, Trưởng Ủy Ban Quốc Gia Năm Ibsen về sự giúp đỡ và lời giới thiệu như một con đường sáng sủa vào thế giới Ibsen. Sau nữa, cảm ơn vị độc giả đang cầm cuốn sách này trên tay.

Tâm Thanh & Khánh Hà

(Giới Thiệu Sách Mới xem tiếp theo trang 80)

Lá Thư Na-uy

Lê Nguyên



Ngoảnh lại chợt giật mình bạn nhỉ! Một năm cũ chớp mắt đã qua đi để vòng tuần hoàn của thời gian được tiếp nối với một năm mới 2007 lại đến với hy vọng nhiều biến chuyển tốt đẹp hơn

Ngồi điểm lại những sự kiện xảy ra năm 2006 trên bình diện quốc tế, bất giác người viết chợt thấy nóng ran mặt mày. Có quá nhiều sự kiện và những biến cố quan trọng đáng được ghi lại để hầu bạn trên số đặc san năm nay.

Giải “Rafto” nhân quyền 2006

Tháng 10.2006 một tin vui cho cộng đồng Việt nam trên toàn thế giới và cũng là một nỗi đau đầu cho chính quyền Việt nam tại quê nhà khi hay tin Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hóa Đạo, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được ủy ban nhân quyền Na-uy trao tặng giải Rafto 2006 (The Rafto Foundation).

Áp lực phía Việt Nam

Cần nhắc lại trước thời gian tổ chức trao giải thưởng, một ủy ban trong quốc hội Na-uy đã có mặt tại Việt nam để gặp gỡ trực tiếp với các vị lãnh đạo với ý muốn Hòa thượng Thích Quảng Độ được đến Na-uy để nhận giải. Nhật báo Kinh tế Na-uy số ra ngày 26 tháng 9 năm 2006 đưa tin cho hay rằng phản ứng của nhà cầm quyền Việt nam về việc Thích Quảng Độ được báo chí nước ngoài xem là người đấu tranh bền bỉ cho nhân quyền trong suốt 30 năm qua tại Việt nam chỉ là một sự đánh giá một chiều.

Bà Tôn Nữ Thị Ninh đại diện cho Bộ Ngoại Giao nhà cầm quyền ở Việt nam nhấn mạnh: “Quý vị ở nước ngoài cần phải cẩn thận khi đưa ra một kết luận từ A đến B. Đối với chúng tôi Thích Quảng Độ chỉ là một nhân vật không đóng góp được sự hiệp nhất, ông ta chỉ có tham vọng cho chính bản thân mà thôi. Ngoài ra vẫn

đề trao giải thưởng của quý vị, căn cứ tin tức theo một chiều, trước tiên được bắt nguồn từ môi trường người Việt lưu vong ở nước ngoài.

Ngoài ra, bà Ninh còn lên tiếng chỉ trích: “Tại nhiều quốc gia trên thế giới, phần lớn văn bản một chiều thường được thuật lại dưới cái nhìn của những thành phần rời bỏ Việt nam vì những lý do chính trị. Đối với họ thì lịch sử đã chấm dứt kể từ ngày 30.04.1975 ”.

Sau cuộc gặp gỡ với các cấp lãnh đạo tại Việt nam, trở về Na-uy bà Marit Nybakk và ông Olav Akselsen thuộc đảng Lao động nhận định như sau: “Thật khó hiểu được những câu trả lời mà chúng tôi đã nhận được từ phía chính quyền Việt nam, dường như họ không dứt khoát. Chúng tôi không biết ngài Thích Quảng Độ có xin được chiếu khán để đến Na-uy nhận giải hay không. Nhưng một điều chúng tôi nhận ra, chính quyền Việt nam có cái nhìn rất đặc biệt đến bản thân ông ta và rõ ràng là họ không ưa ông ta lắm!

Thứ bảy ngày 04.11.2006, lễ trao giải “Rafto 2006” được tổ chức trọng thể tại Đại hý viện Quốc gia (Den Nationale Scene) Bergen, Na-uy, với trên 400 quan khách tham dự trên khắp thế giới. Ông Võ Văn Ái nguyên chủ bút tờ báo Quê mẹ được Hòa thượng Thích Quảng độ ủy thác đã lên nhận giải Rafto (trị giá 50.000 cơ-

rôn). Cũng cho biết thêm, trước đó một ngày, ngày 03.11.06, cộng đồng người Việt tại Na-uy đã tề tựu trên 200 người cùng nhau tuần hành tổ chức một đêm thấp nền cầu nguyện cho Quê hương Việt nam theo nghi thức Công giáo và Phật Giáo tại công viên Festplassen, cạnh Tòa Thị Chính Bergen.

Nghiên cứu gia Jon Sudbø “bị” bị lật tẩy

Đầu tháng giêng 2006, môi trường nghiên cứu trong lĩnh vực ung thư ở Na-uy bị mang tai tiếng quá cỡ thợ mộc! Sự vụ bắt nguồn từ bài viết nghiên cứu tham khảo của Jon Sudbø được đăng trên tạp chí y khoa Lancet của Anh quốc vào mùa thu 2005. Qua bài nghiên cứu này, bệnh viện Rikshospitalet – Radiumhospitalet đã quyết định khởi tố đồng thời thành lập một ủy ban điều tra về sự sai lệch, và tính chất nghiêm trọng không đúng sự thật của bài viết.



Nghiên cứu gia Jon Sudbø

Sự thật như thế nào, mời bạn cùng bước vào hậu trường để hiểu rõ sự việc hơn. Ông Jon Sudbø 44 tuổi, công dân Na-uy, nguyên là một bác sĩ và nha sĩ. Năm 2005 anh ta nộp đơn xin việc tại bệnh viện Oslo Rikshospital, sau đó cũng trong năm này, ông được hội đồng quản trị bệnh viện bổ nhiệm vào chức vụ bác sĩ trưởng khoa “Kreftklinikk” mặc dầu trên thực tế y chưa đủ hội đủ điều kiện để giữ chức vụ quan trọng này. Bạn có tin hay không thì tùy, nhưng chuyện này có thật tại đất nước này đây bạn ạ! Theo quy luật của y khoa, đặc biệt trong khoa điều trị ung thư, nếu ông Jon Sudbø muốn ngồi vào vị trí “Kreftoverlege”, y phải trải qua những khoá huấn luyện miệt mài như sau:

- Đương sự phải có ít nhất 4 năm làm bác sĩ phục vụ trong phân khoa ung thư
- Phải có 1 năm làm việc tại khoa nội khoa (indremedisin)
- Buộc tham dự đầy đủ 210 tiếng đồng hồ ở các khóa tu nghiệp y khoa khác nhau

Trong thời gian làm bác sĩ trưởng tại khoa Ung Thư (kreftoverlege) ở Rikshospitalet– Radiumhospitalet, Jon Sudbø đã lợi dụng sự quen biết với nhiều bạn đồng nghiệp trong môi trường nghiên cứu bệnh ung thư tại Na-uy. Mùa thu 2005 Jon Sudbø gửi bài viết có tính cách nghiên cứu tham khảo về hội chứng ung thư vòm miệng (munnhulkreft) cho tạp chí y khoa Lancet. Cũng nên nhắc Lancet là một tờ đặc san y khoa nổi tiếng thế giới, được giới chuyên môn đánh giá cao về nội dung và tính chất đi sâu về khảo cứu của nó.

Trong bài nghiên cứu, ông Jon Sudbø đã ngang nhiên tự quyền chế ra những con số ung thư trên hệ thống dữ liệu của Na-uy. Sau đó Jon Sudbø đã đưa ra một kết luận mà y cho rằng đã dựa trên nghiên cứu thống kê quốc gia như sau: “Những người hút thuốc lá có thể ngăn chặn, giảm thiểu nguy cơ bệnh ung thư miệng (munnhulenkreft) bằng cách uống một lượng thuốc kháng viêm không có chất steroid (NSAID) trên thị trường hiện nay. Cùng trong bài viết này, ông đã kết luận rằng lợi điểm NSAID trong việc ngăn chặn ung thư, nhưng cũng chính loại thuốc NSAID này lại gây ra những biến chứng có hại cho sức khỏe.

Ngoài ra trước đây, ông Jon Sudbø có thêm 2 bài khảo cứu nữa đã được đăng trên tạp chí Y khoa “New England Journal of Medicine” từ năm 2001-2004, cuối bài ông Jon Sudbø dẫn chứng về những dữ kiện và con số thống kê mà y có được là do giáo sư Steinar Thoresen cung cấp từ trung tâm ghi nhận ung thư quốc gia Na-uy. Nhưng tất cả đều do y bịa đặt cả. Thoạt đầu, ủy ban điều tra nghi ngờ 13 vị tạm gọi là đồng tác giả có tham gia hợp tác với Jon Sudbø trong vụ đồ bẽ này. Trong số này có các bác sĩ chuyên môn, chuyên gia có tiếng trong môi trường nghiên cứu. Nhưng sau đó nội vụ cho biết; thủ phạm chính chỉ có mình Jon Sudbø lãnh đủ.

Sự thật điều tra cho biết thêm, ông Jon Sudbø trong quá trình làm luận án tiến sĩ y khoa tại đại học Oslo, y đã gian lận sửa đổi những dữ kiện trong luận án của ông, thế mà chẳng ai phát hiện ra. Nếu sự gian lận của y không bị phanh phui, thì con đường công danh của y ai cũng đoán sẽ lên như điều gặp gió. Bây giờ thì sự thật đã rõ mười mươi. Hôm 19.12.2006, ban quản trị y khoa thuộc đại học Oslo đã quyết định rút bằng tiến sĩ của Jon Sudbø. Báo chí cho biết sau vụ này Jon Sudbø bị thôi việc, mất job, và mất luôn cả giấy phép hành nghề bác sĩ và nha sĩ. Ngoài ra còn mất luôn một số lợi tức béo bở 1.3

triệu kroner trong năm 2006.

Sự thật tác hại của những con số “ma” này có ảnh hưởng như thế nào đối với các cơ quan có thẩm quyền thì chúng ta chưa rõ. Nhưng tiếp theo sau đó tin giạt gân này đã được các hãng thông tấn loan tin đi toàn thế giới, khiến cho môi trường nghiên cứu ở Na-uy về bệnh ung thư từ trước tới nay được thế giới biết đến nhiều, nay lại bị mất mặt trước công luận.

Chưa hết đâu, sau vụ tai tiếng Jon Sudbø, hội bác sĩ (Legeforeningen) đã công bố rằng hiện nay trong nước có trên 300 vị bác sĩ trưởng (overleger) chưa hội đủ điều kiện cho chức vụ này, nhưng vẫn mệnh danh thi hành nhiệm vụ như thường!

Điều trị sai ...bệnh nhân đòi bồi thường

Tưởng đâu khi bệnh được điều trị tại các bệnh viện công của Na-uy là chắc ăn như bắp rang! Nhưng bạn đừng quá chủ quan nhé. Năm vừa qua có trên 3700 bệnh nhân đệ đơn lên cơ quan Norsk Pasientskadeerstatning đòi bồi thường thiệt hại cơ thể. Con số này gia tăng 9 % so với năm 2005. Phần lớn các con bệnh kiện cáo vì các ca phẫu thuật không thành công hoặc bị đình hoãn. Số khác đòi bồi thường vì chẩn bệnh ung thư báo quá trễ, hoặc bị nhiễm trùng khi xuất viện.

Tiêu xài hàng tỷ bạc trong mùa Noel

Năm 2006, Ola và Kari đã đạt con số kỷ lục tiêu xài lên đến 41,5 tỷ kroner. Chỉ việc mua sắm, quà cáp trong tháng 12.2006 vừa qua, Sở thương mại ước tính dân Na-uy đã chi khoảng 12,5 tỷ cơ-rôn. Vậy trung bình mỗi đầu người chi khoảng 8900 cơ-rôn trong mùa Noel vừa qua. Trong số này, dân Oslo chi nhiều nhất so với các nơi khác trong nước.

Kỷ lục gửi sms trong đêm giao thừa – Hãng điện thoại hốt bạc

37,5 triệu điện thư sms được Ola và Kari gửi đi trong đêm giao thừa. Các hãng điện thoại viễn thông lớn như Telenor, Netcom đã hốt bạc thoải mái với giá mỗi sms khoảng từ 0,50 xu cho đến 1,2 cơ-rôn tùy theo bạn chọn thuê bao dạng nào. Ước tính cho thấy với con số 4,6 triệu dân cư, trung bình mỗi người gửi 8 sms.

Liều mạng - mất bằng lái xe

Hôm 02.01.06, cảnh sát phối hợp với nha lộ vận đã mở cuộc họp báo công bố kết quả “bắt lười” của năm 2006. Hai tuần trước khi bước qua năm mới, có trên 4251 người bị tịch thu bằng lái vì vượt quá tốc độ. Gia tăng 30 % so với cùng kỳ

năm ngoái. Bao nhiêu đó cũng đủ chứng minh cho thấy dân Viking cũng có nhiều tay lái xe liều mạng, chẳng kiêng nể đến luật giao thông để rồi phải cuốc bộ đi làm vậy. Thống kê nha cảnh sát phân chia hai nhóm bị mất bằng lái nhiều nhất: Nhóm thứ nhất gồm tuổi trẻ ở độ tuổi từ 18-24, người già mất yếu, xe quá cũ. Nhóm thứ hai thuộc giới thượng lưu, trung niên, thường chạy xế xịn, nhiều năm kinh nghiệm lái xe. Theo công bố, số nạn nhân tử vong trong tai nạn giao thông cũng gia tăng hơn so với năm 2005.

Mùa đông hay mùa thu đây?

Năm 2006 được bắt đầu bằng những dấu hiệu không bình thường của thời tiết, từ tháng 2 đến tháng 3 trời bỗng trở nên lạnh khác thường. Mùa hè nóng ẩm hơn mọi năm, mùa thu đến rất chậm trễ rồi mùa đông chợt về với những cơn mưa rá rích, ướt át đến nỗi tuyết không muốn rơi luôn. Bà con Na-uy năm nay phần lớn thờ phào nhẹ nhõm khi thoát được màn sức tuyết ngập tràn sân như mọi năm. Lạ thật! cho đến những ngày đầu tháng giêng 2007 mà đường sá Oslo vẫn ướt át như mùa thu vậy, cho nên nếu bạn để ý sẽ thấy đằng sau lớp đá băng mỏng vẫn còn màu xanh của cỏ dại. Chẳng khác nào hai mùa đông, xuân, quần quýt với nhau không rời vậy. Thật vậy, nha khí tượng cho biết năm 2006 là một năm có nhiệt độ nóng nhất kể từ năm 1937. Không có tuyết cũng là một nỗi đau đầu cho các thương hiệu bán dụng cụ trượt tuyết. Vì người tiêu dùng giảm đi so với mọi năm. Dân Viking buồn đâu không biết, chứ phần nhiều dân ngoại kiều đến từ các xứ nóng như dân An nam ta thì khoái lắm.

Hộ chiếu giả bộc phát

Nha cảnh sát báo động khẩn, hiện tượng hộ chiếu giả, giấy cư trú giả, đang có nguy cơ tràn vào Na-uy. Chỉ tính từ mùa thu 2006, cảnh sát đã phát hiện và tịch thu trên 15 hộ chiếu giả mạo đi đôi với đơn xin cư trú. Đồng thời đã có 15 mạng liều lĩnh đến từ Nga và vùng vịnh đã mạo danh nộp đơn xin cư trú theo thỏa ước EØS. Nhưng đã bị lộ tẩy. Theo ty cảnh sát cho hay, pass giả trông rất tinh vi, nhưng họ đã có cách để phân biệt.

Theo nhật báo VG loan tin hôm 09.11.2006, cho đến nay đã có trên 130.000 pass bị thất lạc. Chỉ riêng năm ngoái đã có 20 ngàn hộ chiếu và giấy thông hành ra đi không hẹn ngày trở lại. Cảnh sát trưởng (Interpol) Ronald K.Noble cho hay chỉ có vấn đề là thời gian trước khi bọn khủng bố hành động nhờ những hộ chiếu bị đánh cắp hoặc bị bỏ quên.

Chứng nhân Giehova bị mất mạng vì từ chối truyền máu

Tin xảy ra trong năm đây bạn, mặc dầu đã bị bác sĩ khuyến cáo vì nạn nhân mất máu quá nhiều. Một chứng nhân Giehova đã thắng thường từ chối được truyền máu. Lý do rất đơn giản được hội viên Giehova Helge Gjorgensen thuộc nhóm trình bày: Chúng tôi sẵn sàng đánh đổi cuộc sống để được phục sinh. Đây là niềm tin và lối sống theo phúc âm của hệ phái của chúng tôi. Bản tin này đã làm cho Lê Nguyên tui chợt nhớ đến một người bạn Việt nam hiện còn sống sót tại Na-uy. Anh bạn tôi sau căn bệnh ngặt nghèo, mất máu khá nhiều, nhưng từ chối được tiếp máu theo lời đề nghị của bác sĩ. Thế là sau khi xuất viện về, anh phải mất một thời gian khá lâu mới bình phục trở lại. Oái ăm thay vì cơ thể của anh đang trong thời gian cần máu để nuôi các bộ phận khác trong lúc suy yếu, cho nên tóc anh vì thế bạc đi khá nhiều, trông thâm thẫm, tiêu tụy hết sức. Đến nay gặp anh, thỉnh thoảng anh vẫn hay ân hận khước từ ân huệ “truyền máu” chỉ vì mỗi cái tội sợ bị lây bệnh sida từ máu người khác.

Hiếp dâm gia tăng – dê xồm cao bay

Nạn hiếp dâm đang có mội bộc phát mạnh tại thủ đô Oslo. Theo phòng bác sĩ trực (Oslo legevakt) công bố trong tháng 12.2006, có trên 300 nạn nhân đã được điều trị tại đây, tăng cao so với cùng kỳ năm ngoái là 235 mạng. Khuynh hướng cho thấy, các chú dê xồm này thường làm ầu tại các chung cư của họ, chỉ có một phần năm làm thực hiện hành vi này bên ngoài. Đa số là kẻ say rượu. Trong mười vụ hiếp dâm, chỉ có khoảng 3 vụ cảnh sát tìm ra thủ phạm. Ngoài ra khoảng 40 % vụ bị hủy bỏ vì biết đâu mà tìm.

Hadia Tajik - cô gái ngoại kiều thành công

Giới ngoại kiều tại Na-uy trong tháng 12.2006 đã có dịp ngưỡng mộ cô Hadia Tajik 23 tuổi, người Pakistan, cô được chọn làm cố vấn chính trị cho bộ trưởng Bộ Lao Động và Hội Nhập (Arbeids- og inkluderingsministeren) là ông Bjarne Håkon Hanssen. Cha mẹ cô là người Pakistan, ông bà ngoại có gốc Afghanistan. Hadia có mảnh bằng Mastergrad về nhân quyền tại London. Ngoài ra cô còn hoạt động rất tích cực với vai trò phóng viên chuyên viết bài cho các tờ báo như VG, Aftenposten, Morgenblad. Trước đây cô từng là phó chủ tịch AUF tại tỉnh nhà Rogaland. Sau tin Hadia Tajik được chọn lên ghế cố vấn chính trị cho ngài bộ trưởng Hanssen, báo chí truyền thông Na-uy đã đề cập đến cô rất nhiều và không ngớt lời khen ngợi sự hoạt động dấn thân của cô gái ngoại kiều tuổi đời còn rất trẻ và đầy triển vọng.

Phát biểu cảm tưởng khi được đề nghị một công việc mới, cô Hadia Tajik đã thẳng thắn trả lời "Một lời mời gọi mà tôi rất khó từ chối. Tôi nghĩ Bộ lao Động và Hội Nhập chú ý đến những kinh nghiệm của tôi đã có".



Hadia Tajik

Nhìn chung cho thấy giới trẻ Pakistan trong những năm gần đây, về mặt tiêu cực và tích cực cho thấy. Giới trẻ họ cũng bị mang tiếng xấu nhiều. Nhất là trong năm 2006 vừa qua, đã xảy ra nhiều cuộc ẩu đả giữa các băng đảng, phe nhóm (A-B gjenger) khiến ty cảnh sát nhiều phen đau đầu đối phó. Nhưng về mặt tích cực họ đã và đang thành công. Xét về mặt nổi, họ đã có một chỗ đứng và một vị thế khá vững vàng trong nhiều lĩnh vực khác nhau trong xã hội Na-uy. Từ một luật sư Abid Raja đang hành nghề tích cực cho cộng đồng cho đến các bác sĩ, kỹ sư, các vị dân biểu của họ đang có mặt trong các ghế tại quốc hội Na-uy, hội đồng thành phố v.v..

Cần nhấn mạnh thêm, sự tham gia của họ vào môi trường chính trị. Về lâu về dài trong tương lai, dĩ nhiên tiếng nói và sự ảnh hưởng của cộng đồng Pakistan sẽ triển nở tốt đẹp. Thiết nghĩ khó có sắc dân ngoại kiều nào sánh kịp. Ước mong sao giới trẻ Việt nam thuộc thế hệ thứ 2 sinh ra và lớn lên tại Na-uy có một thái độ và cái nhìn trưởng thành hơn trong tiến trình hội nhập. Thành công về mặt học vấn cũng chưa đủ, hãy vì tương lai của cộng đồng nên dự phần nhiều hơn nữa vào môi trường sinh hoạt đoàn thể, chính trị, để sánh vai với các bạn bè ngoại kiều trong tiến trình hội nhập trên quê hương thứ hai.

Vũ nữ sexy đòi bình đẳng - Miễn thuế

Ai bảo vũ nữ sexy không phải là một bộ môn nghệ thuật thì lầm to rồi đấy nhé! Hôm 06.12.2006 tòa phúc thẩm tại Oslo đã phán quyết chắc như bấp rang, không thay đổi: "Nhảy thoát y sexy là một môn nghệ thuật như bao môn nghệ thuật mua vui khác".

Sau khi nghe quan tòa phán quyết, cô vũ nữ sexy Carmen và các bạn đồng nghiệp đã vui mừng hồ hởi. Lý do dễ hiểu thôi, kể từ đây sở thuế sẽ không có quyền đòi hỏi tiền thuế trị giá gia tăng cho vé vào cửa nữa.

- Đây là một tin vui, thắng lợi quan trọng đối với nghề nhảy của tôi, bây giờ tôi được tôn trọng, đánh giá như là một người làm nghệ thuật.

Cô Carmen cho biết trong thời gian 3 năm hành nghề gái nhảy tại nhiều nơi khắp Châu Âu, chưa có nơi nào bảo thủ như Na-uy cả, và cô còn hy vọng sau phán quyết này mọi chuyện sẽ thay đổi. Carmen hiện đang hành nghề tại các vũ trường Diamon và Go Go Bar. Sự đòi hỏi đòi công nhận nghề gái nhảy cũng là một môn nghệ thuật, đã được nhóm chủ nhân Den blue Engel hiện làm chủ vũ trường Go Go Bar đã vác đơn lên kiện tòa án Oslo, đòi hỏi được miễn trả tiền thuế trị giá gia tăng cho vé vào cửa.

Nha Thuế Vụ sau khi nghe tòa phán quyết đã kháng án, nhưng đã phải chào thua. Nhóm Den blue Engel viện chứng lý do cách đây 4 năm về trước, tại Konserthus Oslo đã có nhóm Chipendale nhảy sexy do nam giới diễn, lúc đó sở thuế đâu có đòi hỏi tiền thuế vé vào cửa đâu.

Chưa hết đâu bạn nhé, ngài bộ trưởng Bộ Văn Hoá Trond Giske lúc đó không có ý kiến gì hết, ông chờ đợi sự phản ứng của Nha Thuế Vụ và các phản ứng từ bên ngoài.

- Thật là lố bịch và nhảm nhí hết sức! Tôi có cảm giác dường như quan tòa chưa biết gì ráo trọi, bộ họ chưa bao giờ bước chân vào câu lạc bộ nhảy strippen hay sao? Nếu cho nghề gái nhảy “vũ nữ thân gầy” là một bộ môn nghệ thuật thì chẳng khác nào đi đôi với phim khiêu dâm. Vậy thì bây giờ nghề gái nhảy có được đưa vào trường văn hoá (kulturskolene) hay trường cao đẳng nghệ thuật (Kunsthøyskolen) hay không?

- Bộ nghề gái nhảy cũng nhận lương như một nhà nghệ thuật sao? Thật đáng buồn làm sao!” Đây là lời phát biểu nhận định của bà Inga Marte Thorkildsen thuộc đảng Xã Hội Cánh Tả. Inga Marte Thorkildsen nhận được sự đồng tình của chủ tịch Ủy ban Văn hóa và Gia đình May Helen Molvæ Grimstad (từ đảng Nhân Dân Cơ Đốc Giáo) cho rằng tòa phúc thẩm đã kéo bộ môn nghệ thuật đi quá xa.

Cho vay cũng được giải thưởng Nobel

Giải Nobel Hòa Bình cho năm 2006 được trao cho ông Muhammed Yunus và hội đoàn Micro-finans do ông sáng lập tại Bangladesh, Grameen

Bank.



Muhammed Yunus

Đôi dòng tiểu sử

Muhammad Yunus sinh tại Chittagong, một hải cảng lớn của Bangladesh, ông hoàn tất bằng cao học tại đại học Dhaka. Sau đó ông lấy bằng tiến sĩ về kinh tế tại đại học Vanderbilt ở Nashville USA trong năm 1969. Kể đó ông khởi sự vào nghề giảng dạy như là một giáo sư kinh tế tại trường đại học Chittagong.

Muhammad Yunus thực sự bắt đầu cuộc chiến chống sự nghèo đói vào năm 1974 khi nạn đói kém lan rộng tại Bangladesh. Là một nhà kinh tế tài ba, ông thấu hiểu hoàn cảnh dân tình nghèo khổ và chợt nhận ra rằng đối với một người nghèo “khố rách áo ôm”, chỉ cần cho họ vay mượn một số vốn nhỏ nhoi thôi cũng đủ làm cho họ có đủ năng lực để sống còn. Thế là từ đó ông thực hiện hoài bão của mình để thay đổi bộ mặt thế giới chung quanh ông. Số vốn đầu tiên 27 đô la mà ông có trong bóp trong lúc cơ hàn, ông đã đem cho một phụ nữ nghèo tại miền quê Jobra mượn để bà ta làm ghế tre bán. Sau đó ông được người phụ nữ hoàn trả với một số vốn và kèm theo tiền lời tính ra vào khoảng 5 đồng bangladesh. Nhờ số tiền này mà người phụ nữ nọ có khả năng nối tiếp công việc làm việc kinh doanh nuôi sống gia đình qua ngày.

Mục tiêu của ngân hàng Grameen Bank

Từ năm 1976, ông Yunus đã sáng lập ra ngân hàng cho vay nợ có tên là Grameen Bank, với mục tiêu xuất tiền cho những người dân nghèo quanh vùng mượn trước trả sau. Từ đó đến bây giờ Grameen Bank đã cho vay hơn 5,1 tỷ đô la đến 5,3 triệu người. Để bảo đảm các con nợ có vốn để hoàn trả lại, ông Yunus đã thành lập ra hệ thống *solidarity groups* - tạm dịch “nhóm liên kết”. Với hệ thống này người vay tiền sẽ tạo thành một nhóm nhỏ có trách nhiệm liên đới, hỗ trợ để cùng nhau cố gắng hoàn trả lại khi kinh tế đã phát triển.

Sau thành công này, Grameen Bank cũng đã phát triển đi lên bằng cách cho vay bằng thẻ tín

dụng để giúp những người quá nghèo, sau đó ngân hàng còn cho vay tiền để mua nhà, kinh tài cho việc đánh bắt cá cùng hệ thống tưới nước cho mùa màng v.v.. Kết quả cho thấy với tư tưởng cho vay của ông Yunus đã làm nên một mô hình “Thắng sự nghèo đói mới có hòa bình”, và mô hình này có sức tác động mãnh liệt đến những dự án tương tự tại các nước đang phát triển cũng như các nước công nghiệp. Một điểm đáng chú ý và khá nổi bật của Grameen Bank là họ đặt nặng và chú trọng đến các con nợ phụ nữ. Trên 96 % tiền cho vay của Grameen Bank đều dồn cho giới nữ. Chiến thuật của Grameen Bank nằm ở tâm lý chung: Phụ nữ thường tần tảo trong tiêu pha, quán xuyến mọi việc trong gia đình và họ có khả năng để hoàn trả lại số nợ sớm hơn so với cánh nam giới.

Năm	Danh sách những nhân vật thắng giải thưởng hoà bình từ năm 2000
2006	Grameen Bank, Mo-hammad Yunus
2005	IAEA, Mohamed ElBaradei
2004	Wangari Maathai
2003	Shirin Ebadi
2002	Jimmy Carter
2001	Liên Hiệp Quốc, Kofi Annan
2000	Kim Dae-jung

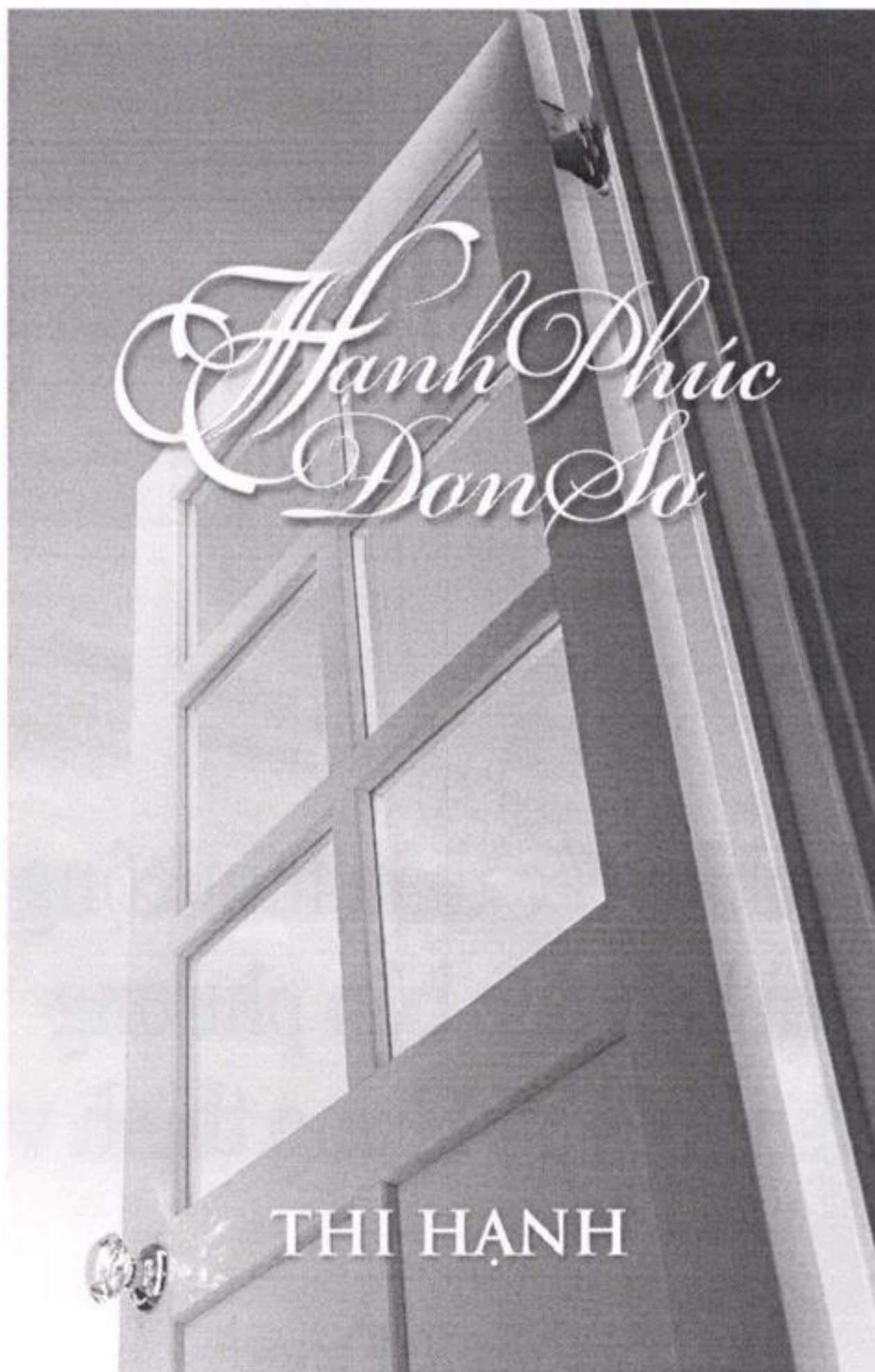
Lê Nguyên

Kính chúc các thân hữu cộng tác
và bạn đọc bốn phương
một năm mới an khang thịnh vượng

Viết&Đọc



Giới Thiệu Sách Mới (tiếp theo từ trang 73)



Độc Thơ Thi Hạnh trong Tâm Tình Mới

‘Cỏ Non Stavanger là ai vậy?’ Người yêu thơ tại Na-uy ngạc nhiên hỏi nhau khi thấy những vần thơ xanh rờn, tươi mát xuất hiện trên các tờ đặc san tiếng Việt.

*Nhỏ nghe không mùa thu như đã đến
Gió mơn man làn tóc rối nhẹ bay
Trong tiếng gió mơ hồ Nhỏ có hay
Đó là lúc anh gọi thăm tên Nhỏ*

Cũng như đàn bà, thơ khó giấu tuổi. Đọc những câu thơ ông ọ của một nữ sĩ đã thành bà

ngoại, đọc giả dễ nổi da gà. Nhưng đọc Cỏ Non Stavanger người ta dễ đoán tác giả là ai -- phải là một người trẻ, một cô gái có tâm hồn, đa cảm và mới biết yêu. Không chừng cô bé chỉ làm bộ yêu đương, bởi tình rất nhẹ, nếu có đổ vỡ, cũng chỉ là một 'chiếc lá úp mặt' :

*Nhỏ đi rồi mùa thu buồn nhiều lắm
Chiếc lá vàng úp mặt khóc bơ vơ*

Cái ghen cũng rất nhẹ, như một... lo xa thôi :

*Và anh nhé, nếu cùng ai sánh bước
Bỏ qua lồi cỏ vắng ngày xưa*

Chỉ vì lồi cỏ vắng đó đã có lần in dấu chân cô thi sĩ của chúng ta với người yêu. Họ đã 'trước bạ' nó thành tài sản riêng -- bất khả xâm phạm.

Vẫn những giòng thơ như thế lại xuất hiện trên một số tập san tiếng Việt bên ngoài Na-uy, dưới nhiều bút hiệu khác... và hôm nay được gom góp trong tập thơ dưới tên Thi Hạnh.

Vườn thơ Thi Hạnh còn nhiều khóm hoa phảng phất mùi Nguyễn Bính, Xuân Diệu, TTKH... Phong trào Thơ Cách Tân không những nên thông cảm cho điều này, mà còn nên mừng rằng giữa thế hệ trẻ ở hải ngoại còn có người cặm cụi với thơ. Thơ có sống mới làm mới được. Điều quý hơn cái mới là kho tàng tiếng Việt mà Thi Hạnh nâng niu.

Ai có thể ngăn được cảm động khi biết những vần thơ sau đây được viết bởi một cô bé đánh vần chưa thạo khi đặt chân tới Na-uy?

*Mưa xứ người mười tám năm vẫn lạ
Phố xá tên đường gọi mãi không quen
Rồi những lúc đối diện với đêm đen
Thèm nghe tiếng quê hương mình réo gọi*

Một bằng chứng khác cho tấm lòng tâm tui tiếng Việt của Thi Hạnh là những vần thơ lục bát nhuần nhàng, như :

*Mình em ngắm hạt mưa rơi
Lòng buồn vời vợi nhớ người từng giây*

Trong khung cảnh thơ đó, nhất là giữa thời đại liên mạng và bút bi, những hình tượng 'mực tím', 'phượng vĩ' bỗng thoát khỏi khuôn sáo để trở thành một tiếng gọi âm thầm khó làm ngơ :

*Anh đến với em bằng trang giấy trắng học trò
Em đến với anh trong đơn sơ màu mực tím*

Tập thơ này, vì thế, hy vọng không phải là góp nhặt một bó hoa khô để làm kỷ niệm, nhưng là dành dùm một mớ hạt giống, đợi mùa...

Tâm Thanh

(Oslo, Ngày Kim Tinh giao thoa Thái Dương (8.6.2004))

Cánh tuyết

Thơ : Thi Hạnh

Nhạc : Trần Thụy Minh

♩ = 62

Boston Am Dm

Tuyết rơi một mùa đông trắng. Chơi

với từng hạt âm thầm. Êm đềm trong khoảng hư

không. Lạnh lạnh băng khuôn quyền lấy. Một

chiều mùa đông năm ấy. Mây ngàn lơ lửng quên

trôi. Song hành khẽ bước bên người, nhịp

nhàng hoa tuyết nhẹ rơi. Rồi từ

ấy nghe lòng xao xuyến, bồi hồi từng chuyển tương tư. Mong chờ đếm những cánh thư. Lãng

lãng ngàn nỗi ước mơ. Rồi từ ấy anh về có hay? Ngàn sợi

tuyết là thương nhớ đông đây. Ai ngờ sợi tan trên tay! Ai

ngờ tuyết là hương bay... Nhớ nhưng từng giây từng phút... Bàng

Slow rock A A⁷ E⁷ A D Bm E D E⁷ Bm E⁷ Boston Am C

hoàng một thoáng hư hao. Vội
E7 Am

vàng như giấc chiêm bao. Cánh
E7 Am

tuyết vụn vỡ lao xao.
Am E7

đề hết... Giờ cánh tuyết từng hạt lẻ loi.
E A7

Bước chân đời mình em chơi với... Hết

Bergen, tháng 9 năm 2006

Cùng chúc tân xuân

Viết & Đọc thân chúc toàn thể các thân
hữu góp mặt trong đặc san 2007 và
bạn đọc khắp nơi một năm mới an
khang thịnh vượng.

